TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG

KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan Luận văn thạc sĩ ***"Kế toán tài sản cố định tại Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Hà Đông***" là công trình nghiên cứu độc lập do tác giả thực hiện dưới sự hướng dẫn của **TS. Đoàn Thục Quyên**. Luận văn chưa được công bố trong bất cứ công trình nghiên cứu nào. Các số liệu, nội dung được trình bày trong luận văn là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng, hợp lệ và đảm bảo tuân thủ các quy định về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

Tôi xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung của luận văn thạc sĩ.

Tác giả luận văn

Nguyễn Thị Thanh Hương

LỜI CẢM ƠN

Trước tiên, tác giả xin gửi lời cảm ơn đến Ban Giám Hiệu, các Thầy/Cô giáo Trường Đại Học Công đoàn, những người đã tận tình truyền đạt kiến thức và tạo điều kiện để tác giả học tập và hoàn thành tốt khóa học.

Đồng thời, tác giả cũng xin trân trọng cảm ơn các Thầy/Cô giáo Khoa sau Đại học Trường Đại học Công đoàn và đặc biệt là TS. Đoàn Thục Quyên, người đã trực tiếp hướng dẫn, chỉ bảo cho tôi trong suốt quá trình nghiên cứu đề tài.

Tôi xin chân thành cảm ơn đến Ban lãnh đạo và các anh, chị đồng nghiệp Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Hà Đông đã nhiệt tình giúp đỡ tôi trong quá trình thu thập thông tin cũng như các số liệu có liên quan đến đề tài nghiên cứu, tạo điều kiện tốt nhất để tôi hoàn thành được luận văn tốt nghiệp này.

Mặc dù đã hết sức cố gắng, nhưng do hạn chế về thời gian và kinh nghiệm, những vấn đề trình bày trong bản luận văn này chắc chắn khó tránh khỏi những sai sót, tác giả rất mong nhận được sự đóng góp của các Thầy/Cô giáo, bạn bè và các đồng nghiệp để vấn đề nghiên cứu được hoàn thiện hơn.

Trân trọng cảm ơn!

MỤC LỤC

Lời cam đoan

Lời cảm ơn

Mục lục

Danh mục bảng, sơ đồ

MỞ ĐẦU 1

1. Tính cấp thiết của đề tài 1

2. Tổng quan đề tài nghiên cứu 2

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG

KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu 4

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu 5

5. Phương pháp nghiên cứu 5

6. Những đóng góp của đề tài nghiên cứu 6

7. Kết cấu của luận văn 6

Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TRONG DOANH NGHIỆP 7

1.1. Những vấn đề chung về kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp 7

1.1.1. Khái niệm và đặc điểm tài sản cố định 7

1.1.2. Phân loại tài sản cố định 9

1.1.3. Đánh giá tài sản cố định 13

1.1.4. Yêu cầu quản lý, vai tr và nhiệm vụ kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp 19

1.2. Ảnh hưởng của chuẩn mực kế toán Việt Nam đến kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp 22

1.3. Nội dung kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp 28

1.3.1. Kế toán tăng giảm tài sản cố định 28

1.3.2. Kế toán khấu hao tài sản cố định 41

1.3.3. Kế toán sửa chữa tài sản cố định 47

1.4. Trình bày thông tin về tài sản cố định trên Báo cáo tài chính 50

Tiểu kết chương 1 51

Chương 2. THỰC TRẠNG KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ ĐÔNG 52

2.1. Khái quát chung về công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Hà Đông 52

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển 52

2.1.2. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý và kết quả hoạt động kinh doanh của công ty 55

2.1.3. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán 60

2.2. Thực trạng kế toán tài sản cố định tại công ty Cổ phần môi trường đô thị Hà Đông 63

2.2.1. Tình hình tài sản cố định tại Công ty cổ phần Môi trường đô thị Hà Đông 63

2.2.2. Thực trạng kế toán tài sản cố định tại công ty Cổ phần môi trường đô thị Hà Đông 66

2.3. Đánh giá thực trạng kế toán tài sản cố định Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Hà Đông 77

2.3.1. Ưu điểm 77

2.3.2. Những hạn chế và nguyên nhân 78

Tiểu kết chương 2 81

Chương 3. HOÀN THIỆN KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ ĐÔNG 82

3.1. Định hướng phát triển Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Hà Đông 82

3.2. Yêu cầu hoàn thiện kế toán tài sản cố định tại Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Hà Đông 83

3.2.1. Hoàn thiện kế toán tài sản cố định trong công ty phải phù hợp với các thông lệ, chuẩn mực quốc tế về tài sản cố định 83

3.2.2. Hoàn thiện kế toán tài sản cố định trong Công ty phải phù hợp với các quy định tài chính, kế toán của Nhà nước về tài sản cố định 84

3.2.3. Hoàn thiện kế toán tài sản cố định trong Công ty phải đảm bảo tính tiết kiệm và hiệu quả 84

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG

KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

3.3. Giải pháp hoàn thiện kế toán tài sản cố định tại Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Hà Đông **85**

3.3.1. Hoàn thiện trong công tác quản lý tài sản cố định 85

3.3.2. Hoàn thiện thời điểm ghi nhận tài sản cố định 86

3.3.3. Hoàn thiện về chứng từ kế toán 86

3.3.4. Hoàn thiện về khấu hao tài sản cố định 87

3.3.5. Hoàn thiện hạch toán sửa chữa, nâng cấp tài sản cố định 88

3.4. Điều kiện thực hiện giải pháp **89**

3.4.1. Về phía cơ quan quản lý Nhà nước 89

3.4.2. Về phía Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Hà Đông 90

Tiểu kết chương 3 92

KẾT LUẬN 93

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO 94

PHỤ LỤC

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BCTC: Báo cáo tài chính

BĐSĐT: Bất động sản đầu tư

ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông

GTGT: Giá trị gia tăng

SXKD: Sản xuất kinh doanh

TK: Tài khoản

TSCĐ: Tài sản cố định

TSCĐHH: Tài sản cố định hữu hình

TSCĐVH : Tài sản cố định vô hình XDCB: Xây dựng cơ bản

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG

KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

DANH MỤC BẢNG, SƠ ĐỒ

Bảng

Bảng 2.1: Ngành nghề sản xuất kinh doanh của Công ty 54

Bảng 2.2: Kết quả kinh doanh Công ty Cổ phần môi trường đô thị Hà Đông giai đoạn 2018 – 2019 ..... 59 Bảng số 2.3: Báo cáo tổng hợp tài sản cố định tính đến ngày 31/12/2019 64

Bảng số 2.4: Thủ tục hồ sơ chứng từ kế toán tăng giảm tài sản cố định tại Công ty 68

Bảng 2.5: Thủ tục, chứng từ kế toán khấu hao tài sản cố định tại Công ty 74

Bảng 3.1: Bảng hệ số điều chỉnh thời gian sử dụng của tài sản cố định 88

Sơ đồ

Sơ đồ 1.1: Kế toán tăng giảm tài sản cố định 40

Sơ đồ 1.2: Kế toán khấu hao tài sản cố định 46

Sơ đồ 1.3: Kế toán sửa chữa lớn tài sản cố định 49

Sơ đồ 2.1: Bộ máy quản lý của công ty 56

Sơ đồ 2.2: Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty 60
Sơ đồ 2.3: Hình thức ghi sổ tài sản cố định tại Công ty 62
Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán tài sản cố định tại Công ty 63

Mục đích chung của việc soạn thảo và ban hành các chuẩn mực kế toán là để thống nhất hoạt động kế toán trong một phạm vi địa lý (đó có thể là trong một quốc gia, trong một khu vực hay trên toàn cầu). Chuẩn mực kế toán chính là những qui định, những nguyên tắc cơ bản, những hướng dẫn cần được tôn trọng khi thực hiện các công việc kế toán và khi trình bày các thông tin trong các báo cáo tài chính sao cho đảm bảo tính minh bạch của các báo cáo tài chính.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong xu thế toàn cầu hóa hiện nay, đặc biệt khi Việt Nam đã gia nhập tổ chức kinh tế thương mại thế giới WTO thì việc cạnh tranh giữa nền kinh tế trong nước các nền kinh tế khác trên thế giới là điều tất yếu. Điều này đặt ra cho doanh nghiệp Việt Nam một câu hỏi lớn là làm sao để sử dụng đồng vốn có hiệu quả nhất. Trong khi nền kinh tế trong nước c n non trẻ và chưa có nhiều kinh nghiệm ở thị trường quốc tế thì đây càng là một câu hỏi khó cho những nhà quản lý và những người làm công tác kế toán trong các doanh nghiệp.

Để tiến hành sản xuất kinh doanh thì phải hội tụ đủ 3 yếu tố: đối tượng lao động, tư liệu lao động, sức lao động. Trong đó tư liệu lao động là một yếu tố rất quan trọng, tài sản cố định là những tư liệu lao động có giá trị lớn và thời gian sử dụng lâu dài. Tài sản cố định trực tiếp tham gia vào quá trình kinh doanh, giá trị hao m n của nó được chuyển dần vào chi phí kinh doanh trong kỳ hay vào giá thành sản phẩm dưới hình thức khấu hao. Tài sản cố định phải trải qua nhiều chu kỳ kinh doanh mới hoàn đủ một v ng quay của vốn bỏ ra ban đầu.

Kế toán là một trong những công cụ hữu hiệu nằm trong hệ thống quản lý tài sản cố định của một doanh nghiệp. Kế toán tài sản cố định cung cấp những thông tin hữu ích về tình hình tài sản cố định của doanh nghiệp trên nhiều góc độ khác nhau. Dựa trên những thông tin ấy, các nhà quản lý sẽ có được những phân tích chuẩn xác để ra những quyết định kinh tế. Như vậy kế

Kế toán TSCĐHH và TSCĐVH trong doanh nghiệp đ i hỏi phải tuân thủ quy định của chuẩn mực số 03 - VAS 03 và chuẩn mực số 04 — VAS 04 ban hành theo quyết định số 149/2001/QĐ - BTC. Theo đó các nội dung được quy định bao gồm:

*** Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - TSCĐHH (VAS 03)** [4]

TSCĐHH thường là bộ phận chủ yếu trong tổng giá trị tài sản và đóng vai tr quan trọng trong việc thể hiện tình hình tài chính của doanh nghiệp, vì vậy việc xác định một tài sản có được ghi nhận là TSCĐHH hay là một khoản chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ sẽ có ảnh hưởng đáng kể đến báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Theo đoạn 06 của chuẩn mực kế toán (CMKT) Việt Nam — VAS 03 quy định rõ các tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ hữu hình phải thỏa mãn đồng thời tất cả 04 tiêu chuẩn ghi nhân sau:
toán tài sản cố định là một nhiệm vụ tất yếu. Nó là một phần trong chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp, giúp cho nhà quản lý quản lý tốt số vốn bỏ ra ban đầu để có biện pháp điều hành sản xuất kinh doanh một cách hợp lý và đề ra những phương hướng đúng đắn, nâng cao hiệu quả trong quá trình sản xuất kinh doanh và khẳng định được vị thế của doanh nghiệp trên thị trường.

Công ty cổ phần Môi trường Đô thị Hà Đông, là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực môi trường, đã tự trang bị hệ thống máy móc thiết bị để phục vụ sản xuất vì vậy hệ thống tài sản cố định của công ty là rất lớn, đa dạng chủng loại. Qua thực tế tìm hiểu tại công ty kế toán tài sản cố định trong những năm qua vẫn c n hạn chế, bất cập hệ quả là không cung cấp thông tin phù hợp về tình hình và sự biến động tài sản cố định, tình hình quản lý, sử dụng tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định. Xuất phát từ tầm quan trọng đó, tác giả chọn đề tài ***"Kế toán tài sản cố định tại Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Hà Đông***" làm đề tài luận văn thạc sĩ của mình.

2. Tổng quan đề tài nghiên cứu

Tài sản cố định luôn là một trong các tư liệu sản xuất quan trọng, đóng vai tr quyết định tới sự tồn tại và phát triển của mỗi doanh nghiệp. Chính vì vậy, trong xu thế phát triển kinh tế thị trường với nhiều yếu tố ảnh hưởng tới

Mục đích chung của việc soạn thảo và ban hành các chuẩn mực kế toán là để thống nhất hoạt động kế toán trong một phạm vi địa lý (đó có thể là trong một quốc gia, trong một khu vực hay trên toàn cầu). Chuẩn mực kế toán chính là những qui định, những nguyên tắc cơ bản, những hướng dẫn cần được tôn trọng khi thực hiện các công việc kế toán và khi trình bày các thông tin trong các báo cáo tài chính sao cho đảm bảo tính minh bạch của các báo cáo tài chính.

kết quả hoạt động và sự thành công của doanh nghiệp, doanh nghiệp cần làm tốt hơn nữa công tác quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực quan trọng của mình, đặc biệt là đối với tài sản cố định. Kế toán tài sản cố định là một công cụ hữu ích giúp doanh nghiệp hiện thực hóa được những mục tiêu đề ra. Chính vì vậy, trải qua quá trình hình thành và phát triển của kế toán tại Việt Nam, nhiều tác giả đã có những công trình nghiên cứu về kế toán tài sản cố định để góp phần đóng góp không nhỏ vào sự hoàn thiện của kế toán tài sản cố định trong các doanh nghiệp ở nước ta.

Trong quá trình thực hiện luận văn, tác giả đã nghiên cứu được một số luận văn thạc sĩ liên quan đến công tác kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp, cụ thể:

- Luận văn Thạc sĩ *"Kế toán tài sản cố định tại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Môi trường Đô thị Đà Nẵng"* của tác giả Võ Thị Kim Anh (năm 2013). Đề tài đã đưa ra được những điểm đạt được và vấn đề c n tồn tại, một số hạn chế trong công tác kế toán tài sản cố định trong Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (TNHH MTV) Môi trường Đô thị Đà Nẵng, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, trên phương diện kế toán tài chính như: việc tính và trích khấu hao, công tác sửa chữa, việc quản lý tài sản cố định của Công ty. Từ đó đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán tài sản cố định tại Công ty. Nội dung nghiên cứu tập trung đi sâu vào chi tiết phương pháp kế toán tài sản cố định nhằm cung cấp thông tin hạch toán chính xác về tài sản cố định trên phương diện các chuẩn mực kế toán trong doanh

Kế toán TSCĐHH và TSCĐVH trong doanh nghiệp đ i hỏi phải tuân thủ quy định của chuẩn mực số 03 - VAS 03 và chuẩn mực số 04 — VAS 04 ban hành theo quyết định số 149/2001/QĐ - BTC. Theo đó các nội dung được quy định bao gồm:

*** Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - TSCĐHH (VAS 03)** [4]

TSCĐHH thường là bộ phận chủ yếu trong tổng giá trị tài sản và đóng vai tr quan trọng trong việc thể hiện tình hình tài chính của doanh nghiệp, vì vậy việc xác định một tài sản có được ghi nhận là TSCĐHH hay là một khoản chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ sẽ có ảnh hưởng đáng kể đến báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Theo đoạn 06 của chuẩn mực kế toán (CMKT) Việt Nam — VAS 03 quy định rõ các tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ hữu hình phải thỏa mãn đồng thời tất cả 04 tiêu chuẩn ghi nhân sau:
nghiệp mà chưa đưa thực sự xem xét được vai tr của kế toán quản trị trong kế toán tài sản cố định của doanh nghiệp.

- Luận văn Thạc sỹ *"Kế toán tài sản cố định tại các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu tại thành phố Hải Ph ng"* của tác giả Nguyễn Thị Phương Dung (năm 2014). Đề tài đưa ra thực trạng kế toán tài sản cố định hữu hình (TSCĐHH) tại các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu tại thành phố Hải Ph ng, đánh giá ưu điểm và những tồn tại trong các doanh nghiệp này. Từ đó tác giả đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện về thời điểm ghi nhận TSCĐHH, phương pháp tính khấu hao TSCĐHH, hoàn thiện về kế toán sửa chữa lớn TSCĐHH, thẻ TSCĐ và sổ chi tiết tài sản cố định (TSCĐ) cũng như hoàn thiện về quản lý TSCĐHH.

- Luận văn thạc sỹ *"Kế toán tài sản cố định tại công ty TNHH Một thành viên dịch vụ nhà ở và khu đô thị"* của tác giả Đoàn Thị Vân Anh (năm 2016). Luận văn đã hệ thống hóa kế toán tài sản cố định theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và sự tác động của chuẩn mực kế toán quốc tế. Đồng thời tác giả cũng đi sâu nghiên cứu thực trạng kế toán TSCĐ tại Công ty và từ đó có giải pháp đề xuất nhằm hoàn thiện kế toán TSCĐ tại công ty theo chuẩn mực kế toán hiện hành.

Mục đích chung của việc soạn thảo và ban hành các chuẩn mực kế toán là để thống nhất hoạt động kế toán trong một phạm vi địa lý (đó có thể là trong một quốc gia, trong một khu vực hay trên toàn cầu). Chuẩn mực kế toán chính là những qui định, những nguyên tắc cơ bản, những hướng dẫn cần được tôn trọng khi thực hiện các công việc kế toán và khi trình bày các thông tin trong các báo cáo tài chính sao cho đảm bảo tính minh bạch của các báo cáo tài chính.

5

- Luận văn Thạc sỹ *"Kế toán tài sản cố định tại Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam thịnh vượng"* của tác giả Vũ Thị Hải Yến– Đại học Thương mại (năm 2017). Luận văn đưa ra các kết luận và phát hiện qua nghiên cứu về những kết quả đã đạt được và những vấn đề c n tồn tại trong công tác kế toán tài sản cố định tại Ngân hàng này trên phương diện kế toán tài chính. Từ đó luận văn đề xuất các ý kiến hoàn thiện kế toán tài sản cố định tại Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) Việt Nam Thịnh Vượng. Các giải pháp hoàn thiện tập trung vào hoàn thiện về kế toán tài sản cố định theo quan điểm kế toán tài chính. Từ đó luận văn nêu lên các giải pháp có tính khả thi để nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản cố định trong Ngân hàng trên phương diện kế toán tài chính. Đồng thời luận văn cũng nêu lên các vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu trong các nghiên cứu tiếp theo là xem xét nghiệp vụ kế toán tài sản cố định dưới cả hai giác độ là kế toán quản trị và kế toán tài chính để có sự quan sát tổng thể về thực trạng tài sản cố định của đơn vị và là cơ sở vững chắc cho các quyết định liên quan đến tài sản cố định mang lại hiệu quả cao hơn trong quản trị doanh nghiệp.

Có thể nhận thấy rằng, các công trình nghiên cứu về vấn đề kế toán tài sản cố định trong các doanh nghiệp hiện nay c n đang chú trọng nhiều đến vai tr của kế toán tài sản cố định dưới giác độ kế toán tài chính về sự phản ánh chính xác về mặt thông tin giá trị c n lại của tài sản cố định. Đồng thời, hiện nay cũng chưa có đề tài nghiên cứu cụ thể nào xem xét các đặc điểm kế toán riêng biệt về kế toán tài sản cố định trong Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Hà Đông. Xuất phát từ các lý do trên, tác giả chọn đề tài: "***Kế toán tài sản cố***

Kế toán TSCĐHH và TSCĐVH trong doanh nghiệp đ i hỏi phải tuân thủ quy định của chuẩn mực số 03 - VAS 03 và chuẩn mực số 04 — VAS 04 ban hành theo quyết định số 149/2001/QĐ - BTC. Theo đó các nội dung được quy định bao gồm:

*** Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - TSCĐHH (VAS 03)** [4]

TSCĐHH thường là bộ phận chủ yếu trong tổng giá trị tài sản và đóng vai tr quan trọng trong việc thể hiện tình hình tài chính của doanh nghiệp, vì vậy việc xác định một tài sản có được ghi nhận là TSCĐHH hay là một khoản chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ sẽ có ảnh hưởng đáng kể đến báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Theo đoạn 06 của chuẩn mực kế toán (CMKT) Việt Nam — VAS 03 quy định rõ các tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ hữu hình phải thỏa mãn đồng thời tất cả 04 tiêu chuẩn ghi nhân sau:

định tại Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Hà Đông" làm đề tài nghiên cứu của luận văn.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Hoàn thiện Kế toán tài sản cố định tại Công ty cổ phần Môi trường đô thị Hà Đông.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp.
- Làm rõ thực trạng kế toán tài sản cố định tại Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Hà Đông nhằm chỉ ra những hạn chế cũng như ưu điểm trong kế toán tài sản cố định tại đơn vị khảo sát. Đề xuất một số giải pháp có tính khoa học và khả thi để hoàn thiện kế toán tài sản cố định tại Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Hà Đông.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Mục đích chung của việc soạn thảo và ban hành các chuẩn mực kế toán là để thống nhất hoạt động kế toán trong một phạm vi địa lý (đó có thể là trong một quốc gia, trong một khu vực hay trên toàn cầu). Chuẩn mực kế toán chính là những qui định, những nguyên tắc cơ bản, những hướng dẫn cần được tôn trọng khi thực hiện các công việc kế toán và khi trình bày các thông tin trong các báo cáo tài chính sao cho đảm bảo tính minh bạch của các báo cáo tài chính.

- *Phạm vi không gian:* Tại Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Hà Đông, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.
- *Phạm vi thời gian:* Tháng 10 năm 2019.
- *Phạm vi nội dung:* Chỉ nghiên cứu kế toán tài sản cố định dưới góc độ kế toán tài chính với các nội dung: kế toán tăng giảm TSCĐ; kế toán khấu hao TSCĐ, kế toán sửa chữa TSCĐ.

5. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp thu thập dữ liệu: Thu thập thông tin có vai tr rất quan trọng trong việc hình thành luận cứ để chứng minh luận điểm khoa học. Độ tin cậy của toàn bộ công trình nghiên cứu phụ thuộc vào thông tin mà người nghiên cứu thu thập được. Có nhiều phương pháp thu thập thông tin, trong luận văn của mình, để thu thập dữ liệu, tác giả đã sử dụng các phương pháp:

+ Phương pháp quan sát: Đây là phương pháp thu thập thông tin thông qua việc sử dụng các giác quan và các thiết bị hỗ trợ để ghi nhận các hiện tượng hoặc hành vi của con người phục vụ cho công tác nghiên cứu một vấn đề khoa học. Sử dụng phương pháp này, tác giả đã tiến hành quan sát kế toán tài sản cố định tại Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Hà Đông. Quan sát trình tự lập, luân chuyển, biểu mẫu chứng từ kế toán tài sản cố định, vận dụng hệ thống tài khoản kế toán, hệ thống sổ kế toán, hệ thống Báo cáo tài chính, kiểm tra công tác kế toán tài sản cố định và ứng dụng tin học vào công tác kế toán.

+ Phương pháp nghiên cứu tài liệu: Nghiên cứu tài liệu giúp chúng ta hiểu được nguồn gốc của vấn đề nghiên cứu. Từ kết quả phân tích tư liệu, ta

Kế toán TSCĐHH và TSCĐVH trong doanh nghiệp đ i hỏi phải tuân thủ quy định của chuẩn mực số 03 - VAS 03 và chuẩn mực số 04 — VAS 04 ban hành theo quyết định số 149/2001/QĐ - BTC. Theo đó các nội dung được quy định bao gồm:

*** Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - TSCĐHH (VAS 03)** [4]

TSCĐHH thường là bộ phận chủ yếu trong tổng giá trị tài sản và đóng vai tr quan trọng trong việc thể hiện tình hình tài chính của doanh nghiệp, vì vậy việc xác định một tài sản có được ghi nhận là TSCĐHH hay là một khoản chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ sẽ có ảnh hưởng đáng kể đến báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Theo đoạn 06 của chuẩn mực kế toán (CMKT) Việt Nam — VAS 03 quy định rõ các tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ hữu hình phải thỏa mãn đồng thời tất cả 04 tiêu chuẩn ghi nhân sau:

hệ thống hóa được những vấn đề nghiên cứu cơ bản của đề tài luận văn, xác định được những khái niệm cơ bản, những vấn đề lý luận quan trọng của đề tài làm cơ sở cho việc điều tra thực tiễn. Mục đích của việc nghiên cứu tài liệu là để thu thập những kiến thức từ bao quát tới chuyên sâu một cách chính xác những vấn đề lý luận chung về kế toán tài sản cố định trên góc độ kế toán tài chính (KTTC). Tác giả thực hiện phương pháp này thông qua việc nghiên cứu các giáo trình chuyên ngành, chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành, tham khảo các công trình nghiên cứu khoa học liên quan đến đề tài nghiên cứu.

+ Phân tích thống kê, mô tả dữ liệu: Từ những tài liệu, thông tin đã thu nhận được từ các phương pháp nêu trên, tác giả tiến hành phân tích số liệu, thông tin để rút ra những kết luận về kế toán tài sản cố định tại Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Hà Đông. Từ đó tác giả nghiên cứu, đề xuất các giải pháp hoàn thiện kế toán tài sản cố định tại công ty.

6. Những đóng góp của đề tài nghiên cứu

- Luận văn góp phần làm rõ thêm một số lý luận cơ bản về kế toán tài sản cố định trong Doanh nghiệp.

Mục đích chung của việc soạn thảo và ban hành các chuẩn mực kế toán là để thống nhất hoạt động kế toán trong một phạm vi địa lý (đó có thể là trong một quốc gia, trong một khu vực hay trên toàn cầu). Chuẩn mực kế toán chính là những qui định, những nguyên tắc cơ bản, những hướng dẫn cần được tôn trọng khi thực hiện các công việc kế toán và khi trình bày các thông tin trong các báo cáo tài chính sao cho đảm bảo tính minh bạch của các báo cáo tài chính.

- Phân tích thực trạng về kế toán tài sản cố định tại Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Hà Đông.
- Đề xuất, khuyến nghị một số giải pháp hoàn thiện kế toán tài sản cố định tại Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Hà Đông, qua đó tăng cường công tác hoàn thiện kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu và kết luận, luận văn gồm 03 chương:

Chương 1: Những vấn đề chung về kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng kế toán tài sản cố định tại Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Hà Đông.

Chương 3: Hoàn thiện kế toán tài sản cố định tại Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Hà Đông.

Chương 1 NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Những vấn đề chung về kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp

1.1.1. Khái niệm và đặc điểm tài sản cố định

1.1.1.1. Khái niệm tài sản cố định

Để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp cần thiết phải có đầy đủ các yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất bao gồm: Tư liệu lao động, đối tượng lao động và sức lao động. TSCĐ là một bộ phận chủ yếu của tư liệu lao động, chúng đóng vai tr quan trọng trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, nhất là các các doanh nghiệp sản xuất, chế tạo.

Kế toán TSCĐHH và TSCĐVH trong doanh nghiệp đ i hỏi phải tuân thủ quy định của chuẩn mực số 03 - VAS 03 và chuẩn mực số 04 — VAS 04 ban hành theo quyết định số 149/2001/QĐ - BTC. Theo đó các nội dung được quy định bao gồm:

*** Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - TSCĐHH (VAS 03)** [4]

TSCĐHH thường là bộ phận chủ yếu trong tổng giá trị tài sản và đóng vai tr quan trọng trong việc thể hiện tình hình tài chính của doanh nghiệp, vì vậy việc xác định một tài sản có được ghi nhận là TSCĐHH hay là một khoản chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ sẽ có ảnh hưởng đáng kể đến báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Theo đoạn 06 của chuẩn mực kế toán (CMKT) Việt Nam — VAS 03 quy định rõ các tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ hữu hình phải thỏa mãn đồng thời tất cả 04 tiêu chuẩn ghi nhân sau:

TSCĐ là những tư liệu lao động chủ yếu và các tài sản khác có giá trị lớn, tham gia vào nhiều chu kỳ sản xuất kinh doanh và giá trị của nó được dịch chuyển dần dần, từng phần vào giá trị sản phẩm, dịch vụ được sản xuất ra trong kỳ. TSCĐ có thể là những tài sản tồn tại dưới các hình thái hiện vật như nhà xưởng, máy móc, thiết bị, dụng cụ quản lý... gọi chung là TSCĐ hữu hình và có thể là những tài sản không có hình thái hiện vật nhưng cũng tham gia vào nhiều chu kỳ sản xuất kinh doanh như quyền sử dụng đất, bằng phát minh sáng chế... gọi chung là TSCĐ vô hình.

- TSCĐ hữu hình: Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 thì TSCĐ hữu hình là những tài sản có hình thái vật chất do doanh nghiệp nắm giữ để sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ hữu hình [4].

TSCĐ hữu hình tham gia vào nhiều chu kỳ kinh doanh vẫn giữ nguyên hình thái vật chất ban đầu cho đến khi hư hỏng hoàn toàn, giá trị bị giảm dần và dịch chuyển dần vào giá trị sản phẩm mới mà TSCĐ đó tham gia sản xuất, chế tạo ra. Một tài sản được ghi nhận là TSCĐ hữu hình phải thỏa mãn đồng thời cả ba tiêu chuẩn sau[7]:

Mục đích chung của việc soạn thảo và ban hành các chuẩn mực kế toán là để thống nhất hoạt động kế toán trong một phạm vi địa lý (đó có thể là trong một quốc gia, trong một khu vực hay trên toàn cầu). Chuẩn mực kế toán chính là những qui định, những nguyên tắc cơ bản, những hướng dẫn cần được tôn trọng khi thực hiện các công việc kế toán và khi trình bày các thông tin trong các báo cáo tài chính sao cho đảm bảo tính minh bạch của các báo cáo tài chính.

+ Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó.

+ Thời gian sử dụng ước tính trên một năm.

+ Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 đồng trở lên.

Theo quy định hiện hành của Việt Nam (Thông tư số 45/2013/TT- BTC về khấu hao TSCĐ ngày 25/4/2013) thì giá trị của TSCĐ phải từ 30.000.000 đồng trở lên và thời gian sử dụng từ một năm trở lên.

- TSCĐ vô hình: Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 thì TSCĐ vô hình là những tài sản không có hình thái vật chất nhưng xác định được giá trị và do doanh nghiệp nắm giữ, sử dụng trong sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ hoặc cho các đối tượng khác thuê phù hợp với tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ vô hình [4].

Các tài sản được ghi nhận là TSCĐ vô hình phải thỏa mãn định nghĩa về TSCĐ vô hình và bốn tiêu chuẩn giống như tiêu chuẩn ghi nhận của TSCĐ hữu hình. TSCĐ vô hình không có hình thái vật chất cụ thể mà chỉ thể hiện một lượng giá trị đã đầu tư. Do đó, TSCĐ vô hình rất khó nhận biết một cách riêng biệt nên khi xác định nguồn lực vô hình thỏa mãn định nghĩa TSCĐ cần phải xem xét các yếu tố: Tính có thể xác định được, khả năng kiểm soát nguồn lực và tính chắc chắn của lợi ích kinh tế trong tương lai.

+ Tính có thể xác định được: Tức là TSCĐ vô hình phải có thể được xác định một cách riêng biệt để có thể đem cho thuê, đem bán một cách độc lập.

Kế toán TSCĐHH và TSCĐVH trong doanh nghiệp đ i hỏi phải tuân thủ quy định của chuẩn mực số 03 - VAS 03 và chuẩn mực số 04 — VAS 04 ban hành theo quyết định số 149/2001/QĐ - BTC. Theo đó các nội dung được quy định bao gồm:

*** Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - TSCĐHH (VAS 03)** [4]

TSCĐHH thường là bộ phận chủ yếu trong tổng giá trị tài sản và đóng vai tr quan trọng trong việc thể hiện tình hình tài chính của doanh nghiệp, vì vậy việc xác định một tài sản có được ghi nhận là TSCĐHH hay là một khoản chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ sẽ có ảnh hưởng đáng kể đến báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Theo đoạn 06 của chuẩn mực kế toán (CMKT) Việt Nam — VAS 03 quy định rõ các tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ hữu hình phải thỏa mãn đồng thời tất cả 04 tiêu chuẩn ghi nhân sau:

+ Khả năng kiểm soát: Tức là doanh nghiệp phải có khả năng kiểm soát tài sản, kiểm soát lợi ích thu được, gánh chịu rủi ro liên quan tới tài sản đó và có khả năng ngăn chặn sự tiếp cận của các đối tượng khác tới tài sản.

+ Lợi ích kinh tế tương lai: Doanh nghiệp cơ thể thu được các lợi ích kinh tế tương lai từ TSCĐ vô hình dưới nhiều hình thức khác nhau.

1.1.1.2. Đặc điểm của tài sản cố định

Khi tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp thì tài sản cố định có những đặc điểm sau[10]:

- TSCĐ là những tư liệu chủ yếu có giá trị lớn và thời gian sử dụng dài;
- TSCĐ tham gia vào nhiều chu kỳ sản xuất kinh doanh khác nhau nhưng vẫn giữ nguyên hình thái vật chất ban đầu cho đến khi hư hỏng;
- Giá trị TSCĐ bị hao m n dần và chuyển dịch từng phần vào giá trị của sản phẩm mới sáng tạo ra c n với nguyên vật liệu, toàn bộ giá trị của nguyên vật liệu được chuyển trực tiếp vào sản phẩm là căn cứ cơ sở để tính giá thành.

Mục đích chung của việc soạn thảo và ban hành các chuẩn mực kế toán là để thống nhất hoạt động kế toán trong một phạm vi địa lý (đó có thể là trong một quốc gia, trong một khu vực hay trên toàn cầu). Chuẩn mực kế toán chính là những qui định, những nguyên tắc cơ bản, những hướng dẫn cần được tôn trọng khi thực hiện các công việc kế toán và khi trình bày các thông tin trong các báo cáo tài chính sao cho đảm bảo tính minh bạch của các báo cáo tài chính.

- TSCĐ trải qua rất nhiều chu kỳ kinh doanh mới hoàn đủ một v ng quay của số vốn bỏ ra ban đầu để đầu tư mua sắm TSCĐ, do đó doanh nghiệp phải quản lý TSCĐ cả về giá trị và hiện vật.

1.1.2. Phân loại tài sản cố định

TSCĐ trong doanh nghiệp có nhiều loại, nhiều thứ, mỗi loại, mỗi thứ có tính chất đặc điểm kỹ thuật, công dụng, thời gian sử dụng, nguồn hình thành, quyền sở hữu... khác nhau nên để quản lý tốt cần phải phân loại TSCĐ. Có nhiều cách phân loại TSCĐ khác nhau, nhưng trong kế toán người ta thường dựa trên các tiêu thức như: Tính chất của tài sản, công dụng và tình hình sử dụng, quyền sở hữu, nguồn hình thành.

1.1.2.1. Phân loại theo tính chất của tài sản cố định

Theo cách phân loại này, TSCĐ được chia thành TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình, trong đó[10]:

* Các tài sản cố định hữu hình: Gồm những tài sản có hình thái vật chất do doanh nghiệp nắm giữ để sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với tiêu chuẩn ghi nhận. Cụ thể là:

- Nhà cửa, vật kiến trúc: Loại này bao gồm nhà làm việc, nhà xưởng, nhà ở cho công nhân, nhà kho, cửa hàng, bể chứa, cầu đường, giếng khoan... phục vụ sản xuất.

- Máy móc, thiết bị: Bao gồm máy móc thiết bị động lực, máy móc thiết bị công tác, máy móc thiết bị khác dùng cho sản xuất kinh doanh.

Kế toán TSCĐHH và TSCĐVH trong doanh nghiệp đ i hỏi phải tuân thủ quy định của chuẩn mực số 03 - VAS 03 và chuẩn mực số 04 — VAS 04 ban hành theo quyết định số 149/2001/QĐ - BTC. Theo đó các nội dung được quy định bao gồm:

*** Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - TSCĐHH (VAS 03)** [4]

TSCĐHH thường là bộ phận chủ yếu trong tổng giá trị tài sản và đóng vai tr quan trọng trong việc thể hiện tình hình tài chính của doanh nghiệp, vì vậy việc xác định một tài sản có được ghi nhận là TSCĐHH hay là một khoản chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ sẽ có ảnh hưởng đáng kể đến báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Theo đoạn 06 của chuẩn mực kế toán (CMKT) Việt Nam — VAS 03 quy định rõ các tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ hữu hình phải thỏa mãn đồng thời tất cả 04 tiêu chuẩn ghi nhân sau:

- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn: Bao gồm ô tô, máy kéo, tàu thuyền, ca nô dùng trong vận chuyển, hệ thống đường ống dẫn nước, hệ thống dẫn hơi, hệ thống dẫn khí, hệ thống dây dẫn điện, hệ thống truyền thanh...

- Thiết bị, dụng cụ quản lý: Gồm các thiết bị sử dụng trong quản lý kinh doanh, quản lý hành chính, dụng cụ đo lường, thí nghiệm...

- Vườn cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm như: Trâu, b , vườn cây ăn quả... trong các doanh nghiệp nông nghiệp.

- TSCĐ hữu hình khác: Bao gồm các TSCĐ chưa được xếp vào các nhóm trên.

* Các tài sản cố định vô hình: Gồm những tài sản không có hình thái vật chất nhưng xác định được giá trị và do doanh nghiệp nắm giữ, sử dụng trong sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ hoặc cho các đối tượng khác thuê phù hợp với tiêu chuẩn ghi nhận. TSCĐ vô hình được chia thành một số trường hợp cụ thể[10]:

- Quyền sử dụng đất có thời hạn: Là toàn bộ chi phí thực tế đã chi ra có liên quan tới sử dụng đất, tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí đền bù, san lấp mặt bằng...

Mục đích chung của việc soạn thảo và ban hành các chuẩn mực kế toán là để thống nhất hoạt động kế toán trong một phạm vi địa lý (đó có thể là trong một quốc gia, trong một khu vực hay trên toàn cầu). Chuẩn mực kế toán chính là những qui định, những nguyên tắc cơ bản, những hướng dẫn cần được tôn trọng khi thực hiện các công việc kế toán và khi trình bày các thông tin trong các báo cáo tài chính sao cho đảm bảo tính minh bạch của các báo cáo tài chính.

- Nhãn hiệu hàng hóa: Là chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được quyền sử dụng một loại nhãn hiệu, thương hiệu hàng hóa nào đó

- Quyền phát hành: Là chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được quyền phát hành các loại sách, báo, tạp chí, ấn phẩm văn hóa, nghệ thuật khác.

- Phần mềm máy vi tính: Giá trị phần mềm máy vi tính do doanh nghiệp bỏ tiền ra mua hoặc tự xây dựng, thiết kế.

- Giấy phép chuyển nhượng và giấy phép khác: Chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được giấy phép nhượng quyền và các loại giấy phép để doanh nghiệp có thể thực hiện các nghiệp vụ nhất định.

- Bản quyền, bằng sáng chế: Chi phí doanh nghiệp phải trả cho các công trình nghiên cứu, sản xuất thử được Nhà nước cấp bằng.

- Công thức và cách thức pha chế, kiểu mẫu thiết kế và vật mẫu: Là các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được các công thức pha chế, thiết kế kiểu mẫu…

1.1.2.2. Phân loại tài sản cố định theo công dụng và tình hình sử dụng

Theo cách phân loại này, TSCĐ của doanh nghiệp được phân chia thành các loại[10]:

- TSCĐ đang dùng cho mục đích kinh doanh: Gồm những TSCĐ dùng cho hoạt động bán hàng, quản lý doanh nghiệp, hoặc đang sử dụng cho hoạt động kinh doanh khác như đầu tư, cho thuê…

- TSCĐ chưa dùng: Gồm những TSCĐ được phép dự trữ để sử dụng cho tương lai.

Kế toán TSCĐHH và TSCĐVH trong doanh nghiệp đ i hỏi phải tuân thủ quy định của chuẩn mực số 03 - VAS 03 và chuẩn mực số 04 — VAS 04 ban hành theo quyết định số 149/2001/QĐ - BTC. Theo đó các nội dung được quy định bao gồm:

*** Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - TSCĐHH (VAS 03)** [4]

TSCĐHH thường là bộ phận chủ yếu trong tổng giá trị tài sản và đóng vai tr quan trọng trong việc thể hiện tình hình tài chính của doanh nghiệp, vì vậy việc xác định một tài sản có được ghi nhận là TSCĐHH hay là một khoản chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ sẽ có ảnh hưởng đáng kể đến báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Theo đoạn 06 của chuẩn mực kế toán (CMKT) Việt Nam — VAS 03 quy định rõ các tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ hữu hình phải thỏa mãn đồng thời tất cả 04 tiêu chuẩn ghi nhân sau:

- TSCĐ chờ xử lý: Là những TSCĐ hư hỏng chờ thanh lý, TSCĐ không cần dùng chờ nhượng bán, di chuyển đi, TSCĐ thiếu chờ giải quyết.

- TSCĐ đang dùng cho các mục đích phúc lợi, sự nghiệp, an ninh quốc ph ng.

- TSCĐ bảo quản hộ, giữ hộ.

1.1.2.3. Phân loại tài sản cố định theo quyền sở hữu

Theo cách phân loại này, TSCĐ của doanh nghiệp được phân chia thành[10]:

*TSCĐ thuộc quyền sở hữu của chủ sở hữu doanh nghiệp: Là các TSCĐ được xây dựng, mua sắm và hình thành từ nguồn vốn ngân sách cấp, cấp trên cấp, nguồn vốn vay, nguồn vốn liên doanh, các quỹ của doanh nghiệp và các TSCĐ được biếu tặng thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp.

*TSCĐ thuê ngoài: Là những TSCĐ được hình thành từ việc đi thuê để sử dụng nên không thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Khi đi thuê tài sản, doanh nghiệp thỏa thuận với bên cho thuê về việc di chuyển quyền sử dụng tài sản cho bên đi thuê trong khoảng thời gian nhất định để được nhận tiền cho thuê một lần hoặc nhiều lần. Tùy theo hợp đồng thuê mà chia thành TSCĐ thuê tài chính và TSCĐ thuê hoạt động.

Mục đích chung của việc soạn thảo và ban hành các chuẩn mực kế toán là để thống nhất hoạt động kế toán trong một phạm vi địa lý (đó có thể là trong một quốc gia, trong một khu vực hay trên toàn cầu). Chuẩn mực kế toán chính là những qui định, những nguyên tắc cơ bản, những hướng dẫn cần được tôn trọng khi thực hiện các công việc kế toán và khi trình bày các thông tin trong các báo cáo tài chính sao cho đảm bảo tính minh bạch của các báo cáo tài chính.

- TSCĐ thuê tài chính: Là tài sản thuê mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Quyền sở hữu tài sản có thể chuyển giao vào cuối thời hạn thuê. Một hợp đồng thuê tài chính phải thỏa mãn một trong năm điều kiện sau:

+ Bên cho thuê chuyển giao quyền sở hữu tài sản cho bên thuê khi hết hạn thuê (mức mua lại tài sản).

+ Tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản, bên thuê có quyền lựa chọn mua lại tài sản thuê với mức giá ước tính thấp hơn giá trị hợp lý vào cuối thời hạn thuê.

+Thời hạn thuê tài sản chiếm phần lớn thời gian sử dụng kinh tế của tài sản cho dù không có sự chuyển giao quyền sở hữu.

+ Tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản, giá trị hiện tại của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu chiếm phần lớn giá trị hợp lý của tài sản thuê.

+ Tài sản thuê thuộc loại chuyên dùng mà chỉ có bên thuê mới có khả năng sử dụng không cần có sự thay đổi sửa chữa nào.

- TSCĐ thuê hoạt động: Là TSCĐ không thỏa mãn bất cứ điều kiện nào của hợp đồng thuê tài chính. Bên thuê chỉ được quản lý và sử dụng tài sản trong thời hạn quy định trong hợp đồng và phải hoàn trả tài sản khi hết hạn thuê.

Do tính chất của hoạt động thuê tài chính và thuê hoạt động có liên quan đến hoạt động đi vay và chi phí đi vay với những đặc thù riêng nên chúng ta sẽ nghiên cứu trong một phần khác. Trong chương này chúng ta chỉ đề cập

Kế toán TSCĐHH và TSCĐVH trong doanh nghiệp đ i hỏi phải tuân thủ quy định của chuẩn mực số 03 - VAS 03 và chuẩn mực số 04 — VAS 04 ban hành theo quyết định số 149/2001/QĐ - BTC. Theo đó các nội dung được quy định bao gồm:

*** Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - TSCĐHH (VAS 03)** [4]

TSCĐHH thường là bộ phận chủ yếu trong tổng giá trị tài sản và đóng vai tr quan trọng trong việc thể hiện tình hình tài chính của doanh nghiệp, vì vậy việc xác định một tài sản có được ghi nhận là TSCĐHH hay là một khoản chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ sẽ có ảnh hưởng đáng kể đến báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Theo đoạn 06 của chuẩn mực kế toán (CMKT) Việt Nam — VAS 03 quy định rõ các tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ hữu hình phải thỏa mãn đồng thời tất cả 04 tiêu chuẩn ghi nhận sau:
đến quá trình kế toán đối với các tài sản cố định thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp.

1.1.2.4. Phân loại tài sản cố định theo nguồn vốn hình thành tài sản

Theo cách phân loại này, TSCĐ của doanh nghiệp được phân chia thành[10]:

- TSCĐ hình thành bằng nguồn vốn chủ sở hữu: Là những TSCĐ được hình thành do các chủ sở hữu góp vốn, do nhận liên doanh liên kết do ngân sách cấp.

- TSCĐ hình thành bằng vốn vay, nợ dài hạn, biếu tặng…

1.1.3. Đánh giá tài sản cố định

1.1.3.1. Xác định nguyên giá của tài sản cố định

Xác định nguyên giá TSCĐ là điều kiện cần thiết để kế toán tài sản cố định, tính khấu hao và để phân tích, đánh giá năng lực sản xuất, tình hình trang bị cũng như hiệu quả sử dụng vốn cố định của doanh nghiệp. Xuất phát từ đặc điểm của TSCĐ là có giá trị lớn và tham gia vào nhiều chu kì kinh doanh, giá trị bị hao m n dần nên trong sổ sách kế toán phải theo dõi 2 loại giá là giá trị ban đầu và giá trị c n lại trong quá trình sử dụng. Trong đó, nguyên giá (hay giá trị ban đầu) là cơ sở để trích khấu hao và xác định giá trị c n lại,

Mục đích chung của việc soạn thảo và ban hành các chuẩn mực kế toán là để thống nhất hoạt động kế toán trong một phạm vi địa lý (đó có thể là trong một quốc gia, trong một khu vực hay trên toàn cầu). Chuẩn mực kế toán chính là những qui định, những nguyên tắc cơ bản, những hướng dẫn cần được tôn trọng khi thực hiện các công việc kế toán và khi trình bày các thông tin trong các báo cáo tài chính sao cho đảm bảo tính minh bạch của các báo cáo tài chính.

nên việc xác định đúng nguyên giá của TSCĐ là một nhiệm vụ quan trọng và rất phức tạp.

**** Xác định nguyên giá của tài sản cố định hữu hình***[4]

Giá trị ban đầu (nguyên giá) của TSCĐ là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được TSCĐ tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Theo nguyên tắc giá gốc, TSCĐ phải được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và tùy theo từng trường hợp hình thành để xác định nguyên giá của TSCĐ hữu hình.

- Đối với TSCĐ hữu hình do mua sắm: Nguyên giá của những tài sản này được xác định bao gồm giá mua (trừ các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn trả lại) và các khoản chi phí trực tiếp liên quan đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như: Chi phí chuẩn bị mặt bằng, chi phí vận chuyển bốc xếp ban đầu; chi phí lắp đặt chạy thử (trừ các khoản thu hồi về sản phẩm, phế liệu do chạy thử), chi phí chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Khi xác định nguyên giá của TSCĐ hình thành do mua sắm cần chú ý các trường hợp đặc biệt sau:

+ Trường hợp TSCĐ hữu hình mua sắm là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là TSCĐ vô hình.

+ Trường hợp TSCĐ hữu hình mua sắm được thanh toán theo phương thức trả chậm, nguyên giá TSCĐ đó được phản ánh theo giá mua trả ngay tại

Kế toán TSCĐHH và TSCĐVH trong doanh nghiệp đ i hỏi phải tuân thủ quy định của chuẩn mực số 03 - VAS 03 và chuẩn mực số 04 — VAS 04 ban hành theo quyết định số 149/2001/QĐ - BTC. Theo đó các nội dung được quy định bao gồm:

*** Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - TSCĐHH (VAS 03)** [4]

TSCĐHH thường là bộ phận chủ yếu trong tổng giá trị tài sản và đóng vai tr quan trọng trong việc thể hiện tình hình tài chính của doanh nghiệp, vì vậy việc xác định một tài sản có được ghi nhận là TSCĐHH hay là một khoản chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ sẽ có ảnh hưởng đáng kể đến báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Theo đoạn 06 của chuẩn mực kế toán (CMKT) Việt Nam — VAS 03 quy định rõ các tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ hữu hình phải thỏa mãn đồng thời tất cả 04 tiêu chuẩn ghi nhân sau:
thời điểm mua. Khoản chênh lệch giữa tổng số tiền phải thanh toán và giá mua trả ngay được hoạch toán vào chi phí theo kỳ hạn thanh toán, trừ khi số chệnh lệch đó được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình (vốn hóa) theo quy định của chuẩn mực "Chi phí đi vay".

+ Các khoản chi phí phát sinh như chi phí quản lý hành chính, chi phí sản xuất chung, chi phí chạy thử và các chi phí khác… nếu không liên quan trực tiếp đến việc mua sắm và đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng thì không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình; các khoản lỗ ban đầu do máy móc không hoạt động đúng như dự tính được hoạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

- TSCĐ hữu hình hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu: Nguyên giá TSCĐ trong trường hợp này là giá quyết toán công trình đầu tư XDCB, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

- TSCĐ hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế: Nguyên giá của những TSCĐ này là giá thành thực tế tự xây dựng, tự sản xuất cộng chi phí lắp đặt chạy thử. Trường hợp doanh nghiệp dùng sản phẩm của mình để chuyển thành TSCĐ thì nguyên giá là chi phí sản xuất sản phẩm đó cộng các khoản chi phí trực

Mục đích chung của việc soạn thảo và ban hành các chuẩn mực kế toán là để thống nhất hoạt động kế toán trong một phạm vi địa lý (đó có thể là trong một quốc gia, trong một khu vực hay trên toàn cầu). Chuẩn mực kế toán chính là những qui định, những nguyên tắc cơ bản, những hướng dẫn cần được tôn trọng khi thực hiện các công việc kế toán và khi trình bày các thông tin trong các báo cáo tài chính sao cho đảm bảo tính minh bạch của các báo cáo tài chính.

tiếp liên quan đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trong các trường hợp này, không được tính vào nguyên giá tài sản các khoản như: Lãi nội bộ, các chi phí không hợp lý về nguyên liệu, vật liệu lãng phí, lao động hoặc các khoản chi phí khác sử dụng vượt định mức bình thường trong quá trình tự xây dựng hoặc tự chế.

- TSCĐ hữu hình mua dưới hình thức trao đổi: Nguyên giá TSCĐ hữu hình mua dưới hình thức trao đổi với một TSCĐ hữu hình không tương tự hoặc tài sản khác được xác định theo giá trị hợp lý của giá trị TSCĐ hữu hình nhận về hoặc giá trị hợp lý của TSCĐ hữu hình đem trao đổi, sau khi điều chỉnh các khoản tiền hoặc tương đương tiền trả thêm hoặc thu về. Với những TSCĐ hữu hình mua dưới hình thức trao đổi với một TSCĐ hữu hình tương tự, hoặc có thể hình thành do bán để đổi lấy quyền sở hữu một tài sản tương tự (tài sản có công dụng tương tự, trong cùng lĩnh vực kinh doanh và có giá trị tương đương) thì nguyên giá là giá trị c n lại của TSCĐ hữu hình đem trao đổi.

- TSCĐ hữu hình được cấp: TSCĐ hữu hình được cấp trên cùng hệ thống cấp, được điều chuyển nội bộ đến theo quyết định của cấp trên, thì nguyên giá được xác định theo giá ghi trên sổ kế toán đơn vị cấp, đơn vị điều chuyển. Trường hợp TSCĐ được cấp trên không cùng hệ thống cấp thì nguyên giá được xác định theo giá trị c n lại hoặc giá đánh giá lại của hội đồng giao nhận, cộng với các chi phí vận chuyển, nâng cấp, lắp đặt chạy thử, lệ phí trước bạ (nếu có) mà bên nhận tài sản phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Kế toán TSCĐHH và TSCĐVH trong doanh nghiệp đ i hỏi phải tuân thủ quy định của chuẩn mực số 03 - VAS 03 và chuẩn mực số 04 — VAS 04 ban hành theo quyết định số 149/2001/QĐ - BTC. Theo đó các nội dung được quy định bao gồm:

*** Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - TSCĐHH (VAS 03)** [4]

TSCĐHH thường là bộ phận chủ yếu trong tổng giá trị tài sản và đóng vai tr quan trọng trong việc thể hiện tình hình tài chính của doanh nghiệp, vì vậy việc xác định một tài sản có được ghi nhận là TSCĐHH hay là một khoản chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ sẽ có ảnh hưởng đáng kể đến báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Theo đoạn 06 của chuẩn mực kế toán (CMKT) Việt Nam — VAS 03 quy định rõ các tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ hữu hình phải thỏa mãn đồng thời tất cả 04 tiêu chuẩn ghi nhân sau:

- TSCĐ hữu hình nhận góp vốn, nhận lại vốn góp: TSCĐ nhận góp vốn, nhận lại vốn góp là giá trị do các thành viên, cổ đông sáng lập định giá nhất trí; hoặc doanh nghiệp và người góp vốn thỏa thuận; hoặc do tổ chức chuyên nghiệp định giá theo quy định của pháp luật và được các thành viên, cổ đông sáng lập chấp thuận.

- TSCĐ hữu hình hình thành từ nguồn khác: Nguyên giá TSCĐ hữu hình tăng từ nguồn khác (được tài trợ, tặng biếu…) là giá trị hợp lý ban đầu hoặc theo giá trị danh nghĩa cộng với các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**** Xác định nguyên giá của tài sản cố định vô hình*** [4]

Nguyên giá TSCĐ vô hình cũng được xác định tùy theo từng trường hợp hình thành cũng như loại tài sản cụ thể.

- TSCĐ vô hình loại mua sắm và loại hình thành từ trao đổi: Nguyên giá được xác định tương tự như đối với TSCĐ hữu hình.

- TSCĐ vô hình hình thành từ việc sát nhập doanh nghiệp: Nguyên giá của TSCĐ vô hình hình thành trong quá trình sáp nhập doanh nghiệp có tính chất mua lại là giá trị hợp lý của tài sản đó vào ngày mua (ngày sáp nhập

Mục đích chung của việc soạn thảo và ban hành các chuẩn mực kế toán là để thống nhất hoạt động kế toán trong một phạm vi địa lý (đó có thể là trong một quốc gia, trong một khu vực hay trên toàn cầu). Chuẩn mực kế toán chính là những qui định, những nguyên tắc cơ bản, những hướng dẫn cần được tôn trọng khi thực hiện các công việc kế toán và khi trình bày các thông tin trong các báo cáo tài chính sao cho đảm bảo tính minh bạch của các báo cáo tài chính.

doanh nghiệp). Doanh nghiệp phải xác định nguyên giá TSCĐ vô hình một cách đáng tin cậy để ghi nhận tài sản đó một cách riêng biệt. Giá trị hợp lý có thể là giá niêm yết tại thị trường hoạt động hoặc giá của nghiệp vụ mua bán TSCĐ vô hình tương tự.

Nếu không có thị trường hoạt động cho tài sản thì nguyên giá TSCĐ vô hình được xác định bằng khoản tiền mà lẽ ra doanh nghiệp phải trả vào ngày mua tài sản đó trong điều kiện nghiệp vụ đó được thực hiện trên các thông tin tin cậy hiện có. Trường hợp này doanh nghiệp cần cân nhắc kết quả của các nghiệp vụ đó trong mối quan hệ tương quan với các tài sản tương tự.

Khi không có thị trường hoạt động cho TSCĐ vô hình được hình thành thông qua việc sáp nhập doanh nghiệp có tính chất mua lại thì nguyên giá của TSCĐ vô hình được xác định là giá trị mà nó không tạo ra lợi thế thương mại có gía trị âm phát sinh vào ngày sáp nhập doanh nghiệp.

- TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn: Nguyên giá được xác định khi được giao đất là số tiền chuyển trả khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp từ người khác, hoặc là giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn. Trường hợp quyền sử dụng đất được chuyển nhượng cùng với nhà cửa, vật kiến trúc trên đất thì giá trị của nhà cửa, vật kiến trúc phải được xác định riêng biệt và ghi nhận là TSCĐ hữu hình.

- TSCĐ vô hình được Nhà nước cấp hoặc được tặng, biếu: Nguyên giá được xác định theo giá trị hợp lý ban đầu cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng theo dự tính.

Kế toán TSCĐHH và TSCĐVH trong doanh nghiệp đ i hỏi phải tuân thủ quy định của chuẩn mực số 03 - VAS 03 và chuẩn mực số 04 — VAS 04 ban hành theo quyết định số 149/2001/QĐ - BTC. Theo đó các nội dung được quy định bao gồm:

*** Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - TSCĐHH (VAS 03)** [4]

TSCĐHH thường là bộ phận chủ yếu trong tổng giá trị tài sản và đóng vai tr quan trọng trong việc thể hiện tình hình tài chính của doanh nghiệp, vì vậy việc xác định một tài sản có được ghi nhận là TSCĐHH hay là một khoản chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ sẽ có ảnh hưởng đáng kể đến báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Theo đoạn 06 của chuẩn mực kế toán (CMKT) Việt Nam — VAS 03 quy định rõ các tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ hữu hình phải thỏa mãn đồng thời tất cả 04 tiêu chuẩn ghi nhân sau:

- TSCĐ là quyền phát hành: Nguyên giá là toàn bộ các chi phí thực tế doanh nghiệp đã chi ra để có quyền phát hành.

- TSCĐ là bản quyền, bằng sáng chế: Nguyên giá là các chi phí thực tế chi ra để có bản quyền tác giả, bằng phát minh sáng chế.

- TSCĐ là nhãn hiệu hàng hóa: Nguyên giá là toàn bộ các chi phí thực tế có liên quan trực tiếp đến việc mua nhãn hiệu hàng hóa.

- TSCĐ là phần mềm máy tính: Nguyên giá là toàn bộ các chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã chi ra để có phần mềm máy tính.

- TSCĐ là giấy phép và giấy phép nhượng quyền: Nguyên giá là các khoản chi ra để doanh nghiệp có được giấy phép và giấy phép chuyển nhượng quyền thực hiện công việc đó, như: giấy phép khai thác, giấy phép sản xuất loại sản phẩm mới.

- TSCĐ vô hình được tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp: Nguyên giá là toàn bộ chi phí phát sinh từ thời điểm mà tài sản vô hình đáp ứng được định nghĩa và tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ vô hình đến khi TSCĐ vô hình được đưa vào sử dụng.

1.1.3.2. Xác định chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu

Mục đích chung của việc soạn thảo và ban hành các chuẩn mực kế toán là để thống nhất hoạt động kế toán trong một phạm vi địa lý (đó có thể là trong một quốc gia, trong một khu vực hay trên toàn cầu). Chuẩn mực kế toán chính là những qui định, những nguyên tắc cơ bản, những hướng dẫn cần được tôn trọng khi thực hiện các công việc kế toán và khi trình bày các thông tin trong các báo cáo tài chính sao cho đảm bảo tính minh bạch của các báo cáo tài chính.

25

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như[4]:

- Thay đổi bộ phận của TSCĐ hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng;

- Cải tiến bộ phận của TSCĐ hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra;

- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Chi phí về sửa chữa và bảo dưỡng TSCĐ hữu hình nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu được tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Việc hạch toán các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình phải căn cứ vào từng trường hợp cụ thể và khả năng thu hồi các chi phí phát sinh sau. Khi giá trị c n lại của TSCĐ hữu hình đã bao gồm các khoản giảm về lợi ích kinh tế thì các chi phí phát sinh sau để khôi phục các lợi ích kinh tế từ tài sản đó sẽ được tính vào nguyên giá TSCĐ nếu giá trị c n lại của TSCĐ không vượt quá giá trị có thể thu hồi từ tài sản đó. Trường hợp trong

Kế toán TSCĐHH và TSCĐVH trong doanh nghiệp đ i hỏi phải tuân thủ quy định của chuẩn mực số 03 - VAS 03 và chuẩn mực số 04 — VAS 04 ban hành theo quyết định số 149/2001/QĐ - BTC. Theo đó các nội dung được quy định bao gồm:

*** Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - TSCĐHH (VAS 03)** [4]

TSCĐHH thường là bộ phận chủ yếu trong tổng giá trị tài sản và đóng vai tr quan trọng trong việc thể hiện tình hình tài chính của doanh nghiệp, vì vậy việc xác định một tài sản có được ghi nhận là TSCĐHH hay là một khoản chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ sẽ có ảnh hưởng đáng kể đến báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Theo đoạn 06 của chuẩn mực kế toán (CMKT) Việt Nam — VAS 03 quy định rõ các tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ hữu hình phải thỏa mãn đồng thời tất cả 04 tiêu chuẩn ghi nhân sau:
giá mua TSCĐ hữu hình đã bao gồm nghĩa vụ của doanh nghiệp phải bỏ thêm các khoản chi phí để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng thì việc vốn hóa các chi phí phát sinh sau cũng phải căn cứ vào khả năng thu hồi chi phí. Ví dụ khi mua một ngôi nhà đ i hỏi doanh nghiệp phải sửa chữa trước khi sử dụng thì chi phí sữa chữa ngôi nhà được tính vào nguyên giá của tài sản nếu giá trị đó có thể thu hồi được từ việc sử dụng ngôi nhà trong tương lai.

Trường hợp một số bộ phận của TSCĐ hữu hình đ i hỏi phải được thay thế thường xuyên, được hạch toán là các TSCĐ độc lập nếu các bộ phận đó thỏa mãn đủ bốn (4) tiêu chuẩn quy định cho TSCĐ hữu hình. Ví dụ máy điều h a nhiệt độ trong một ngôi nhà có thể phải thay thế nhiều lần trong suốt thời gian sử dụng hữu ích của ngôi nhà đó thì các khoản chi phí phát sinh trong việc thay thế hay khôi phục máy điều h a được hạch toán thành một tài sản độc lập và giá trị máy điều hoà khi được thay thế sẽ được ghi giảm.

Chi phí liên quan đến TSCĐ vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi các chi phí này gắn liền với một TSCĐ vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Mục đích chung của việc soạn thảo và ban hành các chuẩn mực kế toán là để thống nhất hoạt động kế toán trong một phạm vi địa lý (đó có thể là trong một quốc gia, trong một khu vực hay trên toàn cầu). Chuẩn mực kế toán chính là những qui định, những nguyên tắc cơ bản, những hướng dẫn cần được tôn trọng khi thực hiện các công việc kế toán và khi trình bày các thông tin trong các báo cáo tài chính sao cho đảm bảo tính minh bạch của các báo cáo tài chính.

27

Chi phí phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu liên quan đến nhãn hiệu hàng hóa, quyền phát hành, danh sách khách hàng và các khoản mục tương tự về bản chất (kể cả trường hợp mua từ bên ngoài hoặc tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp) luôn được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

1.1.3.3. Đánh giá giá trị sau ghi nhận ban đầu

Sau khi ghi nhận ban đầu, trong quá trình sử dụng, TSCĐ được xác định theo nguyên giá, khấu hao luỹ kế và giá trị c n lại.

Trường hợp TSCĐ hữu hình được đánh giá lại theo quy định của Nhà nước thì nguyên giá, khấu hao luỹ kế và giá trị c n lại phải được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại. Chênh lệch do đánh giá lại TSCĐ hữu hình được xử lý và kế toán theo quy định của Nhà nước.

1.1.4. Yêu cầu quản lý, vai tr và nhiệm vụ kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp

1.1.4.1. Yêu cầu quản lý tài sản cố định

Tài sản cố định là cơ sở vật chất kỹ thuật quan trọng đối với hoạt động sản xuất kinh doanh trong các doanh nghiệp, do đó cần được quản lý chặt chẽ nhằm phát huy được hiệu quả cao nhất trong quá trình sử dụng. Trong quá trình quản lý, sử dụng tài sản cố định cần phải được thực hiện các yêu cầu sau[10]:

Thứ nhất, phải nắm được toàn bộ tài sản cố định có đang sử dụng ở doanh nghiệp cả về hiện vật và về giá trị. Để thực hiện được yêu cầu này doanh nghiệp phải tổ chức theo dõi tài sản cố định về mặt hiện vật và giá trị, có phương pháp xác định chính xác giá trị của tài sản. Viêc xác định giá trị

Kế toán TSCĐHH và TSCĐVH trong doanh nghiệp đ i hỏi phải tuân thủ quy định của chuẩn mực số 03 - VAS 03 và chuẩn mực số 04 — VAS 04 ban hành theo quyết định số 149/2001/QĐ - BTC. Theo đó các nội dung được quy định bao gồm:

*** Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - TSCĐHH (VAS 03)** [4]

TSCĐHH thường là bộ phận chủ yếu trong tổng giá trị tài sản và đóng vai tr quan trọng trong việc thể hiện tình hình tài chính của doanh nghiệp, vì vậy việc xác định một tài sản có được ghi nhận là TSCĐHH hay là một khoản chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ sẽ có ảnh hưởng đáng kể đến báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Theo đoạn 06 của chuẩn mực kế toán (CMKT) Việt Nam — VAS 03 quy định rõ các tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ hữu hình phải thỏa mãn đồng thời tất cả 04 tiêu chuẩn ghi nhân sau:
của tài sản phải dựa trên những nguyên tắc đánh giá nhất định, từ đó cung cấp các thông tin tổng quát về toàn bộ năng lực của tài sản cố định phục vụ yêu cầu quản lý kinh tế. Phải có tiêu thức phân loại hợp lý để có thể quản lý một cách chặt chẽ, và cung cấp thông tin một cách chính xác về tình hình hiện có của tài sản cố định trong doanh nghiệp.

Thứ hai, phải nắm chắc được tình hình sử dụng tài sản cố định trong các bộ phận của doanh nghiệp, cung cấp thông tin phục vụ cho việc phân tích đánh giá tình hình sử dụng tài sản cố định và đảm bảo an toàn cho tài sản cố định trong quá trình sử dụng. Để thực hiện được yêu cầu này trước hết doanh nghiệp phải xây dựng quy chế trách nhiệm vật chất đối với người bảo quản, sử dụng tài sản. Phải có phương pháp để theo dõi tài sản cố định hiện đang sử dụng ở từng bộ phận trong doanh nghiệp cả về hiện vật và giá trị. Khi thực hiện yêu cầu này, doanh nghiệp sẽ có các thông tin cụ thể chi tiết về tài sản cố định hiện đang ở các bộ phận sử dụng tài sản, từ đó có các biện pháp xử lý kịp thời để phát huy được năng lực tài sản cố định trong quá trtình sản xuất kinh doanh.

Thứ ba, tài sản cố định phải được quản lý từ khi đầu tư, xây dựng, mua sắm, đến quá trình sử dụng tài sản và cả cho đến khi không c n sử dụng (hư

Mục đích chung của việc soạn thảo và ban hành các chuẩn mực kế toán là để thống nhất hoạt động kế toán trong một phạm vi địa lý (đó có thể là trong một quốc gia, trong một khu vực hay trên toàn cầu). Chuẩn mực kế toán chính là những qui định, những nguyên tắc cơ bản, những hướng dẫn cần được tôn trọng khi thực hiện các công việc kế toán và khi trình bày các thông tin trong các báo cáo tài chính sao cho đảm bảo tính minh bạch của các báo cáo tài chính.

hỏng thanh lý, nhượng bán). Do chi phí để có một tài sản cố định thường rất lớn, trong quá trình sử dụng phải phân bổ chi phí đã đầu tư ban đầu, nếu xét thấy tài sản sử dụng không hiệu quả do không thích ứng với hoạt động của doanh nghiệp hoặc tài sản bị lỗi thời… doanh nghiệp cần có biện pháp xử lý như nhượng bán để thay thế bằng tài sản cố định khác. Hoặc tài sản cố định hư hỏng và thanh lý sẽ giảm được chi phí tồn đã đầu tư vào tài sản của doanh nghiệp.

Thứ tư, trong quá trình quản lý và sử dụng, TSCĐ phải luôn được xác định theo 3 chỉ tiêu là nguyên giá, số khấu hao lũy kế và giá trị c n lại.

1.1.4.2. Vai tr của tài sản cố định

TSCĐ là một bộ phận của tư liệu sản xuất, giữ vai tr tư liệu lao đông chủ yếu của quá trình sản xuất. Chúng được coi là cơ sở vật chất kỹ thuật có vại tr quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh, là điều kiện tăng năng suất lao động xã hội và phát triển nền kinh tế quốc dân.

TSCĐ là cơ sở vật chất kỹ thuật của doanh nghiệp, nó phản ánh năng lực sản xuất hiện có và trình độ ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nói riêng và nền kinh tế quốc dân nói chung.

TSCĐ là một trong những yếu tổ quan trọng tạo khả năng tăng trưởng bền vững, tăng năng suất lao động, từ đó giảm chi phí và hạ giá thành sản phẩm dịch vụ.

TSCĐ c n là một công cụ huy động vốn hiệu quả. đối với vay vốn ngân hàng thì TSCĐ được coi là điều kiện khá quan trọng bởi nó đóng vai tr là vật

Kế toán TSCĐHH và TSCĐVH trong doanh nghiệp đ i hỏi phải tuân thủ quy định của chuẩn mực số 03 - VAS 03 và chuẩn mực số 04 — VAS 04 ban hành theo quyết định số 149/2001/QĐ - BTC. Theo đó các nội dung được quy định bao gồm:

*** Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - TSCĐHH (VAS 03)** [4]

TSCĐHH thường là bộ phận chủ yếu trong tổng giá trị tài sản và đóng vai tr quan trọng trong việc thể hiện tình hình tài chính của doanh nghiệp, vì vậy việc xác định một tài sản có được ghi nhận là TSCĐHH hay là một khoản chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ sẽ có ảnh hưởng đáng kể đến báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Theo đoạn 06 của chuẩn mực kế toán (CMKT) Việt Nam — VAS 03 quy định rõ các tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ hữu hình phải thỏa mãn đồng thời tất cả 04 tiêu chuẩn ghi nhận sau:
thế chấp cho món tiền vay, trên cơ sở giá trị của TSCĐ thế chấp ngân hàng mới có quyết định cho vay hay không và cho vay với số lượng cũng như thời hạn bao lâu. Đối với công ty cổ phần thì độ lớn của Công ty phụ thuộc vào giá trị TSCĐ mà công ty nắm giữ, do đó quá trình huy động vốn cho doanh nghiệp bằng cách phát hành trái phiếu hay cổ phiếu, mức độ tin cậy của nhà đầu tư chịu ảnh hưởng khá lớn từ lượng TSCĐ mà Công ty hiện có và hàm lượng công nghệ có trong TSCĐ của Công ty.

Chính vì vậy, việc cải tiến, hoàn thiện, đổi mới và sử dụng hiệu quả TSCĐ là một trong những nhân tố quyết định sự tồn tại và phát triển của các doanh nghiệp và của nền kinh tế quốc dân.

1.1.4.3. Nhiệm vụ của kế toán tài sản cố định

TSCĐ là tư liệu sản xuất chủ yếu có vai tr quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. TSCĐ thường có giá trị lớn và chiếm tỷ trọng cao trong tổng giá trị tải sản của doanh nghiệp. Quản lý và sử dụng tốt TSCĐ không chỉ tạo điều kiện cho doanh nghiệp chủ động kế hoạch sản xuất mà c n là biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn hạ giá thành sản phẩm. Để đáp ứng các yêu cầu quản lý và sử dụng TSCĐ thì kế toán TSCĐ phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau[10]:

Mục đích chung của việc soạn thảo và ban hành các chuẩn mực kế toán là để thống nhất hoạt động kế toán trong một phạm vi địa lý (đó có thể là trong một quốc gia, trong một khu vực hay trên toàn cầu). Chuẩn mực kế toán chính là những qui định, những nguyên tắc cơ bản, những hướng dẫn cần được tôn trọng khi thực hiện các công việc kế toán và khi trình bày các thông tin trong các báo cáo tài chính sao cho đảm bảo tính minh bạch của các báo cáo tài chính.

31

Tổ chức ghi chép phản ánh tổng hợp chính xác kịp thời số lượng. giá trị TSCĐ hiện có tình hình tăng, giảm và hiện trạng TSCĐ trong phạm vi toàn đơn vị, cũng như tại từng bộ phận sử dụng TSCĐ, tạo điều kiện cung cấp thông tin để kiểm tra, giám sát thường xuyên việc giữ gìn, bảo quản, bảo dưỡng TSCĐ và kế hoạch đầu tư đổi mới TSCĐ trong từng đơn vị.

Tính đúng và phân bổ chính xác mức khấu hao TSCĐ vào chi phí sản xuất kinh doanh của các bộ phận sử dụng TSCĐ, quản lý và sử dụng nguồn vốn đầu tư hình thành từ việc trích khấu hao TSCĐ có hiệu quả.

Tham gia lập kế hoạch và dự toán chi phí sửa chữa lớn TSCĐ, phản ánh chính xác thực tế sửa chữa TSCĐ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ theo đúng đối tượng sử dụng TSCĐ, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch và chi phí sửa chữa TSCĐ.

Tính toán phản ánh kịp thời, chính xác tình hình xây dựng trang bị, đổi mới, nâng cấp hoặc tháo dỡ bớt làm tăng nguyên giá TSCĐ cũng như tình hình thanh lý, nhượng bán làm giảm nguyên giá TSCĐ.

Hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị, các bộ phận phụ thuộc trong các doanh nghiệp thực hiện đầy đủ chế độ ghi chép ban đầu về TSCĐ, mở các số, thẻ kế toán cần thiết và hạch toán TSCĐ đúng chế độ quy định.

Tham gia kiểm kê, đánh giá lại TSCĐ theo quy định của Nhà nước và yêu cầu bảo quản vốn, tiến hành phân tích tình hình trang bị, huy động bảo quản, sử dụng TSCĐ tại đơn vị nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế của TSCĐ.

Kế toán TSCĐHH và TSCĐVH trong doanh nghiệp đ i hỏi phải tuân thủ quy định của chuẩn mực số 03 - VAS 03 và chuẩn mực số 04 — VAS 04 ban hành theo quyết định số 149/2001/QĐ - BTC. Theo đó các nội dung được quy định bao gồm:

*** Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - TSCĐHH (VAS 03)** [4]

TSCĐHH thường là bộ phận chủ yếu trong tổng giá trị tài sản và đóng vai tr quan trọng trong việc thể hiện tình hình tài chính của doanh nghiệp, vì vậy việc xác định một tài sản có được ghi nhận là TSCĐHH hay là một khoản chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ sẽ có ảnh hưởng đáng kể đến báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Theo đoạn 06 của chuẩn mực kế toán (CMKT) Việt Nam — VAS 03 quy định rõ các tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ hữu hình phải thỏa mãn đồng thời tất cả 04 tiêu chuẩn ghi nhân sau:

1.2. Ảnh hưởng của chuẩn mực kế toán Việt Nam đến kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp

1.3. Nội dung kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp

1.3.1. Kế toán tăng giảm tài sản cố định

1.3.1.1. Chứng từ kế toán

Chứng từ trong kế toán có hai chức năng đó là chức năng thông tin và chức năng kiểm tra. Với chức năng thông tin, chứng từ kế toán giúp sao chép chụp nguyên gốc các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, là căn cứ phân loại ghi sổ, tổng hợp kế toán. Với chức năng kiểm tra, chứng từ kế toán là căn cứ pháp lý cho việc bảo vệ tài sản, xác minh tính hợp pháp trong việc xử lý các nghiệp vụ kinh tế, giúp chứng minh kế toán doanh nghiệp đã tuân thủ các quy định của các văn bản pháp luật kế toán. Do đó chứng từ kế toán đóng một vai tr rất quan trọng trong kế toán doanh nghiệp nói chung và đối với kế toán TSCĐ nói riêng. Để hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến tài sản cố định, kế toán dựa vào các chứng từ sau:

- Các quyết định tăng, giảm TSCĐ của chủ sở hữu.

Mục đích chung của việc soạn thảo và ban hành các chuẩn mực kế toán là để thống nhất hoạt động kế toán trong một phạm vi địa lý (đó có thể là trong một quốc gia, trong một khu vực hay trên toàn cầu). Chuẩn mực kế toán chính là những qui định, những nguyên tắc cơ bản, những hướng dẫn cần được tôn trọng khi thực hiện các công việc kế toán và khi trình bày các thông tin trong các báo cáo tài chính sao cho đảm bảo tính minh bạch của các báo cáo tài chính.

- Theo quy định tại thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, có 6 loại chứng từ tài sản cố định, bao gồm:

+ Biên bản giao nhận TSCĐ (Mẫu số 01-TSCĐ).

+ Biên bản thanh lý TSCĐ (Mẫu số 02-TSCĐ).

+ Biên bản giao TSCĐ sửa chữa lớn hoàn thành (Mẫu số 03-TSCĐ).

+ Biên bản đánh giá lại TSCĐ (Mẫu số 04-TSCĐ).

+ Biên bản kiểm kê TSCĐ (Mẫu số 05-TSCĐ)

1.3.1.2. Tài khoản sử dụng

Trong kế toán tài chính, hệ thống tài khoản kế toán phải được áp dụng theo quyết định do Bộ Tài chính ban hành. Hiện nay hệ thống tài khoản thống nhất trong các doanh nghiệp được áp dụng theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, của Bộ tài chính.

Trong từng trường hợp cụ thể kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán phản ánh các nghiệp vụ kế toán liên quan. Để phản ánh tình hình biến động tài sản cố định, kế toán TSCĐ tại các doanh nghiệp phải sử dụng các tài khoản chủ yếu sau:

*** Tài khoản 211 - Tài sản cố định hữu hình**: Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động tăng, giảm toàn bộ tài sản cố định hữu hình của doanh nghiệp theo nguyên giá.

Tài khoản 211 - Tài sản cố định hữu hình có 6 tài khoản cấp 2:

Kế toán TSCĐHH và TSCĐVH trong doanh nghiệp đ i hỏi phải tuân thủ quy định của chuẩn mực số 03 - VAS 03 và chuẩn mực số 04 — VAS 04 ban hành theo quyết định số 149/2001/QĐ - BTC. Theo đó các nội dung được quy định bao gồm:

*** Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - TSCĐHH (VAS 03)** [4]

TSCĐHH thường là bộ phận chủ yếu trong tổng giá trị tài sản và đóng vai tr quan trọng trong việc thể hiện tình hình tài chính của doanh nghiệp, vì vậy việc xác định một tài sản có được ghi nhận là TSCĐHH hay là một khoản chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ sẽ có ảnh hưởng đáng kể đến báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Theo đoạn 06 của chuẩn mực kế toán (CMKT) Việt Nam — VAS 03 quy định rõ các tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ hữu hình phải thỏa mãn đồng thời tất cả 04 tiêu chuẩn ghi nhân sau:

- Tài khoản 2111 - Nhà cửa. vật kiến trúc: Phản ánh giá trị các công trình xay dựng cơ bản (XDCB) như nhà cửa, vật kiến trúc, hàng rào, bể, tháp nước, sân bãi, các công trình trang trí thiết kế cho nhà cửa, các công trình cơ sở hạ tầng như đường sá, cầu cống, đường sắt, cầu tàu, cầu cảng...
- Tài khoản 2112 - Máy móc thiết bị: Phản ánh giá trị các loại máy móc, thiết bị dùng trong sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm những máy móc chuyên đùng, máy móc, thiết bị công tác, dây chuyên công nghệ và những máy móc đơn lẻ.
- Tài khoản 2113 - Phương tiện vận tải, truyền dẫn: Phản ánh giá trị các loại phương tiện vận tải, gồm phương tiện vận tải đường bộ, sắt, thuỷ, sông, hàng không, đường ống và các thiết bị truyền dẫn.
- Tài khoản 2114 - Thiết bị, dụng cụ quản lý: Phản ánh giá trị các loại thiết bị, dụng cụ sử dụng trong quản lý, kinh doanh, quản lý hành chính.

-Tài khoản 2115 - Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm: Phản ánh giá trị các loại TSCĐ là các loại cây lâu năm, súc vật làm việc, súc vật nuôi để lấy sản phẩm.

- Tải khoản 2118 - TSCĐ khác: Phản ánh giá trị các loại TSCĐ khác chưa phản ánh ở các tài khoản nêu trên.

Mục đích chung của việc soạn thảo và ban hành các chuẩn mực kế toán là để thống nhất hoạt động kế toán trong một phạm vi địa lý (đó có thể là trong một quốc gia, trong một khu vực hay trên toàn cầu). Chuẩn mực kế toán chính là những qui định, những nguyên tắc cơ bản, những hướng dẫn cần được tôn trọng khi thực hiện các công việc kế toán và khi trình bày các thông tin trong các báo cáo tài chính sao cho đảm bảo tính minh bạch của các báo cáo tài chính.

35

*** Tài khoản 213 - Tài sản cố định vô hình:** Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động tăng, giảm TSCĐ vô hình của doanh nghiệp. TSCĐ vô hình là tài sản không có hình thái vật chất, nhưng xác định được giá trị và do doanh nghiệp nắm giữ, sử dụng trong sản xuất kinh doanh (SXKD), cung cấp dịch vụ hoặc cho các đối tượng khác thuê, phù hợp với tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ vô hình.

Tài khoản 213 - TSCĐ vô hình, có 7 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 2131 - Quyền sử dụng đất: Chỉ phản ánh vào tài khoản này quyền sử dụng đất được coi là tài sản cố định vô hình theo quy định của pháp luật. Giá trị TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất gồm toàn bộ các chi phí thực tế đã chỉ ra liên quan trực tiếp tới quyền sử dụng đất, như: Tiền chỉ ra để có quyền sử dụng đất, chỉ phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng (trường hợp quyền sử dụng đất riêng biệt đối với giai đoạn đầu tư nhà cửa, vật kiến trúc trên đất), lệ phí trước bạ (nếu có)... Tài khoản này không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất.
- Tải khoản 2132 - Quyền phát hành: Phản ánh giá trị TSCĐ vô hình là toàn bộ các chỉ phí thực tế doanh nghiệp đã chi ra để có quyền phát hành.
- Tài khoản 2133 - Bản quyền, bằng sáng chế: Phản ánh giá trị TSCĐ vô hình là các chi phí thực tế chỉ ra để có bản quyền tác giả, bằng sáng chế.

Kế toán TSCĐHH và TSCĐVH trong doanh nghiệp đ i hỏi phải tuân thủ quy định của chuẩn mực số 03 - VAS 03 và chuẩn mực số 04 — VAS 04 ban hành theo quyết định số 149/2001/QĐ - BTC. Theo đó các nội dung được quy định bao gồm:

*** Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - TSCĐHH (VAS 03)** [4]

TSCĐHH thường là bộ phận chủ yếu trong tổng giá trị tài sản và đóng vai tr quan trọng trong việc thể hiện tình hình tài chính của doanh nghiệp, vì vậy việc xác định một tài sản có được ghi nhận là TSCĐHH hay là một khoản chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ sẽ có ảnh hưởng đáng kể đến báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Theo đoạn 06 của chuẩn mực kế toán (CMKT) Việt Nam — VAS 03 quy định rõ các tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ hữu hình phải thỏa mãn đồng thời tất cả 04 tiêu chuẩn ghi nhân sau:

- Tài khoản 2134 - Nhãn hiệu, tên thương mại: Phản ánh giá trị TSCĐ vô hình là các chi phí thực tế liên quan trực tiếp tới việc mua nhãn hiệu hàng hoá.
- Tài khoản 2135 - Chương trình phần mềm: Phản ánh giá trị TSCĐ vô hình là toàn bộ các chi phí thực tế doanh nghiệp đã chi ra để có chương trình phần mềm.
- Tài khoản 2136 - Giấy phép và giấy phép nhượng quyền: Phản ánh giá trị tài sản cố định vô hình là các khoản chi ra để doanh nghiệp có được giấy phép hoặc giấy phép nhượng quyền thực hiện công việc đó, như: Giấy phép khai thác, giấy phép sản xuất loại sản phẩm mới...
- Tài khoản 2138 - TSCĐ vô hình khác: Phản ánh giá trị các loại TSCĐ vô hình khác chưa quy định phản ánh ở các tải khoản trên.

Ngoài ra kế toán c n phải sử dụng các tài khoản có liên quan khác.

Mọi trường hợp tăng, giảm TSCĐ đều phải lập chứng từ kế toán để làm căn cứ cho việc ghi chép và kiểm tra.

1.3.1.3. Phương pháp kế toán

· Kế toán tăng TSCĐ

**** Kế toán tăng TSCĐ hữu hình***[10]

Mục đích chung của việc soạn thảo và ban hành các chuẩn mực kế toán là để thống nhất hoạt động kế toán trong một phạm vi địa lý (đó có thể là trong một quốc gia, trong một khu vực hay trên toàn cầu). Chuẩn mực kế toán chính là những qui định, những nguyên tắc cơ bản, những hướng dẫn cần được tôn trọng khi thực hiện các công việc kế toán và khi trình bày các thông tin trong các báo cáo tài chính sao cho đảm bảo tính minh bạch của các báo cáo tài chính.

37

Tài sản cố định của đơn vị tăng do được giao vốn (Đối với DNNN), nhận góp vốn bằng TSCĐ, do mua sắm, do công tác XDCB đã hoàn thành đưa vào sử dụng, do được viện trợ hoặc tặng, biếu.

Trường hợp 1: Trường hợp TSCĐ được mua sắm

- Trường hợp mua sắm TSCĐHH (Kể cả mua mới hoặc mua lại TSCĐ đã sử dụng) dùng vào sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, căn cứ các chứng từ có liên quan đến việc mua TSCĐ, kế toán xác định nguyên giá của TSCĐ, lập hồ sơ kế toán, lập Biên bản giao nhận TSCĐ, ghi tăng nguyên giá TSCĐHH (giá mua chưa có thuế GTGT), tăng thuế GTGT được khấu trừ và ghi giảm các tài khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, nợ phải trả người bán...
- Trường hợp mua TSCĐ dùng vào sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp, ghi tăng nguyên giá TSCĐHH (tổng giá thanh toán), và ghi giảm các tài khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, nợ phải trả người bán...
- Trường hợp mua sắm TSCĐHH được nhận kèm thiết bị phụ tùng thay thế, kế toán xác định nguyên giá TSCĐ theo giá đã trừ đi giá trị hợp lý của thiết bị phụ tùng thay thế. Phần giá trị hợp lý của thiết bị phụ tùng được hạch toán vào tài khoản CCDC (chi tiết thiết bị, phụ tùng thay thế)
- Nếu TSCĐ được mua sắm bằng nguồn vốn đầu tư XDCB hoặc quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp dùng vào SXKD, kế toán phải ghi

Kế toán TSCĐHH và TSCĐVH trong doanh nghiệp đ i hỏi phải tuân thủ quy định của chuẩn mực số 03 - VAS 03 và chuẩn mực số 04 — VAS 04 ban hành theo quyết định số 149/2001/QĐ - BTC. Theo đó các nội dung được quy định bao gồm:

*** Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - TSCĐHH (VAS 03)** [4]

TSCĐHH thường là bộ phận chủ yếu trong tổng giá trị tài sản và đóng vai tr quan trọng trong việc thể hiện tình hình tài chính của doanh nghiệp, vì vậy việc xác định một tài sản có được ghi nhận là TSCĐHH hay là một khoản chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ sẽ có ảnh hưởng đáng kể đến báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Theo đoạn 06 của chuẩn mực kế toán (CMKT) Việt Nam — VAS 03 quy định rõ các tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ hữu hình phải thỏa mãn đồng thời tất cả 04 tiêu chuẩn ghi nhân sau:
tăng nguồn vốn kinh doanh, giảm nguồn vốn XDCB hoặc giảm quỹ đầu tư phát triển khi quyết toán được duyệt.

Trường hợp 2: Trường hợp mua TSCĐHH theo phương thức trả chậm, trả góp

- Khi mua TSCĐHH theo phương thức trả chậm, trả góp và đưa về sử dụng ngay cho SXKD, ghi tăng nguyên giá TSCĐHH (Nguyên giá – ghi theo giá mua trả tiền ngay), tăng thuế GTGT được khấu trừ, tăng chi phí trả trước (phần lãi trả chậm là số chênh lệch giữa tổng số tiền phải thanh toán trừ (-) giá mua trả tiền ngay trừ (-) thuế GTGT), và ghi có TK phải trả cho người bán (Tổng giá thanh toán).
- Định kỳ, thanh toán tiền cho người bán, ghi giảm tài khoản phải trả người bán và ghi có các tài khoản liên quan (Số phải trả định kỳ bao gồm cả gốc và lãi trả chậm, trả góp phải trả định kỳ)
- Định kỳ, tính vào chi phí theo số lãi trả chậm, trả góp phải trả của từng kỳ, ghi tăng chi phí tài chính, ghi giảm chi phí trả trước.

Trường hợp 3: Trường hợp TSCĐHH mua dưới hình thức trao đổi

- TSCĐHH mua dưới hình thức trao đổi với TSCĐHH tương tự: Khi nhận TSCĐHH tương tự do trao đổi và đưa vào sử dụng ngay cho SXKD,

Mục đích chung của việc soạn thảo và ban hành các chuẩn mực kế toán là để thống nhất hoạt động kế toán trong một phạm vi địa lý (đó có thể là trong một quốc gia, trong một khu vực hay trên toàn cầu). Chuẩn mực kế toán chính là những qui định, những nguyên tắc cơ bản, những hướng dẫn cần được tôn trọng khi thực hiện các công việc kế toán và khi trình bày các thông tin trong các báo cáo tài chính sao cho đảm bảo tính minh bạch của các báo cáo tài chính.

39

ghi tăng nguyên giá TSCĐHH (Nguyên giá TSCĐHH nhận về ghi theo giá trị c n lại của TSCĐ đưa đi trao đổi), ghi giảm hao m n TSCĐ (giá trị đã khấu hao của TSCĐ đưa đi trao đổi), và ghi giảm nguyên giá TSCĐHH (Nguyên giá của TSCĐ hữu hình đưa đi trao đổi)

- TSCĐHH mua dưới hình thức trao đổi với TSCĐHH không tương tự: + Khi giao TSCĐHH cho bên trao đổi, ghi tăng chi phí khác (Giá trị c n lại của TSCĐHH đưa đi trao đổi), giảm hao m n TSCĐ (giá trị đã khấu hao), và ghi giảm nguyên giá TSCĐHH. Đồng thời ghi tăng thu nhập do trao đổi TSCĐ - Khi nhận được TSCĐHH do trao đổi, ghi tăng nguyên giá TSCĐHH (giá trị hợp lý của TSCĐ nhận được do trao đổi), tăng thuế GTGT được khấu trừ (nếu có) và ghi giảm phải thu của khách hàng.

Trường hợp 4: Trường hợp mua TSCĐHH là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất, đưa vào sử dụng ngay cho hoạt động SXKD, ghi tăng nguyên giá TSCĐ (tăng nguyên giá TSCĐHH – chi tiết nhà cửa, vật kiến trúc; tăng nguyên giá TSCĐVH – chi tiết quyền sử dụng đất), tăng thuế GTGT được khấu trừ (nếu có) và ghi có các tài khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, phải trả người bán…

Trường hợp 5: Trường hợp TSCĐ hữu hình tăng do đầu tư XDCB hoàn thành

- Trường hợp quá trình đầu tư XDCB được hạch toán trên cùng hệ thống sổ kế toán của đơn vị:

Kế toán TSCĐHH và TSCĐVH trong doanh nghiệp đ i hỏi phải tuân thủ quy định của chuẩn mực số 03 - VAS 03 và chuẩn mực số 04 — VAS 04 ban hành theo quyết định số 149/2001/QĐ - BTC. Theo đó các nội dung được quy định bao gồm:

*** Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - TSCĐHH (VAS 03)** [4]

TSCĐHH thường là bộ phận chủ yếu trong tổng giá trị tài sản và đóng vai tr quan trọng trong việc thể hiện tình hình tài chính của doanh nghiệp, vì vậy việc xác định một tài sản có được ghi nhận là TSCĐHH hay là một khoản chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ sẽ có ảnh hưởng đáng kể đến báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Theo đoạn 06 của chuẩn mực kế toán (CMKT) Việt Nam — VAS 03 quy định rõ các tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ hữu hình phải thỏa mãn đồng thời tất cả 04 tiêu chuẩn ghi nhân sau:

+ Khi công tác XDCB hoàn thành nghiệm thu, bàn giao đưa tài sản vào sử dụng cho sản xuất, kinh doanh, ghi tăng nguyên giá TSCĐHH và ghi giảm tài khoản xây dựng cơ bản dở dang.

+ Nếu doanh nghiệp sử dụng nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản hoặc các quỹ doanh nghiệp để đầu tư XDCB, kế toán ghi tăng nguồn vốn kinh doanh, giảm nguồn vốn đầu tư XDCB và các quỹ doanh nghiệp khi quyết toán được duyệt.

- Trường hợp quá trình đầu tư XDCB không hạch toán trên cùng hệ thống sổ kế toán của đơn vị (Đơn vị chủ đầu tư có tổ chức kế toán riêng để theo dõi quá trình đầu tư XDCB):

+ Khi doanh nghiệp nhận bàn giao TSCĐ là sản phẩm đầu tư XDCB hoàn thành và nguồn vốn hình thành TSCĐ (Kể cả bàn giao khoản vay đầu tư XDCB), ghi tăng nguyên giá TSCĐHH, tăng thuế GTGT được khấu trừ (nếu có), và ghi tăng các tài khoản liên quan (TK 411 - phần vốn chủ sở hữu, TK 341 - phần vốn vay của các tổ chức tín dụng, TK 136 - phần vốn đơn vị cấp trên giao).

+ Đối với doanh nghiệp Nhà nước, nếu TSCĐ (Đầu tư qua nhiều năm) được nghiệm thu, bàn giao theo giá trị ở thời điểm bàn giao công trình (Theo

Mục đích chung của việc soạn thảo và ban hành các chuẩn mực kế toán là để thống nhất hoạt động kế toán trong một phạm vi địa lý (đó có thể là trong một quốc gia, trong một khu vực hay trên toàn cầu). Chuẩn mực kế toán chính là những qui định, những nguyên tắc cơ bản, những hướng dẫn cần được tôn trọng khi thực hiện các công việc kế toán và khi trình bày các thông tin trong các báo cáo tài chính sao cho đảm bảo tính minh bạch của các báo cáo tài chính.

giá trị phê duyệt của cấp có thẩm quyền), ghi tăng nguyên giá TSCĐHH (nguyên giá được duyệt), tăng thuế GTGT được khấu trừ (nếu có), và ghi tăng các tài khoản liên quan (TK 411 - phần vốn chủ sở hữu, TK 341 - phần vốn vay của các tổ chức tín dụng, TK 136 - phần vốn đơn vị cấp trên giao). Bàn giao TSCĐ hoàn thành qua đầu tư, đồng thời với việc bàn giao các khoản vay dài hạn, hoặc nợ dài hạn để hình thành TSCĐ đó.

Trường hợp 6: Trường hợp TSCĐHH tự chế

- Khi sử dụng sản phẩm do doanh nghiệp tự chế tạo để chuyển thành TSCĐ hữu hình sử dụng cho SXKD, ghi giảm thành phẩm (nếu xuất kho thành phẩm đưa vào sử dụng) hoặc ghi giảm chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (nếu đưa vào sử dụng làm TSCĐ ngay), đồng thời ghi tăng TSCĐ.
- Chi phí lắp đặt, chạy thử... liên quan đến TSCĐHH, ghi tăng nguyên giá TSCĐHH và ghi tăng công nợ hoặc giảm tiền.

Trường hợp 7: Trường hợp doanh nghiệp được tài trợ, biếu, tặng TSCĐHH đưa vào sử dụng ngay cho SXKD, ghi tăng nguyên giá TSCĐHH và ghi tăng thu nhập khác. Các chi phí khác liên quan trực tiếp đến TSCĐHH được tài trợ, biếu, tặng tính vào nguyên giá, ghi tăng nguyên giá TSCĐHH và ghi có các tài khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, phải trả người bán…

Trường hợp 8: Trường hợp công trình hoặc hạng mục công trình XDCB hoàn thành đã bàn giao đưa vào sử dụng, nhưng chưa được duyệt quyết toán vốn đầu tư, thì doanh nghiệp căn cứ vào chi phí đầu tư XDCB thực tế, tạm tính nguyên giá để hạch toán tăng TSCĐ (Để có cơ sở tính và trích khấu hao TSCĐ đưa vào sử dụng). Sau khi quyết toán vốn đầu tư XDCB được

Kế toán TSCĐHH và TSCĐVH trong doanh nghiệp đ i hỏi phải tuân thủ quy định của chuẩn mực số 03 - VAS 03 và chuẩn mực số 04 — VAS 04 ban hành theo quyết định số 149/2001/QĐ - BTC. Theo đó các nội dung được quy định bao gồm:

*** Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - TSCĐHH (VAS 03)** [4]

TSCĐHH thường là bộ phận chủ yếu trong tổng giá trị tài sản và đóng vai tr quan trọng trong việc thể hiện tình hình tài chính của doanh nghiệp, vì vậy việc xác định một tài sản có được ghi nhận là TSCĐHH hay là một khoản chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ sẽ có ảnh hưởng đáng kể đến báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Theo đoạn 06 của chuẩn mực kế toán (CMKT) Việt Nam — VAS 03 quy định rõ các tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ hữu hình phải thỏa mãn đồng thời tất cả 04 tiêu chuẩn ghi nhân sau:
duyệt, nếu có chênh lệch so với giá trị TSCĐ đã tạm tính thì kế toán thực hiện điều chỉnh tăng, giảm số chênh lệch.

Trường hợp 9: Trường hợp nhận vốn góp liên doanh của các đơn vị khác bằng TSCĐHH, căn cứ giá trị TSCĐ được các bên liên doanh chấp thuận, ghi tăng nguyên giá TSCĐHH và tăng nguồn vốn kinh doanh.

Trường hợp 10: TSCĐ nhận được do điều động nội bộ Công ty (không phải thanh toán tiền), ghi tăng nguyên giá TSCĐ hữu hình, ghi tăng giá trị hao m n và ghi tăng nguồn vốn kinh doanh hoặc nợ phải trả nộ bộ (giá trị c n lại).

Trường hợp 11: Trường hợp dùng kinh phí sự nghiệp, kinh phí dự án để đầu tư, mua sắm TSCĐ, khi TSCĐ mua sắm, đầu tư hoàn thành đưa vào sử dụng cho hoạt động sự nghiệp, dự án, ghi tăng nguyên giá TSCĐHH và ghi có tài khoản Nguồn kinh phí sự nghiệp. Đồng thời ghi tăng Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ. Nếu rút dự toán mua TSCĐ doanh nghiệp chủ động theo dõi và ghi chép trong phần Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trường hợp 12: Trường hợp đầu tư, mua sắm TSCĐ bằng quỹ phúc lợi, khi hoàn thành đưa vào sử dụng cho hoạt động văn hóa, phúc lợi, ghi tăng nguyên giá TSCĐHH và ghi có các tài khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, nợ

Mục đích chung của việc soạn thảo và ban hành các chuẩn mực kế toán là để thống nhất hoạt động kế toán trong một phạm vi địa lý (đó có thể là trong một quốc gia, trong một khu vực hay trên toàn cầu). Chuẩn mực kế toán chính là những qui định, những nguyên tắc cơ bản, những hướng dẫn cần được tôn trọng khi thực hiện các công việc kế toán và khi trình bày các thông tin trong các báo cáo tài chính sao cho đảm bảo tính minh bạch của các báo cáo tài chính.

phải trả người bán. Đồng thời kết chuyển giảm quỹ phúc lợi và tăng quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ.

Trường hợp 13: Chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu liên quan đến TSCĐHH như sửa chữa, cải tạo, nâng cấp:

- Khi phát sinh chi phí sửa chữa, cải tạo, nâng cấp TSCĐHH sau khi ghi nhận ban đầu, ghi tăng XDCB dở dang, tăng thuế GTGT được khấu trừ, và ghi có các tài khoản liên quan.
- Khi công việc sửa chữa, cải tạo, nâng cấp TSCĐ hoàn thành đưa vào sử dụng:

+ Nếu thoả mãn các điều kiện được ghi tăng nguyên giá TSCĐHH, bút toán kết chuyển ghi tăng nguyên giá TSCĐHH và ghi giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang.

+ Nếu không thoả mãn các điều kiện được ghi tăng nguyên giá TSCĐHH, ghi tăng các tài khoản chi phí và ghi giảm tài khoản xây dựng cơ bản dở dang.

Trường hợp 14: Khi phát hiện TSCĐ thừa khi kiểm kê, kế toán cần phải truy tìm nguyên nhân để xử lý. Đồng thời căn cứ vào "Biên bản kiểm kê TSCĐ" và kết luận của Hội đồng kiểm kê để hạch toán chính xác, kịp thời, theo từng nguyên nhân cụ thể:

+ Nếu TSCĐ phát hiện thừa do để ngoài sổ sách (chưa ghi sổ), kế toán phải căn cứ vào hồ sơ TSCĐ để ghi tăng TSCĐ theo từng trường hợp cụ thể.

+ Nếu TSCĐ thừa đang sử dụng thì ngoài nghiệp vụ ghi tăng TSCĐ hữu hình, phải căn cứ vào nguyên giá và tỷ lệ khấu hao để xác định giá trị hao m n

Kế toán TSCĐHH và TSCĐVH trong doanh nghiệp đ i hỏi phải tuân thủ quy định của chuẩn mực số 03 - VAS 03 và chuẩn mực số 04 — VAS 04 ban hành theo quyết định số 149/2001/QĐ - BTC. Theo đó các nội dung được quy định bao gồm:

*** Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - TSCĐHH (VAS 03)** [4]

TSCĐHH thường là bộ phận chủ yếu trong tổng giá trị tài sản và đóng vai tr quan trọng trong việc thể hiện tình hình tài chính của doanh nghiệp, vì vậy việc xác định một tài sản có được ghi nhận là TSCĐHH hay là một khoản chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ sẽ có ảnh hưởng đáng kể đến báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Theo đoạn 06 của chuẩn mực kế toán (CMKT) Việt Nam — VAS 03 quy định rõ các tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ hữu hình phải thỏa mãn đồng thời tất cả 04 tiêu chuẩn ghi nhân sau:
làm căn cứ tính, trích bổ sung khấu hao TSCĐ hoặc trích bổ sung hao m n đối với TSCĐ dùng cho hoạt động phúc lợi, sự nghiệp, dự án.

+ Nếu TSCĐ phát hiện thừa được xác định là TSCĐ của đơn vị khác thì phải báo ngay cho đơn vị chủ tài sản đó biết và theo dõi ngoài sổ sách kế toán. Trường hợp không phát hiện được nguyên nhân thì ghi tăng TSCĐ và ghi tăng tài khoản tài sản thừa chờ giải quyết hoặc ghi tăng thu nhập khác.

**** Kế toán tăng TSCĐ vô hình***[10]

Các trường hợp ghi tăng TSCĐVH cũng tương tự như các trường hợp ghi tăng TSCĐHH. Ngoài ra đối với TSCĐVH có một số trường hợp đặc thù khác:

Trường hợp 1: Giá trị TSCĐVH được hình thành từ nội bộ doanh nghiệp trong giai đoạn triển khai:

- Khi phát sinh chi phí trong giai đoạn triển khai xét thấy kết quả triển khai không thoả mãn định nghĩa và tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐVH thì tập hợp vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ hoặc tập hợp vào chi phí trả trước dài hạn.
- Khi xét thấy kết quả triển khai thoả mãn định nghĩa và tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐVH thì:

Mục đích chung của việc soạn thảo và ban hành các chuẩn mực kế toán là để thống nhất hoạt động kế toán trong một phạm vi địa lý (đó có thể là trong một quốc gia, trong một khu vực hay trên toàn cầu). Chuẩn mực kế toán chính là những qui định, những nguyên tắc cơ bản, những hướng dẫn cần được tôn trọng khi thực hiện các công việc kế toán và khi trình bày các thông tin trong các báo cáo tài chính sao cho đảm bảo tính minh bạch của các báo cáo tài chính.

45

+Tập hợp chi phí thực tế phát sinh ở giai đoạn triển khai để hình thành nguyên giá TSCĐVH.

+Khi kết thúc giai đoạn triển khai, kế toán phải xác định tổng chi phí thực tế phát sinh hình thành nguyên giá TSCĐVH.

Trường hợp 2: Khi mua TSCĐVH là quyền sử dụng đất cùng với mua nhà cửa, vật kiến trúc trên đất thì phải xác định riêng biệt giá trị TSCĐVH là quyền sử dụng đất, TSCĐHH là nhà cửa, vật kiến trúc, ghi tăng TSCĐHH (Nguyên giá nhà cửa, vật kiến trúc), tăng TSCĐVH (Nguyên giá quyền sử dụng đất), tăng thuế GTGT được khấu trừ (1332 - nếu có), và ghi có các tài khoản liên quan.

Trường hợp 3: Khi TSCĐVH hình thành từ việc trao đổi thanh toán bằng chứng từ liên quan đến quyền sở hữu vốn của các công ty cổ phần, nguyên giá TSCĐVH là giá trị hợp lý của các chứng từ được phát hành liên quan đến quyền sở hữu vốn.

Trường hợp 4: Khi có quyết định chuyển mục đích sử dụng của BĐS đầu tư là quyền sử dụng đất sang TSCĐVH, ghi tăng nguyên giá TSCĐVH, giảm BĐS đầu tư. Đồng thời kết chuyển số hao m n luỹ kế của BĐS đầu tư sang số hao m n luỹ kế của TSCĐVH.

· **Kế toán giảm TSCĐ** [10]

**** Kế toán giảm TSCĐ hữu hình***

Tài sản cố định hữu hình của đơn vị giảm, do nhượng bán, thanh lý, mất mát, phát hiện thiếu khi kiểm kê, đem góp vốn liên doanh, điều chuyển cho đơn vị khác, tháo dỡ một hoặc một số bộ phận... Trong mọi trường hợp giảm

Kế toán TSCĐHH và TSCĐVH trong doanh nghiệp đ i hỏi phải tuân thủ quy định của chuẩn mực số 03 - VAS 03 và chuẩn mực số 04 — VAS 04 ban hành theo quyết định số 149/2001/QĐ - BTC. Theo đó các nội dung được quy định bao gồm:

*** Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - TSCĐHH (VAS 03)** [4]

TSCĐHH thường là bộ phận chủ yếu trong tổng giá trị tài sản và đóng vai tr quan trọng trong việc thể hiện tình hình tài chính của doanh nghiệp, vì vậy việc xác định một tài sản có được ghi nhận là TSCĐHH hay là một khoản chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ sẽ có ảnh hưởng đáng kể đến báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Theo đoạn 06 của chuẩn mực kế toán (CMKT) Việt Nam — VAS 03 quy định rõ các tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ hữu hình phải thỏa mãn đồng thời tất cả 04 tiêu chuẩn ghi nhân sau:
TSCĐHH, kế toán phải làm đầy đủ thủ tục, xác định đúng những khoản thiệt hại và thu nhập (nếu có) Căn cứ các chứng từ liên quan, kế toán ghi sổ theo từng trường hợp cụ thể như sau:

Trường hợp 1: Trường hợp nhượng bán TSCĐ

TSCĐ nhượng bán thường là những TSCĐ không cần dùng hoặc xét thấy sử dụng không có hiệu quả. Khi nhượng bán TSCĐHH phải làm đầy đủ các thủ tục cần thiết (Lập Hội đồng xác định giá, thông báo công khai và tổ chức đấu giá, có hợp đồng mua bán, biên bản giao nhận TSCĐ...). Căn cứ vào biên bản giao nhận TSCĐ và các chứng từ liên quan đến nhượng bán TSCĐ:

- Trường hợp nhượng bán TSCĐ dùng vào sản xuất, kinh doanh: Căn cứ Biên bản giao nhận TSCĐ để ghi giảm TSCĐ đã nhượng bán. Các chi phí phát sinh liên quan đến nhượng bán TSCĐ được phản ánh vào bên Nợ TK 811 "Chi phí khác".
- Trường hợp nhượng bán TSCĐHH dùng vào hoạt động sự nghiệp, dự án: Căn cứ Biên bản giao nhận TSCĐ để ghi giảm TSCĐ đã nhượng bán. Số tiền thu, chi liên quan đến nhượng bán TSCĐHH ghi vào các tài khoản liên quan theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

Mục đích chung của việc soạn thảo và ban hành các chuẩn mực kế toán là để thống nhất hoạt động kế toán trong một phạm vi địa lý (đó có thể là trong một quốc gia, trong một khu vực hay trên toàn cầu). Chuẩn mực kế toán chính là những qui định, những nguyên tắc cơ bản, những hướng dẫn cần được tôn trọng khi thực hiện các công việc kế toán và khi trình bày các thông tin trong các báo cáo tài chính sao cho đảm bảo tính minh bạch của các báo cáo tài chính.

47

- Trường hợp nhượng bán TSCĐHH dùng vào hoạt động văn hóa, phúc lợi: Căn cứ Biên bản giao nhận TSCĐ để ghi giảm TSCĐ nhượng bán. Đồng thời phản ánh số thu về nhượng bán TSCĐ và phản ánh số chi về nhượng bán TSCĐ.

Trường hợp 2: Trường hợp thanh lý TSCĐ

TSCĐ thanh lý là những TSCĐ hư hỏng không thể tiếp tục sử dụng được, những TSCĐ lạc hậu về kỹ thuật hoặc không phù hợp với yêu cầu sản xuất, kinh doanh.

Khi có TSCĐ thanh lý, đơn vị phải ra quyết định thanh lý, thành lập Hội đồng thanh lý TSCĐ. Hội đồng thanh lý TSCĐ có nhiệm vụ tổ chức thực hiện việc thanh lý TSCĐ theo đúng trình tự, thủ tục quy định trong chế độ quản lý tài chính và lập “Biên bản thanh lý TSCĐ" theo mẫu quy định. Biên bản được lập thành 2 bản, 1 bản chuyển cho ph ng kế toán để theo dõi ghi sổ, 1 bản giao cho đơn vị quản lý, sử dụng TSCĐ Căn cứ vào Biên bản thanh lý và các chứng từ có liên quan đến các khoản thu, chi thanh lý TSCĐ... kế toán ghi sổ như trường hợp nhượng bán TSCĐ.

Trường hợp 3: Góp vốn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát bằng TSCĐHH:

Khi góp vốn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát bằng tài sản cố định, ghi tăng vốn góp liên doanh (Theo giá trị do các bên liên doanh đánh giá), giảm Hao m n TSCĐ (Số khấu hao đã trích), tăng chi phí khác (Số chênh lệch giữa giá đánh giá lại nhỏ hơn giá trị c n lại của TSCĐ) và ghi giảm TSCĐHH

Kế toán TSCĐHH và TSCĐVH trong doanh nghiệp đ i hỏi phải tuân thủ quy định của chuẩn mực số 03 - VAS 03 và chuẩn mực số 04 — VAS 04 ban hành theo quyết định số 149/2001/QĐ - BTC. Theo đó các nội dung được quy định bao gồm:

*** Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - TSCĐHH (VAS 03)** [4]

TSCĐHH thường là bộ phận chủ yếu trong tổng giá trị tài sản và đóng vai tr quan trọng trong việc thể hiện tình hình tài chính của doanh nghiệp, vì vậy việc xác định một tài sản có được ghi nhận là TSCĐHH hay là một khoản chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ sẽ có ảnh hưởng đáng kể đến báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Theo đoạn 06 của chuẩn mực kế toán (CMKT) Việt Nam — VAS 03 quy định rõ các tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ hữu hình phải thỏa mãn đồng thời tất cả 04 tiêu chuẩn ghi nhân sau:
(Nguyên giá), tăng thu nhập khác (Số chênh lệch giữa giá đánh giá lại lớn hơn giá trị c n lại của TSCĐ)

Trường hợp 4: Kế toán TSCĐHH phát hiện thiếu khi kiểm kê TSCĐ phát hiện thiếu phải được truy cứu nguyên nhân, xác định người chịu trách nhiệm và xử lý theo chế độ tài chính hiện hành.

- Trường hợp có quyết định xử lý ngay: Căn cứ "Biên bản xử lý TSCĐ thiếu" đã được duyệt và hồ sơ TSCĐ, kế toán phải xác định chính xác nguyên giá, giá trị hao m n của TSCĐ đó làm căn cứ ghi giảm TSCĐ và xử lý vật chất phần giá trị c n lại của TSCĐ.
- Trường hợp TSCĐ thiếu chưa xác định được nguyên nhân chờ xử lý ghi giảm tài khoản Hao m n TSCĐ (2141) (Giá trị hao m n), tăng phải thu khác (1381 – tài sản thiếu chờ xử lý) (Giá trị c n lại), và giảm nguyên giá TSCĐHH.

Trường hợp 5: Đối với TSCĐHH dùng cho sản xuất, kinh doanh, nếu không đủ tiêu chuẩn ghi nhận theo quy định phải chuyển thành công cụ, dụng cụ.

Trường hợp nếu nhập kho ghi tăng tài khoản CCDC, nếu tính vào chi phí trong kỳ thì hạch toán vào tài khoản chi phí sản xuất kinh doanh. Trường

Mục đích chung của việc soạn thảo và ban hành các chuẩn mực kế toán là để thống nhất hoạt động kế toán trong một phạm vi địa lý (đó có thể là trong một quốc gia, trong một khu vực hay trên toàn cầu). Chuẩn mực kế toán chính là những qui định, những nguyên tắc cơ bản, những hướng dẫn cần được tôn trọng khi thực hiện các công việc kế toán và khi trình bày các thông tin trong các báo cáo tài chính sao cho đảm bảo tính minh bạch của các báo cáo tài chính.

hợp TSCĐ chuyển thành CCDC liên quan đến chi phí phân bổ nhiều kỳ thì hạch toán vào tài khoản chi phí trả trước, định kỳ phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh.

**** Kế toán giảm TSCĐ vô hình***[10]

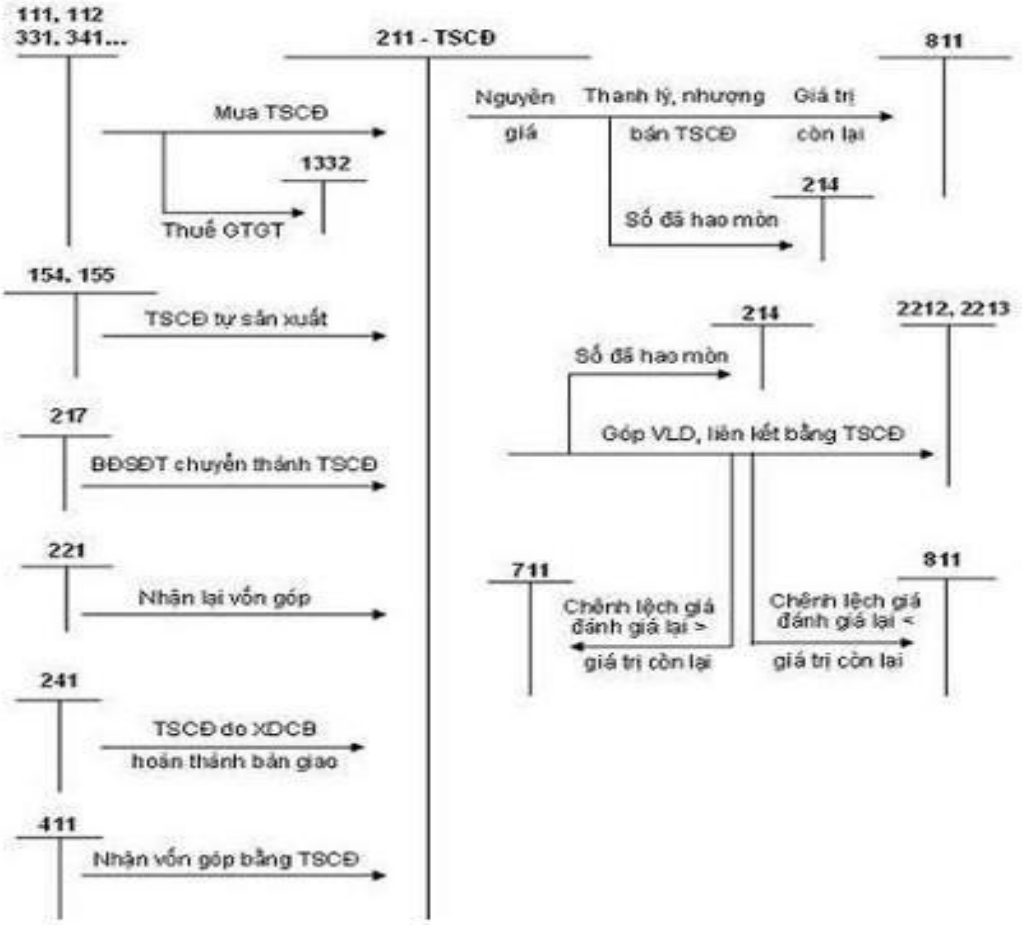
Tất cả các TSCĐVH mặc dù không có hình dạng nhưng cũng như TSCĐHH chúng tham gia vào nhiều chu kỳ kinh doanh và giá trị của chúng được chuyển dần vào chi phí kinh doanh từng kỳ.

Vì vậy, hạch toán kế toán giảm TSCĐVH được quy định tương tự như hạch toán kế toán giảm TSCĐHH.

Kế toán TSCĐHH và TSCĐVH trong doanh nghiệp đ i hỏi phải tuân thủ quy định của chuẩn mực số 03 - VAS 03 và chuẩn mực số 04 — VAS 04 ban hành theo quyết định số 149/2001/QĐ - BTC. Theo đó các nội dung được quy định bao gồm:

*** Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - TSCĐHH (VAS 03)** [4]

TSCĐHH thường là bộ phận chủ yếu trong tổng giá trị tài sản và đóng vai tr quan trọng trong việc thể hiện tình hình tài chính của doanh nghiệp, vì vậy việc xác định một tài sản có được ghi nhận là TSCĐHH hay là một khoản chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ sẽ có ảnh hưởng đáng kể đến báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Theo đoạn 06 của chuẩn mực kế toán (CMKT) Việt Nam — VAS 03 quy định rõ các tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ hữu hình phải thỏa mãn đồng thời tất cả 04 tiêu chuẩn ghi nhân sau:



Sơ đồ 1.1: Kế toán tăng giảm tài sản cố định

Nguồn: [10]

Mục đích chung của việc soạn thảo và ban hành các chuẩn mực kế toán là để thống nhất hoạt động kế toán trong một phạm vi địa lý (đó có thể là trong một quốc gia, trong một khu vực hay trên toàn cầu). Chuẩn mực kế toán chính là những qui định, những nguyên tắc cơ bản, những hướng dẫn cần được tôn trọng khi thực hiện các công việc kế toán và khi trình bày các thông tin trong các báo cáo tài chính sao cho đảm bảo tính minh bạch của các báo cáo tài chính.

51

1.3.2. Kế toán khấu hao tài sản cố định

1.3.2.1. Nguyên tắc và phương pháp trích khấu hao tài sản cố định

Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành quy định mọi TSCĐHH hiện có của doanh nghiệp có liên quan đến hoạt động SXKD của doanh nghiệp đều phải trích khấu hao theo quy định hiện hành. Quy định hiện hành về trích khấu hao TSCĐ được hướng dẫn theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25/04/2013. Theo đó, tất cả TSCĐ hiện có của doanh nghiệp đều phải trích khấu hao trừ những TSCĐ sau đây[7]:

+ Những TSCĐ đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn đang sử dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh. + TSCĐ khấu hao chưa hết bị mất.

+ TSCĐ khác do doanh nghiệp quản lý mà không thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp (trù TSCĐ thuê tài chính).

+ TSCĐ không được quản lý, theo dõi, hạch toán trong sổ sách kế toán của doanh nghiệp.

+ TSCĐ sử dụng trong các hoạt động phúc lợi phục vụ người lao động của doanh nghiệp (trừ các TSCĐ phục vụ cho người lao động làm việc tại doanh nghiệp như: nhà nghỉ giữa ca, nhà ăn giữa ca, nhà thay quần áo, nhà vệ sinh, bể chứa nước sạch, nhà để xe, ph ng hoặc trạm y tế để khám chữa bệnh, xe đưa đón người lao động, cơ sở đào tạo, dạy nghề, nhà ở cho người lao động do doanh nghiệp đầu tư xây dựng).

+ TSCĐ từ nguồn viện trợ không hoàn lại sau khi được cơ quan có thẩm quyền bàn giao cho doanh nghiệp để phục vụ công tác nghiên cứu khoa học.

Kế toán TSCĐHH và TSCĐVH trong doanh nghiệp đ i hỏi phải tuân thủ quy định của chuẩn mực số 03 - VAS 03 và chuẩn mực số 04 — VAS 04 ban hành theo quyết định số 149/2001/QĐ - BTC. Theo đó các nội dung được quy định bao gồm:

*** Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - TSCĐHH (VAS 03)** [4]

TSCĐHH thường là bộ phận chủ yếu trong tổng giá trị tài sản và đóng vai tr quan trọng trong việc thể hiện tình hình tài chính của doanh nghiệp, vì vậy việc xác định một tài sản có được ghi nhận là TSCĐHH hay là một khoản chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ sẽ có ảnh hưởng đáng kể đến báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Theo đoạn 06 của chuẩn mực kế toán (CMKT) Việt Nam — VAS 03 quy định rõ các tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ hữu hình phải thỏa mãn đồng thời tất cả 04 tiêu chuẩn ghi nhân sau:

+ TSCĐVH là quyền sử dụng đất lâu dài có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất lâu dài hợp pháp.

- TSCĐ sử dụng trong các hoạt động phúc lợi phục vụ cho người lao động của doanh nghiệp tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh thì doanh nghiệp căn cứ vào thời gian và tính chất sử dụng các tài sản cố định này để thực hiện tính và trích khấu hao vào chi phí kinh doanh của doanh nghiệp và thông báo cho cơ quan thuế trực tiếp quản lý để theo dõi, quản lý.

- TSCĐ chưa khấu hao hết bị mất, bị hư hỏng mà không thể sữa chữa, khắc phục được, doanh nghiệp xác định nguyên nhân, trách nhiệm bồi thường của tập thể, cá nhân gây ra. Chênh lệch giữa giá trị c n lại của tài sản với tiền bồi thường của tổ chức, cá nhân gây ra, tiền bồi thường của cơ quan bảo hiểm và giá trị thu hồi được (nếu có), doanh nghiệp dùng Quỹ dự ph ng tài chính để bù đắp. Trường hợp Quỹ dự ph ng tài chính không đủ bù đắp, thì phần chênh lệch thiếu doanh nghiệp được tính vào chi phí hợp lý của doanh nghiệp khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Doanh nghiệp cho thuê TSCĐ hoạt động phải trích khấu hao đối với TSCĐ cho thuê.

Mục đích chung của việc soạn thảo và ban hành các chuẩn mực kế toán là để thống nhất hoạt động kế toán trong một phạm vi địa lý (đó có thể là trong một quốc gia, trong một khu vực hay trên toàn cầu). Chuẩn mực kế toán chính là những qui định, những nguyên tắc cơ bản, những hướng dẫn cần được tôn trọng khi thực hiện các công việc kế toán và khi trình bày các thông tin trong các báo cáo tài chính sao cho đảm bảo tính minh bạch của các báo cáo tài chính.

53

- Trường hợp đánh giá lại giá trị TSCĐ đã hết khấu hao để góp vốn, điều chuyển khi chia tách, hợp nhất, sáp nhập thì các TSCĐ này phải được các tổ chức định giá chuyên nghiệp xác định giá trị nhưng không thấp hơn 20% nguyên giá tài sản đó. Thời điểm trích khấu hao đối với những tài sản này là thời điểm doanh nghiệp chính thức nhận bàn giao đưa tài sản vào sử dụng và thời gian trích khấu hao từ 3 đến 5 năm. Thời gian cụ thể do doanh nghiệp quyết định nhưng phải thông báo với cơ quan thuế trước khi thực hiện. Đối với các doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa, thời điểm trích khấu hao của TSCĐ nói trên là thời điểm doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh chuyển thành công ty cổ phần.
- Các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa theo phương pháp d ng tiền chiết khấu (DCF) thì phần chênh lệch tăng của vốn nhà nước giữa giá trị thực tế và giá trị ghi trên sổ sách kế toán không được ghi nhận là TSCĐ vô hình và được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ nhưng thời gian không quá 10 năm. Thời điểm bắt đầu phân bổ vào chi phí là thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần (có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh).
- Việc trích hoặc thôi trích khấu hao TSCĐ được thực hiện bắt đầu từ ngày (theo số ngày của tháng) mà TSCĐ tăng hoặc giảm. Doanh nghiệp thực hiện hạch toán tăng, giảm TSCĐ theo quy định hiện hành về chế độ kế toán doanh nghiệp.
- Đối với các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành đưa vào sử dụng, doanh nghiệp đã hạch toán tăng TSCĐ theo giá tạm tính do thực hiện

Kế toán TSCĐHH và TSCĐVH trong doanh nghiệp đ i hỏi phải tuân thủ quy định của chuẩn mực số 03 - VAS 03 và chuẩn mực số 04 — VAS 04 ban hành theo quyết định số 149/2001/QĐ - BTC. Theo đó các nội dung được quy định bao gồm:

*** Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - TSCĐHH (VAS 03)** [4]

TSCĐHH thường là bộ phận chủ yếu trong tổng giá trị tài sản và đóng vai tr quan trọng trong việc thể hiện tình hình tài chính của doanh nghiệp, vì vậy việc xác định một tài sản có được ghi nhận là TSCĐHH hay là một khoản chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ sẽ có ảnh hưởng đáng kể đến báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Theo đoạn 06 của chuẩn mực kế toán (CMKT) Việt Nam — VAS 03 quy định rõ các tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ hữu hình phải thỏa mãn đồng thời tất cả 04 tiêu chuẩn ghi nhận sau:

quyết toán. Khi quyết toán công trình xây dựng cơ bản hoàn thành có sự chênh lệch giữa giá trị tạm tính và giá trị quyết toán, doanh nghiệp phải điều chỉnh lại nguyên giá tài sản cố định theo giá trị quyết toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Doanh nghiệp không phải điều chỉnh lại mức chi phí khấu hao đã trích kể từ thời điểm tài sản cố định hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng đến thời điểm quyết toán được phê duyệt. Chi phí khấu hao sau thời điểm quyết toán được xác định trên cơ sở lấy giá trị quyết toán tài sản cố định được phê duyệt trừ (-) số đã trích khấu hao đến thời điểm phê duyệt quyết toán tài sản cố định chia (:) thời gian trích khấu hao c n lại của tài sản cố định theo quy định.

- Đối với các tài sản cố định doanh nghiệp đang theo dõi, quản lý và trích khấu hao theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC nay không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá tài sản cố định theo quy định tại Điều 3 của Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 thì giá trị c n lại của các tài sản này được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, thời gian phân bổ không quá 3 năm kể từ ngày có hiệu lực thi hành của Thông tư này.

Doanh nghiệp căn cứ vào đặc điểm quản lý tài sản của doanh nghiệp, đặc điểm của từng loại TSCĐ, vào chính sách tài chính và chuẩn mực kế toán

Mục đích chung của việc soạn thảo và ban hành các chuẩn mực kế toán là để thống nhất hoạt động kế toán trong một phạm vi địa lý (đó có thể là trong một quốc gia, trong một khu vực hay trên toàn cầu). Chuẩn mực kế toán chính là những qui định, những nguyên tắc cơ bản, những hướng dẫn cần được tôn trọng khi thực hiện các công việc kế toán và khi trình bày các thông tin trong các báo cáo tài chính sao cho đảm bảo tính minh bạch của các báo cáo tài chính.

hiện hành để lựa chọn 1 trong 3 phương pháp tính, SXKD đảm bảo việc thu hồi vốn nhanh, đầy đủ và phù hợp cho từng TSCĐ nhằm kích thích sự phát triển SXKD đảm bảo việc thu hồi vốn nhanh, đầy đủ và phù hợp với điều kiện của doanh nghiệp. Ba phương pháp tính khấu hao TSCĐ mà doanh nghiệp có thể lựa chọn hiện nay là:

+ Phương pháp khấu hao đường thẳng: mức khấu hao TSCĐ bằng nhau qua các kỳ sử dụng.

+ Phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần: mức khấu hao TSCĐ sẽ giảm dần trong thời gian sử dụng tài sản.

+ Phương pháp khấu hao theo khối lượng, sản lượng, sản phẩm: mức khấu hao TSCĐ tương ứng với khối lượng sản phẩm mà tài sản tạo ra trong kỳ. Đối với tài sản cố định c n mới (chưa qua sử dụng), doanh nghiệp phải căn cứ vào khung thời gian trích khấu hao tài sản cố định quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này để xác định thời gian trích khấu hao của tài sản cố định. Đối với tài sản cố định đã qua sử dụng, thời gian trích khấu hao của tài sản cố định được xác định như sau:

$$\text{Thời gian trích khấu hao của TSCĐ} = \frac{\text{Giá trị hợp lý của TSCĐ}}{\text{Giá bán của TSCĐ cùng loại mới 100\% (hoặc của TSCĐ tương đương trên}} \times \text{hao của TSCĐ mới cùng loại xác định theo Phụ lục 1 (ban hành kèm theo}$$

Thời gian trích khấu

Kế toán TSCĐHH và TSCĐVH trong doanh nghiệp đ i hỏi phải tuân thủ quy định của chuẩn mực số 03 - VAS 03 và chuẩn mực số 04 — VAS 04 ban hành theo quyết định số 149/2001/QĐ - BTC. Theo đó các nội dung được quy định bao gồm:

*** Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - TSCĐHH (VAS 03)** [4]

TSCĐHH thường là bộ phận chủ yếu trong tổng giá trị tài sản và đóng vai tr quan trọng trong việc thể hiện tình hình tài chính của doanh nghiệp, vì vậy việc xác định một tài sản có được ghi nhận là TSCĐHH hay là một khoản chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ sẽ có ảnh hưởng đáng kể đến báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Theo đoạn 06 của chuẩn mực kế toán (CMKT) Việt Nam — VAS 03 quy định rõ các tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ hữu hình phải thỏa mãn đồng thời tất cả 04 tiêu chuẩn ghi nhân sau:

Thông tư này) [7]

thị trường)

Trong đó: Giá trị hợp lý của TSCĐ là giá mua hoặc trao đổi thực tế (trong trường hợp mua bán, trao đổi), giá trị c n lại của TSCĐ hoặc giá trị theo đánh giá của tổ chức có chức năng thẩm định giá (trong trường hợp được cho, được biếu, được tặng, được cấp, được điều chuyển đến) và các trường hợp khác.

1.3.2.2. Chứng từ và kế toán sử dụng

* *Chứng từ kế toán sử dụng:* Là bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06 – TSCĐ)

* *Tài khoản kế toán sử dụng*[10]

Tài khoản 214 - Hao m n TSCĐ: Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình tăng, giảm giá trị hao m n và giá trị hao m n luỹ kế của các loại TSCĐ và bất động sản đầu tư (BĐSĐT) trong quá trình sử dụng do trích khấu hao TSCĐ, BĐSĐT và những khoản tăng, giảm hao m n khác của TSCĐ, BĐSĐT.

Tài khoản 214 - Hao m n TSCĐ, có 4 tài khoản cấp 2:

Mục đích chung của việc soạn thảo và ban hành các chuẩn mực kế toán là để thống nhất hoạt động kế toán trong một phạm vi địa lý (đó có thể là trong một quốc gia, trong một khu vực hay trên toàn cầu). Chuẩn mực kế toán chính là những qui định, những nguyên tắc cơ bản, những hướng dẫn cần được tôn trọng khi thực hiện các công việc kế toán và khi trình bày các thông tin trong các báo cáo tài chính sao cho đảm bảo tính minh bạch của các báo cáo tài chính.

57

- Tài khoản 2141 - Hao m n TSCĐ hữu hình: Phản ánh giá trị hao m n của TSCĐ hữu hình trong quá trình sử dụng do trích khấu hao TSCĐ và những khoản tăng, giảm hao m n khác của TSCĐ hữu hình.
- Tài khoản 2142 - Hao m n TSCĐ thuê tài chính: Phản ánh giá trị hao m n của TSCĐ thuê tài chính trong quá trình sử dụng do trích khấu hao TSCĐ thuê tài chính và những khoản tăng, giảm hao m n khác của TSCĐ thuê tài chính.
- Tài khoản 2143 - Hao m n TSCĐ vô hình: Phản ánh giá trị hao m n của TSCĐ vô hình trong quá trình sử dụng do trích khấu hao TSCĐ vô hình và những khoản làm tăng, giảm hao m n khác của TSCĐ vô hình.
- Tài khoản 2147 - Hao m n BĐSĐT: Tài khoản này phản ánh giá trị hao m n BĐSĐT dùng để cho thuê hoạt động của doanh nghiệp.

1.3.2.3. Phương pháp kế toán khấu hao tài sản cố định

Để kế toán khấu hao TSCĐ, Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành hướng dẫn sử dụng TK 214: Hao m n TSCĐ, chi tiết TK 2141: Hao m n TSCĐ để phản ánh giá trị hao m n của TSCĐ trong quá trình sử dụng do trích khấu hao TSCĐ và tình hình tăng giảm hao m n của TSCĐ trong doanh nghiệp.

Căn cứ vào số khấu hao TSCĐ trích vào chi phí SXKD hoặc chi phí khác trong kỳ: Kế toán sẽ ghi nợ các TK chi phí (TK 627, 641, 642, 811) ghi Có TK 2141.

TSCĐ đã sử dụng, nhận được do điều chuyển trong nội bộ Tổng công ty, công ty thì kế toán ghi tăng nguyên giá tài sản nhận về (Nợ TK 211, 213),

Kế toán TSCĐHH và TSCĐVH trong doanh nghiệp đ i hỏi phải tuân thủ quy định của chuẩn mực số 03 - VAS 03 và chuẩn mực số 04 — VAS 04 ban hành theo quyết định số 149/2001/QĐ - BTC. Theo đó các nội dung được quy định bao gồm:

*** Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - TSCĐHH (VAS 03)** [4]

TSCĐHH thường là bộ phận chủ yếu trong tổng giá trị tài sản và đóng vai tr quan trọng trong việc thể hiện tình hình tài chính của doanh nghiệp, vì vậy việc xác định một tài sản có được ghi nhận là TSCĐHH hay là một khoản chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ sẽ có ảnh hưởng đáng kể đến báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Theo đoạn 06 của chuẩn mực kế toán (CMKT) Việt Nam — VAS 03 quy định rõ các tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ hữu hình phải thỏa mãn đồng thời tất cả 04 tiêu chuẩn ghi nhân sau:
đồng thời ghi tăng giá trị hao m n lũy kế của tài sản (Có TK 214) và ghi tăng nguồn vốn kinh doanh (Có TK 411) tương ứng với giá trị c n lại tài sản.

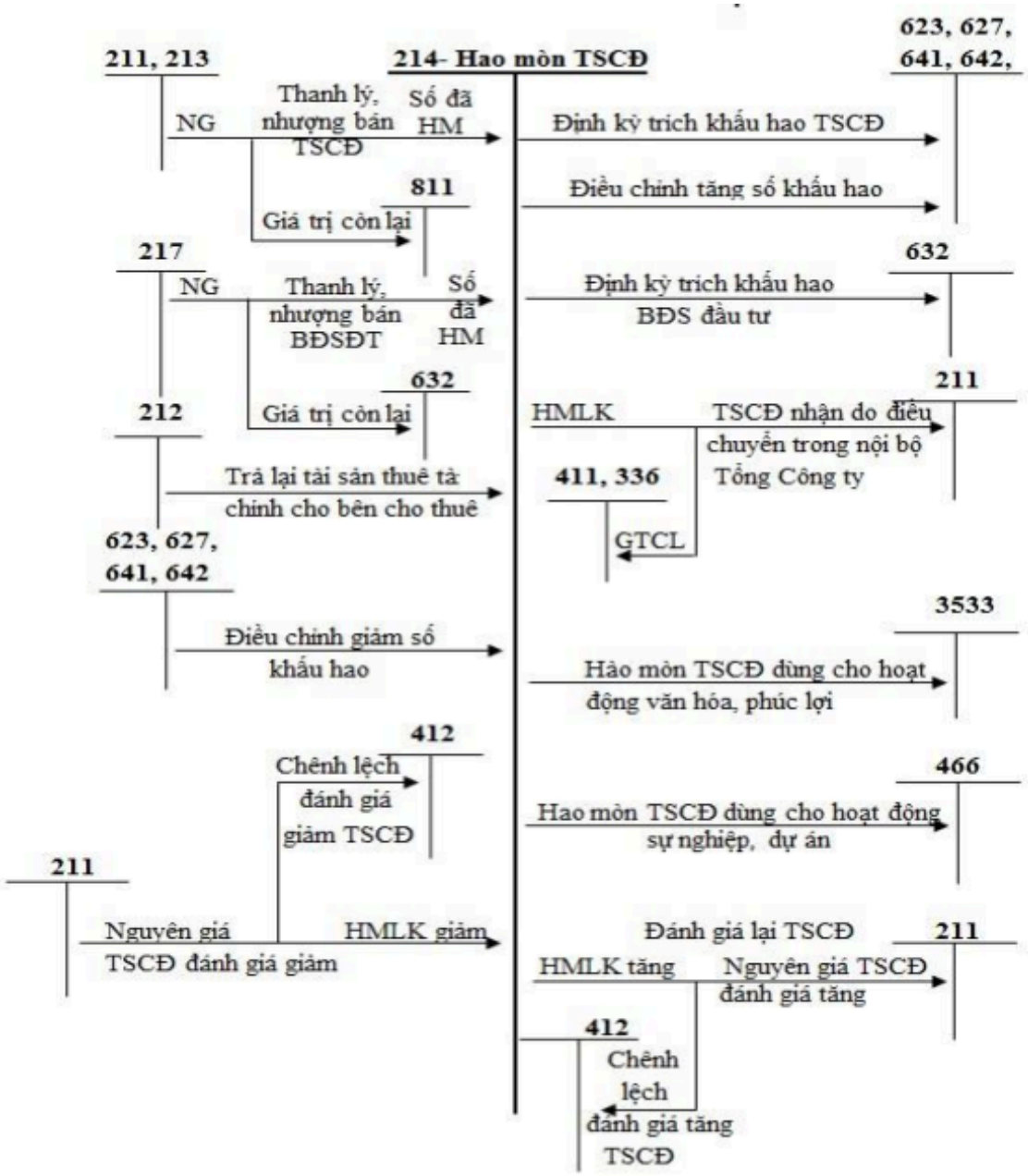
Khi phát sinh nghiệp vụ giảm TSCĐ thì đồng thời với việc ghi giảm nguyên giá TSCĐHH (Có TK 211) kế toán phải ghi giảm giá trị hao m n của TSCĐ (Nợ TK 214).

Trường hợp cuối năm tài chính doanh nghiệp xem xét lại thời gian trích khấu hao và phương pháp khấu hao TSCĐ, nếu có sự thay đổi mức khấu hao cần phải điều chỉnh số khấu hao ghi trên sổ kế toán như sau:

Nếu do thay đổi phương pháp khấu hao và thời gian trích khấu hao TSCĐHH mà:

- Mức khấu hao TSCĐ tăng lên so với số đã trích trong năm, số chênh lệch khấu hao tăng sẽ được ghi nợ TK 214 và ghi nợ TK chi phí.
- Mức khấu hao TSCĐHH giảm so với số đã trích trong năm, số chênh lệch khấu hao tăng sẽ được ghi nợ TK 214 và ghi nợ có các TK chi phí.

Mục đích chung của việc soạn thảo và ban hành các chuẩn mực kế toán là để thống nhất hoạt động kế toán trong một phạm vi địa lý (đó có thể là trong một quốc gia, trong một khu vực hay trên toàn cầu). Chuẩn mực kế toán chính là những qui định, những nguyên tắc cơ bản, những hướng dẫn cần được tôn trọng khi thực hiện các công việc kế toán và khi trình bày các thông tin trong các báo cáo tài chính sao cho đảm bảo tính minh bạch của các báo cáo tài chính.



Sơ đồ 1.2: Kế toán khấu hao tài sản cố định

Nguồn: [10]

Kế toán TSCĐHH và TSCĐVH trong doanh nghiệp đ i hỏi phải tuân thủ quy định của chuẩn mực số 03 - VAS 03 và chuẩn mực số 04 — VAS 04 ban hành theo quyết định số 149/2001/QĐ - BTC. Theo đó các nội dung được quy định bao gồm:

*** Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - TSCĐHH (VAS 03)** [4]

TSCĐHH thường là bộ phận chủ yếu trong tổng giá trị tài sản và đóng vai tr quan trọng trong việc thể hiện tình hình tài chính của doanh nghiệp, vì vậy việc xác định một tài sản có được ghi nhận là TSCĐHH hay là một khoản chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ sẽ có ảnh hưởng đáng kể đến báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Theo đoạn 06 của chuẩn mực kế toán (CMKT) Việt Nam — VAS 03 quy định rõ các tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ hữu hình phải thỏa mãn đồng thời tất cả 04 tiêu chuẩn ghi nhân sau:

1.3.3. Kế toán sửa chữa tài sản cố định

Trong quá trình sử dụng, TSCĐ bị hao m n và hư hỏng từng bộ phận do nhiều nguyên nhân khác nhau. Để đảm bảo cho TSCĐ hoạt động bình thường trong suốt thời gian sử dụng, các doanh nghiệp phải tiến hành bảo dưỡng, sửa chữa TSCĐ khi bị hư hỏng.

** Các hình thức sửa chữa TSCĐ*[10]

Do tính chất, mức độ hao m n và hư hỏng của TSCĐ rất khác nhau nên tính chất và quy mô công việc sửa chữa TSCĐ cũng khác nhau.

+ Nếu căn cứ vào quy mô sửa chữa TSCĐ thì công việc sửa chữa TSCĐ chia thành hai loại:

- Sửa chữa thường xuyên, bảo dưỡng: Là hoạt động sửa chữa nhỏ, hoạt động bảo trì, bảo dưỡng theo yêu cầu kỹ thuật nhằm đảm bảo cho TSCĐ hoạt động bình thường. Công việc sửa chữa được tiến hành thường xuyên, thời gian sửa chữa ngắn, chi phí sửa chữa thường phát sinh không lớn. Do vậy, không phải lập dự toán
- Sửa chữa lớn: Mang tính chất khôi phục hoặc nâng cấp, cải tạo khi TSCĐ bị hư hỏng nặng hoặc theo yêu cầu kỹ thuật đảm bảo nâng cao năng lực sản xuất và hoạt động của TSCĐ. Thời gian tiến hành sửa chữa lớn

Mục đích chung của việc soạn thảo và ban hành các chuẩn mực kế toán là để thống nhất hoạt động kế toán trong một phạm vi địa lý (đó có thể là trong một quốc gia, trong một khu vực hay trên toàn cầu). Chuẩn mực kế toán chính là những qui định, những nguyên tắc cơ bản, những hướng dẫn cần được tôn trọng khi thực hiện các công việc kế toán và khi trình bày các thông tin trong các báo cáo tài chính sao cho đảm bảo tính minh bạch của các báo cáo tài chính.

thường dài, chi phí sửa chữa phát sinh nhiều, do vậy doanh nghiệp phải lập kế hoạch, dự toán theo từng công trình sửa chữa lớn.

+ Nếu căn cứ vào phương thức tiến hành sửa chữa TSCĐ thì doanh nghiệp có thể tiến hành sửa chữa TSCĐ theo 2 phương thức:

- Phương thức tự làm: Doanh nghiệp phải chi ra các chi phí sửa chữa TSCĐ như: Chi phí vật liệu, phụ tùng, nhân công…Công việc sửa chữa TSCĐ có thể do bộ phận quản lý, sử dụng TSCĐ hay bộ phận SXKD phụ của doanh nghiệp thực hiện.

- Phương thức thuê ngoài: Doanh nghiệp tổ chức cho các đơn vị bên ngoài đấu thầu hoặc giao thầu sửa chữa và ký hợp đồng sửa chữa với đơn vị trúng thầu hoặc nhận thầu. Hợp đồng phải quy định rõ giá giao thầu sửa chữa TSCĐ, thời gian giao nhận TSCĐ, nội dung công việc sửa chữa… Hợp đồng giao thầu sửa chữa TSCĐ là cơ sở để doanh nghiệp quản lý, kiểm tra công tác sửa chữa TSCĐ.

** Trình tự kế toán sửa chữa TSCĐ*[10]

Kế toán sửa chữa thường xuyên TSCĐ: Sửa chữa thường xuyên là những sửa chữa nhỏ có tính chất bảo dưỡng, thay thế những bộ phận nhỏ của TSCĐ. Chi phí sửa chữa thường xuyên có giá trị thấp hơn so với tổng chi phí phát sinh trong kỳ của doanh nghiệp, thời gian sửa chữa thường ngắn nên kế toán sẽ tập hợp trực tiếp vào chi phí hoạt động của các bộ phận sử dụng tài sản. Tại thời điểm diễn ra sửa chữa, kế toán ghi vào bên nợ của các TK chi phí SXKD (TK627, 641, 642) chi phí sửa chữa và bên có của các TK thanh toán tương ứng như TK 111, TK 112, TK 331… hoặc các TK hàng tồn kho như TK

Kế toán TSCĐHH và TSCĐVH trong doanh nghiệp đ i hỏi phải tuân thủ quy định của chuẩn mực số 03 - VAS 03 và chuẩn mực số 04 — VAS 04 ban hành theo quyết định số 149/2001/QĐ - BTC. Theo đó các nội dung được quy định bao gồm:

*** Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - TSCĐHH (VAS 03)** [4]

TSCĐHH thường là bộ phận chủ yếu trong tổng giá trị tài sản và đóng vai tr quan trọng trong việc thể hiện tình hình tài chính của doanh nghiệp, vì vậy việc xác định một tài sản có được ghi nhận là TSCĐHH hay là một khoản chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ sẽ có ảnh hưởng đáng kể đến báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Theo đoạn 06 của chuẩn mực kế toán (CMKT) Việt Nam — VAS 03 quy định rõ các tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ hữu hình phải thỏa mãn đồng thời tất cả 04 tiêu chuẩn ghi nhân sau:
152, TK 153… trong trường hợp doanh nghiệp xuất kho nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ phục vụ cho quá trình sửa chữa.

Kế toán sửa chữa lớn TSCĐ:

Sửa chữa lớn TSCĐ bao gồm sửa chữa lớn TSCĐ không mang tính chất nâng cấp và sửa chữa lớn TSCĐ có tính nâng cấp.

Để kế toán các nghiệp vụ liên quan đến loại sửa chữa này, kế toán doanh nghiệp sử dụng TK 2413: sửa chữa lớn TSCĐ, để phản ánh chi phí sửa chữa lớn TSCĐ và tình hình quyết toán chi phí sửa chữa lớn TSCĐ cụ thể.

+ Sửa chữa lớn TSCĐ không mang tính chất nâng cấp: được thực hiện khi TSCĐ bị hư hỏng nặng, cần phải thay thế phần lớn các bộ phận, chi tiết của TSCĐ… hoặc quy mô bảo dưỡng, sửa chữa rộng, thời gian sửa chữa kéo dài, tổng chi phí sửa chữa phát sinh thường lớn so với tổng chi phí SXKD trong kỳ quyết toán công trình sửa chữa, nên nếu chi phí này được tính hết vào chi phí SXKD trong 1 kỳ thì có thể sẽ gây ra sự biến động lớn đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ, không đảm bảo nguyên tắc phù hợp. Do đó chi phí sửa chữa lớn sẽ phải được phân bổ trong nhiều kỳ. Tuy nhiên, việc phân bổ chi phí này c n phụ thuộc vào doanh nghiệp có lên kế hoạch cho việc sửa chữa lớn TSCĐ từ trước hay không?

Mục đích chung của việc soạn thảo và ban hành các chuẩn mực kế toán là để thống nhất hoạt động kế toán trong một phạm vi địa lý (đó có thể là trong một quốc gia, trong một khu vực hay trên toàn cầu). Chuẩn mực kế toán chính là những qui định, những nguyên tắc cơ bản, những hướng dẫn cần được tôn trọng khi thực hiện các công việc kế toán và khi trình bày các thông tin trong các báo cáo tài chính sao cho đảm bảo tính minh bạch của các báo cáo tài chính.

63

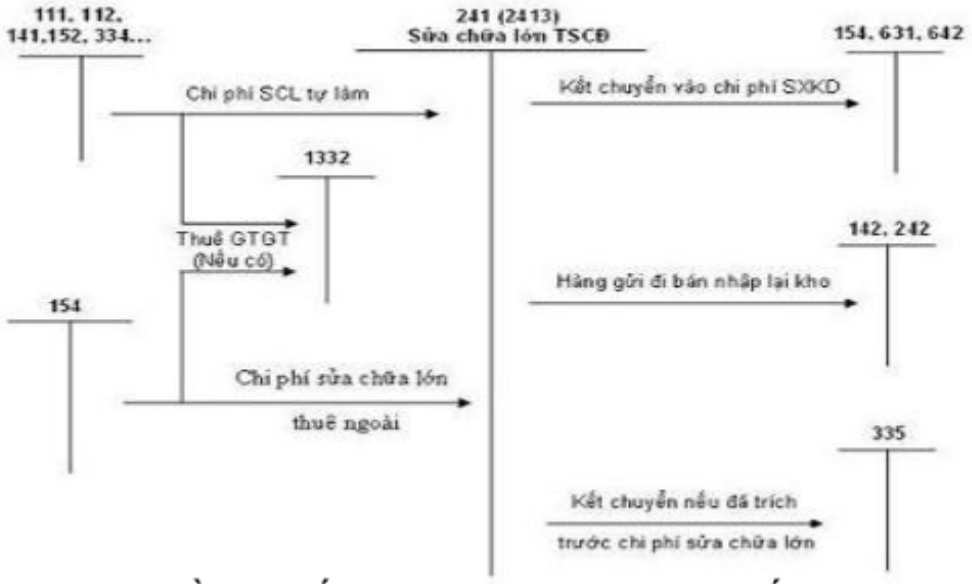
Khi phát sinh các chi phí liên quan đến sửa chữa lớn TSCĐ thì kế toán tập hợp ghi nhận vào bên nợ của TK 2413 và bên có của các TK tiền, phải trả người bán, TK nguyên liệu, TK phải trả người lao động… Khi công trình sửa chữa hoàn thành, căn cứ vào số quyết toán chi phí đã duyệt, căn cứ vào chi phí sửa chữa lớn TSCĐ doanh nghiệp đã tiến hành trích trước, nếu có chênh lệch này là lớn hay nhỏ mà kết chuyển vào TK chi phí trả trước để phân bổ dần trong các kỳ tiếp theo hoặc kết chuyển hết vào các TK chi phí trong kỳ.

+ Sửa chữa lớn TSCĐ mang tính chất nâng cấp, thỏa mãn điều kiện ghi tăng nguyên giá TSCĐ. Trường hợp này xảy ra khi kết quả của quá trình sửa chữa chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó, hoặc cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản. Đây có thể được hiểu là quá trình đầu tư bổ sung cho tài sản. Vì vậy mà chi phí sửa chữa sẽ không tính vào chi phí SXKD mà được tính làm tăng nguyên giá của TSCĐ. Kế toán tập hợp chi phí, ghi nợ cho TK 2413 và ghi có các TK tiền, nguyên vật liệu, các TK khác có liên quan… Khi quyết toán công trình sửa chữa được duyệt ghi tăng nguyên giá TSCĐ thì kế toán ghi nợ TK nguyên giá TSCĐ (TK 211, 213) và ghi có TK 2413: số chi phí sửa chữa được duyệt.

Kế toán TSCĐHH và TSCĐVH trong doanh nghiệp đ i hỏi phải tuân thủ quy định của chuẩn mực số 03 - VAS 03 và chuẩn mực số 04 — VAS 04 ban hành theo quyết định số 149/2001/QĐ - BTC. Theo đó các nội dung được quy định bao gồm:

*** Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - TSCĐHH (VAS 03)** [4]

TSCĐHH thường là bộ phận chủ yếu trong tổng giá trị tài sản và đóng vai tr quan trọng trong việc thể hiện tình hình tài chính của doanh nghiệp, vì vậy việc xác định một tài sản có được ghi nhận là TSCĐHH hay là một khoản chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ sẽ có ảnh hưởng đáng kể đến báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Theo đoạn 06 của chuẩn mực kế toán (CMKT) Việt Nam — VAS 03 quy định rõ các tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ hữu hình phải thỏa mãn đồng thời tất cả 04 tiêu chuẩn ghi nhân sau:



Sơ đồ 1.3: Kế toán sửa chữa lớn tài sản cố định

Nguồn: [10]

1.4. Trình bày thông tin về tài sản cố định trên Báo cáo tài chính

Theo quy định hiện hành thì đối với công tác kế toán TSCĐ không có báo cáo tài chính riêng mà chỉ có những chỉ tiêu kinh tế và một số phần liên quan đến TSCĐ được ghi nhận, phản ánh trong các báo cáo tài chính.

- Trong bảng cân đối kế toán: TSCĐ hữu hình - mã 221; TSCĐ vô hình - mã 227. Nguyên giá TSCĐ phản ánh theo mã 222, 228 giá trị hao m n

Mục đích chung của việc soạn thảo và ban hành các chuẩn mực kế toán là để thống nhất hoạt động kế toán trong một phạm vi địa lý (đó có thể là trong một quốc gia, trong một khu vực hay trên toàn cầu). Chuẩn mực kế toán chính là những qui định, những nguyên tắc cơ bản, những hướng dẫn cần được tôn trọng khi thực hiện các công việc kế toán và khi trình bày các thông tin trong các báo cáo tài chính sao cho đảm bảo tính minh bạch của các báo cáo tài chính.

lũy kế phản ánh theo mã 223, 229 và nằm mục Tài sản đài hạn, bên Tài sản của doanh nghiệp.

TSCĐ hữu hình (Mã số 221); TSCĐ vô hình (Mã số 227) là chỉ tiêu phản ảnh toàn bộ giá trị c n lại của các loại tài sản cố định tại thời điểm báo cáo.

Nguyên giá (Mã số 222, 228) là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ các loại TSCĐ tại thời điểm báo cáo. Số liệu để ghi vào các chỉ tiêu “Nguyên giá” là toàn bộ số dư Nợ tương ứng của tài khoản “TSCĐ hữu hình”; “TSCĐ vô hình” trên Sổ Cái hoặc Nhật ký chung.

Giá trị hao m n lũy kế (Mã số 223, 229) là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ giá trị đã hao m n của các loại tài sản có định lũy kế tại thời điểm báo cáo. Số liệu chỉ tiêu này được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...) Số liệu để ghi vào chỉ tiêu “Giá trị hao m n lũy kế” là số dư Có của Tài khoản * Hao m n tài sản cố định hữu hình”, "hao m n tài sản cố định vô hình" tương ứng trên số chi tiết.

- Trong thuyết minh báo cáo tài chính: Chỉ tiêu "tình hình tăng, giảm TSCĐ” (trong đó phải trình bày chỉ tiết về nguyên giá, giá trị c n lại, giá trị đã hao m n số đư đầu kỳ, số giảm trong kỳ, số dư cuối kỳ).
- Việc tổ chức lập, trình bày các chỉ tiêu trong BCTC phải tuân thủ theo đúng chuẩn mực chế độ của Nhà nước (chuẩn mực 03; chuẩn mực 04).

Mặt khác, tuỳ thuộc vào yêu cầu của các nhà quản trị doanh nghiệp mà kế toán c n phải thiết kế và xây dựng các báo cáo chi tiết, báo cáo quản trị về tình hình tăng, giảm, điều chuyển, khấu hao TSCĐ hữu hình...

Kế toán TSCĐHH và TSCĐVH trong doanh nghiệp đ i hỏi phải tuân thủ quy định của chuẩn mực số 03 - VAS 03 và chuẩn mực số 04 — VAS 04 ban hành theo quyết định số 149/2001/QĐ - BTC. Theo đó các nội dung được quy định bao gồm:

*** Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - TSCĐHH (VAS 03)** [4]

TSCĐHH thường là bộ phận chủ yếu trong tổng giá trị tài sản và đóng vai tr quan trọng trong việc thể hiện tình hình tài chính của doanh nghiệp, vì vậy việc xác định một tài sản có được ghi nhận là TSCĐHH hay là một khoản chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ sẽ có ảnh hưởng đáng kể đến báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Theo đoạn 06 của chuẩn mực kế toán (CMKT) Việt Nam — VAS 03 quy định rõ các tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ hữu hình phải thỏa mãn đồng thời tất cả 04 tiêu chuẩn ghi nhân sau:

Tiểu kết chương 1

Trong chương l luận văn đã tập trung nghiên cứu một số vân đề lý luận chung về kế toán TSCĐ. Trong đó nêu khái niệm về TSCĐ, đặc điểm, phân loại TSCĐ trong doanh nghiệp. Đồng thời cũng làm rõ một số nội dung liên quan đến kế toán nội dung kế toán TSCĐ như: quy định kế toán TSCĐ, phương pháp kế toán TSCĐ bao gồm kế toán tăng TSCĐ, kế toán giảm TSCĐ, kế toán hao m n và khấu hao TSCĐ, kế toán chi phí sửa chữa TSCĐ và kế toán TSCĐ tại Mỹ và Pháp từ đó luận văn trình bày kinh nghiệm kế toán TCSĐ ở Việt Nam.

Những vấn đề lý luận chung vẻ kế toán TSCĐ được trình bảy trong chương 1 là cơ sở lý luận quan trọng để xem xét, đánh giá giữa lý thuyết và thực tiễn kế toán TSCĐ tại Công ty Cổ phần Môi trường và đô thị Hà Đông. Trên cơ sở đó, đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán TSCĐ tại Công ty Cổ phần Môi trường và đô thị Hà Đông.

Mục đích chung của việc soạn thảo và ban hành các chuẩn mực kế toán là để thống nhất hoạt động kế toán trong một phạm vi địa lý (đó có thể là trong một quốc gia, trong một khu vực hay trên toàn cầu). Chuẩn mực kế toán chính là những qui định, những nguyên tắc cơ bản, những hướng dẫn cần được tôn trọng khi thực hiện các công việc kế toán và khi trình bày các thông tin trong các báo cáo tài chính sao cho đảm bảo tính minh bạch của các báo cáo tài chính.

Chương 2 THỰC TRẠNG KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ ĐÔNG

2.1. Khái quát chung về công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Hà Đông

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ ĐÔNG
- Tên tiếng anh: HADONG URBAN ENVIROMENTAL JOINT STOCK COMPANY.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0303000840
- Vốn điều lệ: 47,879,100,000 đồng (Bốn mươi bảy tỷ tám trăm bảy mươi chín mươi triệu một trăm nghìn đồng chẵn).
- Địa chỉ: Số 121 đường Tô Hiệu, phường Nguyễn Trãi, Hà Đông, T.P Hà Nội.
- Mã số thuế: 0500332500
- Số điện thoại: 0243 355 2070
- Số fax: 0243 355 2070
- Website: moitruongdothi.com.vn

Trước năm 1986, công tác đảm bảo vệ sinh môi trường trên địa bàn Thị xã Hà Đông được giao cho Đội vệ sinh quản lý. Ngày 29/07/1986, UBND thị xã Hà Đông có quyết định số 148/QĐ-UB thành lập Công ty Công viên dịch vụ công cộng Thị xã Hà Đông trên cơ sở sáp nhập đội vệ sinh với một bộ

Kế toán TSCĐHH và TSCĐVH trong doanh nghiệp đ i hỏi phải tuân thủ quy định của chuẩn mực số 03 - VAS 03 và chuẩn mực số 04 — VAS 04 ban hành theo quyết định số 149/2001/QĐ - BTC. Theo đó các nội dung được quy định bao gồm:

*** Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - TSCĐHH (VAS 03)** [4]

TSCĐHH thường là bộ phận chủ yếu trong tổng giá trị tài sản và đóng vai tr quan trọng trong việc thể hiện tình hình tài chính của doanh nghiệp, vì vậy việc xác định một tài sản có được ghi nhận là TSCĐHH hay là một khoản chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ sẽ có ảnh hưởng đáng kể đến báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Theo đoạn 06 của chuẩn mực kế toán (CMKT) Việt Nam — VAS 03 quy định rõ các tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ hữu hình phải thỏa mãn đồng thời tất cả 04 tiêu chuẩn ghi nhân sau:

phận của Ph ng Quản lý nhà đất và sau đó là Ph ng giao thông thị xã. Công ty hoạt động với chức năng chủ yếu lúc mới thành lập là: Thu gom xử lý rác thải, thu gom phân, rác, tẩy trùng tại các nhà vệ sinh công cộng, quản lý cây xanh đô thị, quản lý điện chiếu sáng công cộng, quản lý nghĩa trang và công tác tang lễ trong khu vực nội thị.

Tháng 6 năm 2007, UBND tỉnh Hà Tây có quyết định 976/QĐ-UBND phê duyệt phương án Cổ phần hóa và chuyển Công ty Môi trường đô thị Hà Đông thành công ty cổ phần.

Năm 2007: Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Hà Đông chính chức hoạt động theo quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0303000840 do Sở Kế hoạch và đầu tư Hà Tây cấp.

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Hà Đông là doanh nghiệp nhà nước trực thuộc UBND thành phố Hà Nội, là doanh nghiệp chính chịu trách nhiệm quản lý môi trường, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải đô thị trên địa bàn Hà Nội, cung ứng các dịch vụ vệ sinh môi trường đô thị và khu công nghiệp trên phạm vi toàn quốc. Công ty phụ trách thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải với khối lượng rác thải sinh hoạt thu gom trung bình là 3.500 tấn/ngày.

Mục đích chung của việc soạn thảo và ban hành các chuẩn mực kế toán là để thống nhất hoạt động kế toán trong một phạm vi địa lý (đó có thể là trong một quốc gia, trong một khu vực hay trên toàn cầu). Chuẩn mực kế toán chính là những qui định, những nguyên tắc cơ bản, những hướng dẫn cần được tôn trọng khi thực hiện các công việc kế toán và khi trình bày các thông tin trong các báo cáo tài chính sao cho đảm bảo tính minh bạch của các báo cáo tài chính.

69

Không chỉ phụ trách thu gom rác thải sinh hoạt phát sinh hàng ngày. Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Hà Đông c n là công ty hàng đầu về thu gom, xử lý các loại chất thải khác như chất thải xây dựng, chất thải Công nghiệp, chất thải Y tế nguy hại và phân bùn bể phốt.

Với bề dày kinh nghiệm hoạt động, có đội ngũ chuyên viên, kỹ sư, công nhân chuyên nghiệp và cơ sở vật chất trải đều trên địa bàn toàn thành phố cùng công nghệ tiên tiến; các phương tiện, thiết bị hiện đại, Công ty có đủ năng lực phục vụ trọn gói các dịch vụ vệ sinh đô thị cho các cá nhân, doanh nghiệp, các khu dân cư, khu đô thị, khu công nghiệp với tất cả các dịch vụ như : quét dọn vệ sinh; thu gom, vận chuyển, xử lý các loại chất thải sinh hoạt, xây dựng, y tế, công nghiệp, nguy hại; rút hầm cầu, hủy hàng và các dịch vụ vệ sinh môi trường khác... Hơn 30 năm xây dựng và trưởng thành, Công ty cổ phần Môi trường đô thị Hà Đông không chỉ đánh dầu những bước tăng trưởng ôn định, đa đạng hoá lĩnh vực kinh doanh, đảm bảo đời sống cho cán bộ nhân viên, mả c n nỗ lực giữ gìn và bảo vệ môi trường đô thị, góp phần xây dựng Hà Đông ngày càng văn minh sạch đẹp, Thủ đô luôn sáng, xanh, sạch, đẹp.

Bảng 2.1: Ngành nghề sản xuất kinh doanh của Công ty

STT	Tên ngành	Mã ngành
	Thu gom rác thải không độc hại 3811	3811
1	*Chi tiết: Thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải không độc hại: đô thị, công nghiệp* (Chính)	
	Thu gom rác thải độc hại	3812

Kế toán TSCĐHH và TSCĐVH trong doanh nghiệp đ i hỏi phải tuân thủ quy định của chuẩn mực số 03 - VAS 03 và chuẩn mực số 04 — VAS 04 ban hành theo quyết định số 149/2001/QĐ - BTC. Theo đó các nội dung được quy định bao gồm:

*** Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - TSCĐHH (VAS 03)** [4]

TSCĐHH thường là bộ phận chủ yếu trong tổng giá trị tài sản và đóng vai tr quan trọng trong việc thể hiện tình hình tài chính của doanh nghiệp, vì vậy việc xác định một tài sản có được ghi nhận là TSCĐHH hay là một khoản chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ sẽ có ảnh hưởng đáng kể đến báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Theo đoạn 06 của chuẩn mực kế toán (CMKT) Việt Nam — VAS 03 quy định rõ các tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ hữu hình phải thỏa mãn đồng thời tất cả 04 tiêu chuẩn ghi nhân sau:

2 *Chi tiết: Thu gom, vận chuyên, xứ lý rác thải độc hại: đô thị, công nghiệp,*

Thoát nước và xử lý nước thải 3700

3

Chi tiết: Xử lý môi trường làng nghề;

Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ 9632

4 *Chi tiết: Quản lý nghĩa trang liệt sĩ, nghĩa trang quân nhân, dịch vụ tang lễ,*

Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại 4931

5 thành (trừ vận tải bằng xe buýt)

Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách,

6 Vận tải hàng hóa bằng đường bộ 4933

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở 6810

7 hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê

Chi tiết: Kinh doanh bất động sản

8 Lắp đặt hệ thống điện 4321

9 Phá dỡ 4311

10 Chuẩn bị mặt bằng 4312

Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan 8130

Chi tiết: Chi tiết: Quản lý, vận hành hệ thẳng: thoát

	Mục đích chung của việc soạn thảo và ban hành các chuẩn mực kế toán là để thống nhất hoạt động kế toán trong một phạm vi địa lý (đó có thể là trong một quốc gia, trong một khu vực hay trên toàn cầu). Chuẩn mực kế toán ~~chính là những qui định, những nguyên tắc cơ bản, những hướng dẫn cần được tôn trọng khi thực hiện các công việc kế toán và khi trình bày các thông tin trong các báo cáo tài chính sao cho đảm bảo tính minh bạch của các báo cáo tài chính.~~	
	71	
11	*nước, công viên cây xanh, chiếu sáng công cộng, trang trí đô thị, tín hiệu giao thông;* Hoạt động vui chơi giải trí chưa được phân vào đâu 9329	
12	Chi tiết: Hoạt động vui chơi giải trí công viên	
13	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt 8129	
14	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan 8130	

(Nguồn: Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Hà Đông)

Tuy nhiên, để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, Ban lãnh đạo cùng tập thể cán bộ công nhân viên toàn Công ty đã nỗ lực vượt qua nhiều khó khăn. Từ năm 2016, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã có nhiều chủ trương, thay đổi cơ chế, chính sách, dần dịch chuyển địch vụ công ích từ cơ chế đặt hàng sang cơ chế đấu thầu, hiện đại hóa lĩnh vực này bằng cách đưa các tiêu chí cơ giới hóa trong việc đầu thầu, Công ty đã bị thu hẹp địa bàn và khối lượng công việc theo phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố. Cắt giảm địa bàn, công ty phải cắt giảm lao động và kiện toàn bộ máy để đáp ứng được thách thức của thị trường. Bên cạnh đó, ngân sách Thành phố và Quận ngày càng hạn hẹp, cơ chế chính sách thay đổi, các doanh nghiệp cùng ngành nghề cung ứng dịch vụ vệ sinh môi trường cạnh tranh gay gắt.

Đứng trước tình hình thay đổi đó, BCH Đảng ủy, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty với kinh nghiệm lâu năm và nắm bắt, theo sát tình hình thực tế từng giai đoạn để đề ra các giải pháp cụ thể:

- Đầu tư mua sắm phương tiện máy móc phục vụ sản xuất, đáp ứng năng lực theo yêu cầu của hồ sơ đấu thầu;

Kế toán TSCĐHH và TSCĐVH trong doanh nghiệp đ i hỏi phải tuân thủ quy định của chuẩn mực số 03 - VAS 03 và chuẩn mực số 04 — VAS 04 ban hành theo quyết định số 149/2001/QĐ - BTC. Theo đó các nội dung được quy định bao gồm:

*** Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - TSCĐHH (VAS 03)** [4]

TSCĐHH thường là bộ phận chủ yếu trong tổng giá trị tài sản và đóng vai tr quan trọng trong việc thể hiện tình hình tài chính của doanh nghiệp, vì vậy việc xác định một tài sản có được ghi nhận là TSCĐHH hay là một khoản chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ sẽ có ảnh hưởng đáng kể đến báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Theo đoạn 06 của chuẩn mực kế toán (CMKT) Việt Nam — VAS 03 quy định rõ các tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ hữu hình phải thỏa mãn đồng thời tất cả 04 tiêu chuẩn ghi nhân sau:

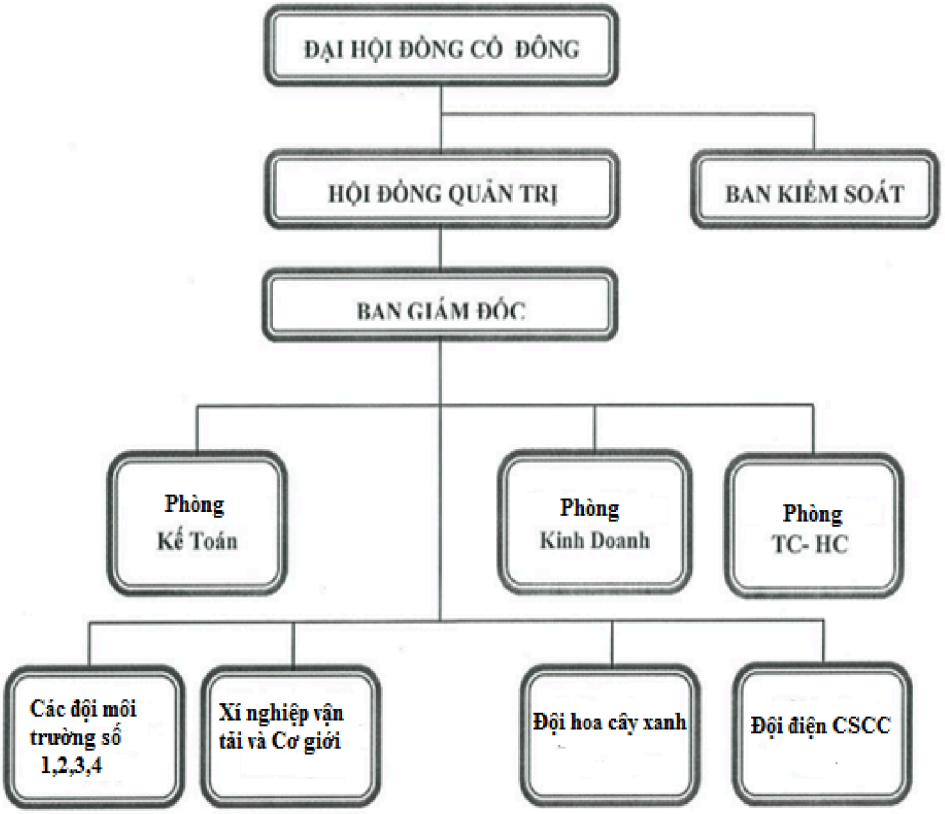
- Tiếp tục phát huy hiệu quả của công tác khoán quản đến từng phỏng ban, xí nghiệp, tổ đội sản xuất. Giao khoán các nhiệm vụ chuyên môn tới các bộ phận, nêu cao vai tr của người đứng đầu;
- Phát huy tinh thần đoàn kết và sự cố gắng của toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty để từng bước ổn định nhân sự và sản xuất kinh doanh.

2.1.2. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý và kết quả hoạt động kinh doanh của công ty

2.1.2.1. Cơ cấu tổ chức của công ty

Hiện tại, Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Hà Đông đang áp dụng theo mô hình tổ chức của công ty cổ phần. Mô hình tổ chức này được xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển chiến lược kinh doanh của công ty, tuân thủ theo quy định của Điều lệ, pháp luật. Bao gồm:

Mục đích chung của việc soạn thảo và ban hành các chuẩn mực kế toán là để thống nhất hoạt động kế toán trong một phạm vi địa lý (đó có thể là trong một quốc gia, trong một khu vực hay trên toàn cầu). Chuẩn mực kế toán chính là những qui định, những nguyên tắc cơ bản, những hướng dẫn cần được tôn trọng khi thực hiện các công việc kế toán và khi trình bày các thông tin trong các báo cáo tài chính sao cho đảm bảo tính minh bạch của các báo cáo tài chính.



Sơ đồ 2.1: Bộ máy quản lý của công ty

(Nguồn: Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Hà Đông)

+ Đại Hội đồng Cổ đông

Đại Hội đồng Cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Điều lệ Công ty và Pháp luật liên quan quy định. Đại hội có đồng có các quyền: thông qua định hướng phát triển của Công ty, thông qua các nội dung họp thường niên hàng năm, thông qua tổ chức lại và giải thể Công ty; Bổ nhiệm, miễn nhiệm

Kế toán TSCĐHH và TSCĐVH trong doanh nghiệp đ i hỏi phải tuân thủ quy định của chuẩn mực số 03 - VAS 03 và chuẩn mực số 04 — VAS 04 ban hành theo quyết định số 149/2001/QĐ - BTC. Theo đó các nội dung được quy định bao gồm:

*** Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - TSCĐHH (VAS 03)** [4]

TSCĐHH thường là bộ phận chủ yếu trong tổng giá trị tài sản và đóng vai tr quan trọng trong việc thể hiện tình hình tài chính của doanh nghiệp, vì vậy việc xác định một tài sản có được ghi nhận là TSCĐHH hay là một khoản chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ sẽ có ảnh hưởng đáng kể đến báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Theo đoạn 06 của chuẩn mực kế toán (CMKT) Việt Nam — VAS 03 quy định rõ các tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ hữu hình phải thỏa mãn đồng thời tất cả 04 tiêu chuẩn ghi nhân sau:
thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Bán kiểm soát với các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

+ Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị cao nhất của Công ty. Có đầy đủ quyền hạn để thay mặt Công ty quyết định các vấn đề liên quan đến mục tiệu và lợi ích của Công ty; ngoại trừ các vấn để thuộc quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đồng bầu ra.

+ Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra gồm ba (03) thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và Pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều lệ.

+ Ban Giám đốc

Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cô đồng, Hội đồng quản trị và trước Pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

+ Ph ng Kế toán

Mục đích chung của việc soạn thảo và ban hành các chuẩn mực kế toán là để thống nhất hoạt động kế toán trong một phạm vi địa lý (đó có thể là trong một quốc gia, trong một khu vực hay trên toàn cầu). Chuẩn mực kế toán chính là những qui định, những nguyên tắc cơ bản, những hướng dẫn cần được tôn trọng khi thực hiện các công việc kế toán và khi trình bày các thông tin trong các báo cáo tài chính sao cho đảm bảo tính minh bạch của các báo cáo tài chính.

75

Là ph ng nghiệp vụ có chức năng tham mưu và chịu trách nhiệm trước Ban Giám đốc về công tác tài chính kế toán. Nhiệm vụ của ph ng Kế toán gồm:

- Ph ng kế toán có chức năng nhiệm vụ tổ chức thức hiện việc hạch toán kế toán đầy đủ mọi hoạt động sản xuất - kinh doanh trong toàn Công ty theo đúng pháp luật về kế toán;
- Tham mưu cho Giám độc Công ty huy động các nguồn tài chính phục vụ cho sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Giao dịch với các ngân hàng tải chính, các cơ quan thuế vụ và các cơ quan hữu quan nhà nước để tham mưu cho Giám đốc Công ty giải quyết các công việc có liên quan;
- Giữ gìn nguyên tắc bí mật về tài chính, tài liệu kế toán của Công ty.

+ Ph ng Kinh doanh

Là ph ng nghiệp vụ có chức năng tham mưu và chịu trách nhiệm trước Ban Giám đốc về công tác phát triển thị trường. Nhiệm vụ của ph ng kinh doanh gồm:

- Nghiên cứu, tìm hiểu thị trường, chiến lược phát triển ngành có liên quan để định hướng hoạt động và kế hoạch phát triển sản xuất, kinh doanh trước mắt và lâu dài của Công ty;
- Tìm hiểu, quan hệ với các đối tác và tiếp cận thị trường để kiến tạo việc làm và thương thảo hợp đồng kinh tế giữa Công ty với các đối tác;

Kế toán TSCĐHH và TSCĐVH trong doanh nghiệp đ i hỏi phải tuân thủ quy định của chuẩn mực số 03 - VAS 03 và chuẩn mực số 04 — VAS 04 ban hành theo quyết định số 149/2001/QĐ - BTC. Theo đó các nội dung được quy định bao gồm:

*** Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - TSCĐHH (VAS 03)** [4]

TSCĐHH thường là bộ phận chủ yếu trong tổng giá trị tài sản và đóng vai tr quan trọng trong việc thể hiện tình hình tài chính của doanh nghiệp, vì vậy việc xác định một tài sản có được ghi nhận là TSCĐHH hay là một khoản chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ sẽ có ảnh hưởng đáng kể đến báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Theo đoạn 06 của chuẩn mực kế toán (CMKT) Việt Nam — VAS 03 quy định rõ các tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ hữu hình phải thỏa mãn đồng thời tất cả 04 tiêu chuẩn ghi nhân sau:

- Lập hồ sơ, phương án đặt hàng hàng năm và nghiệm thu khối lượng với chủ đầu tư;
- Tổng hợp, cân đối, lập kế hoạch hàng tháng, quý, 6 tháng, năm và kế hoạch dài hạn về sản xuất, kinh doanh và các mặt hoạt động khác của Công ty, trình Giám đốc duyệt và bảo vệ kế hoạch trước cấp trên xét duyệt. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị triển khai thực hiện theo kế hoạch được giao hoặc các công việc đột xuất khi Công ty yêu cầu.

+ Ph ng Tổ chức Hành chính

Là ph ng nghiệp vụ có chức năng tham mưu vả chịu trách nhiệm trước Ban Giám đốc về công tác tổ chức lao động tiền lương và công tác hành chính của Công ty. Nhiệm vụ của ph ng Tổ chức - Hành chính gồm:

- Hướng dẫn, tổ chức thực hiện, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các quy định về công tác quản lý hành chính, công tác văn thư, lưu trữ; - Quản lý và sử dụng con dấu theo quy định của Công ty;
- Thực hiện công tác lễ tân của Công ty; Quản lý ph ng họp;
- Thực hiện in ấn, sao chụp văn bản, tài liệu... phục vụ cho các hoạt động của Công ty.
- Quản lý và chuyển các văn bản đi, đến kịp thời:

Mục đích chung của việc soạn thảo và ban hành các chuẩn mực kế toán là để thống nhất hoạt động kế toán trong một phạm vi địa lý (đó có thể là trong một quốc gia, trong một khu vực hay trên toàn cầu). Chuẩn mực kế toán chính là những qui định, những nguyên tắc cơ bản, những hướng dẫn cần được tôn trọng khi thực hiện các công việc kế toán và khi trình bày các thông tin trong các báo cáo tài chính sao cho đảm bảo tính minh bạch của các báo cáo tài chính.

77

- Quản lý công tác bảo vệ, Bảo quản tải sản của văn ph ng Công ty và tạp vụ.
- Nghiên cứu chế độ, chính sách, các quy định pháp luật về người lao động;
- Tham mưu các quyết định về bộ máy tô chức, nhân sự và sử dụng lao động trong Công ty

-Tham mưu giúp Giám đốc Công ty các nội dung về Hợp đồng lao động, quản lý lao động, xây dựng định mức lao động tiền lương;

- Tổ chức thực hiện chế độ thi đua, khen thưởng, kỷ luật, nâng lương, bảo hiểm xã hội;
- Xây dựng quy chế trả lương cho người lao động;
- Quản lý hồ sơ cán bộ công nhân viên, sổ Bảo hiểm xã hội.

2.1.2.2. Tình hình kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần môi trường đô thị Hà Đông năm 2018 - 2019

Bảng 2.2: Kết quả kinh doanh Công ty Cổ phần môi trường đô thị Hà Đông giai đoạn 2018 – 2019

ĐVT: 1.000đ

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Tỷ lệ (%)
Doanh thu bán hàng và CCDV	104,784,822	117,158,369	111,81
Giá vốn hàng bán	93,254,571	103,946,926	111,47
Lợi nhuận gộp về BH và CCDV	11,126,101	13,211,443	118,74
Lợi nhuận tài chính	1,179,827	1,992,267	168,86

Kế toán TSCĐHH và TSCĐVH trong doanh nghiệp đ i hỏi phải tuân thủ quy định của chuẩn mực số 03 - VAS 03 và chuẩn mực số 04 — VAS 04 ban hành theo quyết định số 149/2001/QĐ - BTC. Theo đó các nội dung được quy định bao gồm:

*** Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - TSCĐHH (VAS 03)** [4]

TSCĐHH thường là bộ phận chủ yếu trong tổng giá trị tài sản và đóng vai tr quan trọng trong việc thể hiện tình hình tài chính của doanh nghiệp, vì vậy việc xác định một tài sản có được ghi nhận là TSCĐHH hay là một khoản chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ sẽ có ảnh hưởng đáng kể đến báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Theo đoạn 06 của chuẩn mực kế toán (CMKT) Việt Nam — VAS 03 quy định rõ các tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ hữu hình phải thỏa mãn đồng thời tất cả 04 tiêu chuẩn ghi nhận sau:

Lợi nhuận khác	716,344	-1,011,880	-141,26
Tổng lợi nhuận trước thuế	2,735,357	5,528,751	202,12
Lợi nhuận sau thuế	1,991,863	4,212,527	211,49

(Nguồn: Ph ng Kế toán, Công ty Cổ phần môi trường đô thị Hà Đông)

Chi phí giá vốn hàng bán của Công ty năm 2019 là 103,95 tỷ đồng, tăng nhẹ 11,47% so với năm 2018. Đồng thời, doanh thu thuần của Công ty năm 2019 tăng 12,24% so với năm 2018 và tỷ lệ giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần năm 2019 đạt 88,72%, giảm nhẹ so với năm 2018 (89,34%). Khó khăn của Công ty hiện nay là các chi phí nhiên liệu vẫn cao do phương tiện máy móc của Công ty đã qua nhiều năm sử dụng và chi phí nhân công chưa phù hợp với doanh thu. Một số công đoạn thu gom rác trong quy trình đến nay vẫn chưa có đơn giá, cụ thể: Hầu hết các tuyến đường trên địa bàn Hà Nội nói chung và Hà Đông nói riêng đều chưa được đồng bộ để đưa máy vào đọn quét rác 100% diện tích đường, như: Đậu đỗ ô tô, xe máy tràn lan, bậc lên xuống giữa l ng hè đường không đồng bộ buộc người dân phải đặt cầu lên xuống, khiến chổi của xe quét rác không thể dọn được. Do đó, nhiều tuyến vẫn phải kết hợp giữa dọn bằng xe và kết hợp quét dọn thủ công. Thế nhưng, đơn giá dọn rác theo quy định chỉ có dành cho xe mà không có dọn thủ công. Chi phí

Mục đích chung của việc soạn thảo và ban hành các chuẩn mực kế toán là để thống nhất hoạt động kế toán trong một phạm vi địa lý (đó có thể là trong một quốc gia, trong một khu vực hay trên toàn cầu). Chuẩn mực kế toán chính là những qui định, những nguyên tắc cơ bản, những hướng dẫn cần được tôn trọng khi thực hiện các công việc kế toán và khi trình bày các thông tin trong các báo cáo tài chính sao cho đảm bảo tính minh bạch của các báo cáo tài chính.

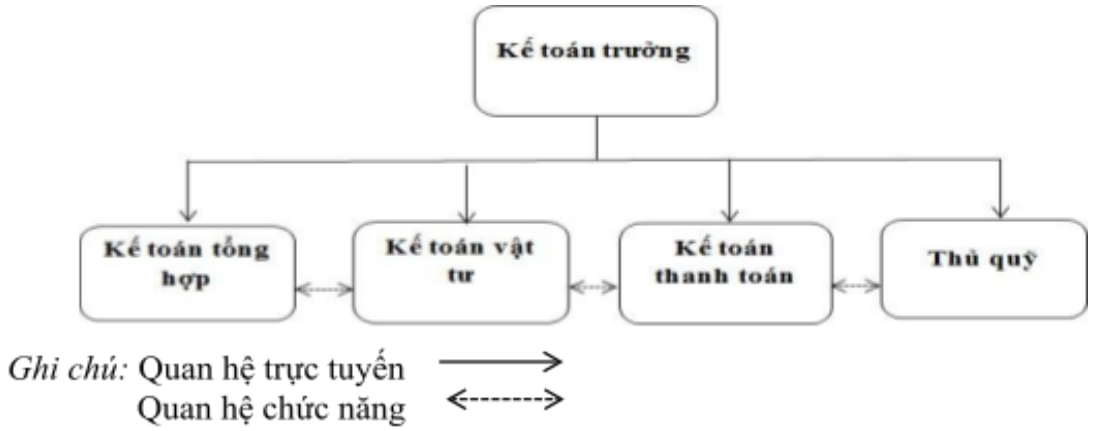
của Công ty vẫn phải trả cho 2 loại hình dọn rác, nhưng chỉ được tính 1 loại. Nhìn tổng quan, tình hình kinh doanh của Công ty năm 2019 đã có chiều hướng đi lên so với năm 2018.

2.1.3. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán

2.1.3.1. Đặc điểm bộ máy kế toán tại công ty

Ph ng kế toán sau khi nhận được các chứng từ ban đầu, kế toán tiến hành kiểm ra, phân loại, tổng hợp, phân bố và ghi sổ… của cụm công trình,hạch toán về tạm ứng thanh toán với bên giao thầu, tiền gửi và tiền vay ngân hàng, tài sản cố định, vốn kinh doanh, các quỹ của công ty… việc lập các bản báo cáo tài chính đều do ph ng kế toán công ty đảm nhiệm.

Việc tổ chức hạch toán kế toán tập trung ở công ty là rất hợp lý, phù hợp với địa điểm hoạt động của công ty. Nó đảm bảo được sự lãnh đạo tập trung, thống nhất đối với công tác kế toán ở trong toàn công ty.



Sơ đồ 2.2: Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty

(Nguồn: Ph ng Kế toán, Công ty CP môi trường đô thị Hà Đông)

Kế toán TSCĐHH và TSCĐVH trong doanh nghiệp đ i hỏi phải tuân thủ quy định của chuẩn mực số 03 - VAS 03 và chuẩn mực số 04 — VAS 04 ban hành theo quyết định số 149/2001/QĐ - BTC. Theo đó các nội dung được quy định bao gồm:

*** Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - TSCĐHH (VAS 03)** [4]

TSCĐHH thường là bộ phận chủ yếu trong tổng giá trị tài sản và đóng vai tr quan trọng trong việc thể hiện tình hình tài chính của doanh nghiệp, vì vậy việc xác định một tài sản có được ghi nhận là TSCĐHH hay là một khoản chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ sẽ có ảnh hưởng đáng kể đến báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Theo đoạn 06 của chuẩn mực kế toán (CMKT) Việt Nam — VAS 03 quy định rõ các tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ hữu hình phải thỏa mãn đồng thời tất cả 04 tiêu chuẩn ghi nhân sau:

Tổ chức bộ máy kế toán công ty theo hình thức tập trung chuyên sâu mỗi người trong ph ng kế toán được phân công phụ trách một công việc nhất định do vậy công tác kế toán tại công ty là tương đối hoàn chỉnh hoạt động không bị chồng chéo lên nhau. Ph ng kế toán của công ty có 5 người trong đó có 4 kế toán và 1 thủ quỹ.

Chức năng: Giúp giám đốc chỉ đạo thực hiện toàn bộ công tác tài chính kế toán trong công ty theo chế độ chính sách của nhà nước về quản lý tài chính.

Nhiệm vụ: Thực hiện ghi chép phản ánh toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào các tài khoản có liên quan. Lập báo cáo, cung cấp số liệu, tài liệu của công ty theo yêu cầu của giám đốc công ty và của cơ quan quản lý nhà nước. Lập kế hoạch, kế toán tài chính, tham mưu cho giám đốc về các quyết định trong việc quản lý công ty.

Kế toán trưởng: Chịu trách nhiệm trước giám đốc và các cơ quan pháp luật về toàn bộ công việc kế toán của mình tại công ty. Có nhiệm vụ theo dõi chung, chịu trách nhiệm hướng dẫn tổ chức phân công kiểm tra các công việc của nhân viên kế toán.

Mục đích chung của việc soạn thảo và ban hành các chuẩn mực kế toán là để thống nhất hoạt động kế toán trong một phạm vi địa lý (đó có thể là trong một quốc gia, trong một khu vực hay trên toàn cầu). Chuẩn mực kế toán chính là những qui định, những nguyên tắc cơ bản, những hướng dẫn cần được tôn trọng khi thực hiện các công việc kế toán và khi trình bày các thông tin trong các báo cáo tài chính sao cho đảm bảo tính minh bạch của các báo cáo tài chính.

81

Kế toán tổng hợp: Tập hợp toàn bộ các chi phí chung của công ty và các hoạt động dịch vụ khác của công ty. Giữ Sổ Cái tổng hợp cho tất cả các phần hành và ghi sổ cái tổng hợp của công ty.

Kế toán thanh toán (tiền lương): Ghi chép kịp thời các nghiệp vụ thanh toán phát sinh, tính toán tiền lương và các khoản trích theo lương, tiến hành phân bổ các khoản chi phí lương, chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ theo đúng chế độ kế toán hiện hành.

Thủ quỹ: Phản ánh thu, chi, tồn quỹ tiền mặt hằng ngày đối chiếu tồn quỹ thực tế với sổ sách để phát hiện những sai sót và xử lý kịp thời đảm bảo tồn quỹ thực tế tiền mặt cũng bằng số dư trên sổ sách.

2.1.3.2. Đặc điểm chế độ kế toán tại công ty

Chính sách kế toán đang áp dụng tại Công ty, cụ thể như sau:

- Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).
- Chế độ kế toán áp dụng: Hiện tại Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC.
- Chuẩn mực kế toán áp dụng về TSCĐHH và TSCĐVH: Đơn vị áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam VAS 03 và VAS 04 và các văn bản hướng dẫn về công tác kế toán TSCĐ do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng Chuẩn mực, Thông tư hiện hành đang áp dụng.

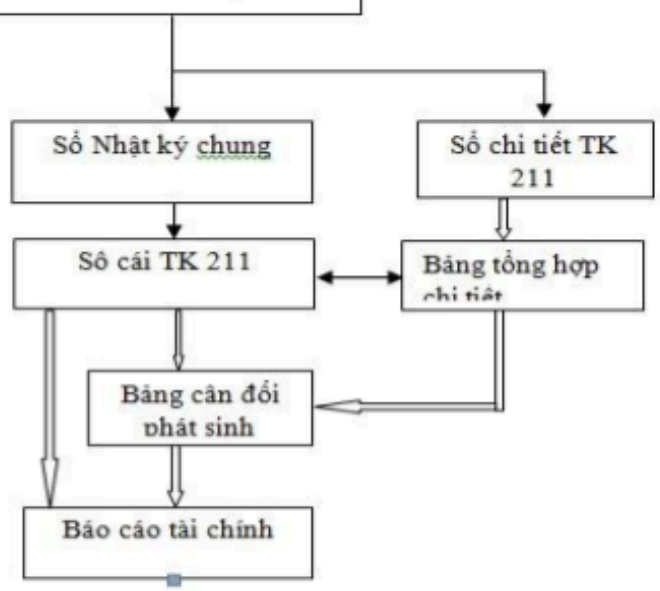
Kế toán TSCĐHH và TSCĐVH trong doanh nghiệp đ i hỏi phải tuân thủ quy định của chuẩn mực số 03 - VAS 03 và chuẩn mực số 04 — VAS 04 ban hành theo quyết định số 149/2001/QĐ - BTC. Theo đó các nội dung được quy định bao gồm:

*** Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - TSCĐHH (VAS 03)** [4]

TSCĐHH thường là bộ phận chủ yếu trong tổng giá trị tài sản và đóng vai tr quan trọng trong việc thể hiện tình hình tài chính của doanh nghiệp, vì vậy việc xác định một tài sản có được ghi nhận là TSCĐHH hay là một khoản chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ sẽ có ảnh hưởng đáng kể đến báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Theo đoạn 06 của chuẩn mực kế toán (CMKT) Việt Nam — VAS 03 quy định rõ các tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ hữu hình phải thỏa mãn đồng thời tất cả 04 tiêu chuẩn ghi nhân sau:

- Hình thức kế toán áp dụng: Đơn vị sử dụng kế toán trên máy vi tính theo hình thức Nhật ký chung - việc ghi sổ được tách thành 2 quá trình riêng biệt: Sổ Cái ghi theo hệ thống; Sổ Nhật ký chung ghi theo thời gian, phản ánh toàn bộ chứng từ ghi sổ đã lập trong kỳ. Kế toán TSCĐ sử dụng các chứng từ ghi sổ lập cho các nghiệp vụ về TSCĐ, sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và sổ cái tài khoản TSCĐ, tài khoản hao m n TSCĐ.

Mục đíc ế toán
là để thống nl thể là
trong một quố ế toán
chính là nhữn ẫn cần
được tôn trọng thông
tin trong các b ác báo
cáo tài chính.



Ghi chú:

Ghi cuối tháng, ghi theo kỳ:

Đối chiếu kiểm tra:

Ghi hàng ngày:

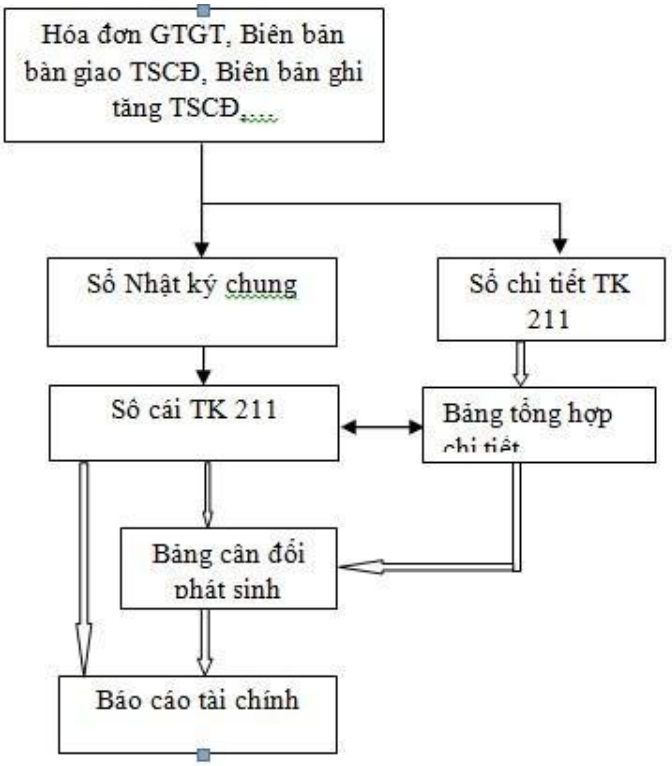
Sơ đồ 2.3: Hình thức ghi sổ tài sản cố định tại Công ty

(Nguồn: Ph ng Kế toán, Công ty CP môi trường đô thị Hà Đông)

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ: TSCĐHH và TSCĐVH được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng TSCĐHH và TSCĐVH được ghi nhận theo nguyên giá, hao m n lũy kế và giá trị c n lại.

+ Khấu hao TSCĐ của đơn vị được thực hiện theo phương pháp đường thẳng.

+ Đơn vị thực hiện khấu hao áp dụng theo Thông tư số 45/2013/TTBTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài Chính ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.



Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán tài sản cố định tại Công ty

(Nguồn: Ph ng Kế toán, Công ty CP môi trường đô thị Hà Đông)

2.2. Thực trạng kế toán tài sản cố định tại công ty Cổ phần môi trường đô thị Hà Đông

2.2.1. Tình hình tài sản cố định tại Công ty cổ phần Môi trường đô thị Hà Đông

TSCĐ tại Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Hà Đông hiện nay chủ yếu được đầu tư bằng nguồn vốn chủ sở hữu, một số ít tài sản được đầu tư

-
bằng vốn đi vay của ngân hàng. TSCĐ được hình thành phần lớn thông qua mua sắm, đầu tư xây dựng cơ bản.

Công ty hoạt động đa ngành nghề nên danh mục TSCĐ của công ty rất phong phú và đa dạng như: nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải

TSCĐ tại Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Hà Đông được phân loại theo hình thái biểu hiện, chia thành hai loại gồm: TSCĐHH và TSCĐVH.

- Căn cứ vào đặc trưng kỹ thuật TSCĐHH của công ty chia thành:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc: Nhà văn ph ng làm việc tại cụm công nghiệp Yên Nghĩa, nhà để xe rác điện tại Vạn Phúc, nhà để xe, văn ph ng làm việc tại Biên Giang, nhà thép chứa rác ở đường Tố Hữu…

+ Máy móc, thiết bị: ổn áp Standar 45KVA, máy phát điện, động cơ điện 3 pha Rotor lồng sóc, máy xúc đào, máy chà sàn liên hợp máy cắt bê tông, máy bơm nước…

+ Phương tiện vận tải truyền dẫn: xe ép rác, xe phun nước, xe bùn, xe tải, xe quét đường...

Bảng số 2.3: Báo cáo tổng hợp tài sản cố định tính đến ngày 31/12/2019

(ĐVT: Đồng)

Loại tài sản	Nguyên giá	Tỷ trọng (%)	Giá trị c n lại
TSCĐ hữu hình	**142.592.745.199**	**97,2**	**59.773.113.371**
Nhà cửa, vật kiến trúc	45.539.180.383	31,9	33.691.183.850
Máy móc thiết bị	3.664.771.381	2,6	79.000.390
Phương tiện vận tải truyền dẫn	93.388.793.435	65,5	26.002.929.131
TSCĐ vô hình	**4.050.000.000**	**2,8**	**2.255.000.000**
Quyền sử dụng đất	3.140.000.000	77,5	1.576.000.000
Chương trình phần mềm	910.000.000	22,5	679.000.000
Tổng cộng	**146.642.745.199**	**100**	**62.128.113.371**

(Nguồn: Ph ng Kế toán, Công ty CP Môi trường đô thị Hà Đông)

TSCĐVH bao gồm:

+ Quyền sử dụng đất: khu đất tại Biên Giang

+ Chương trình phần mềm: Phần mềm ERP Solomon.

Cơ cấu TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình của Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Hà Đông được trình bày tại Bảng cơ cấu TSCĐ tại ngày 31/12/2019 như bảng 2.3; tỷ trọng TSCĐHH chiếm phần lớn giá trị tài sản cố định của Công ty (97,2%)

Trong đó: TSCĐ là Máy móc thiết bị và Phương tiện vận tải truyền dẫn chiếm đến 68,1% trong tổng số TSCĐHH → Do Công ty là đơn vị kinh tế hoạt động trong lĩnh vực quản lý duy tu xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật xây dựng và quản lý vận hành hệ thống: thoát nước, công viên, cây xanh, chiếu sáng công cộng, trang trí đô thị, tín hiệu giao thông nên TSCĐHH chủ yếu là máy móc thiết bị công nghệ được mua sắm đồng bộ, hệ thống xe chở rác, xe ép rác, xe phun nước tưới đường, xe ô tô hút bụi hút đường… máy bơm nước, máy cắt bê tông, máy chà sàn liên hợp...

Công tác quản lý TSCĐ tại công ty có những đặc điểm sau:

- Ph ng kế toán chịu trách nhiệm theo dõi, phản ánh tình hình hiện có và biến động của tất cả các TSCĐ của Công ty theo chỉ tiêu giá trị. Ph ng tổ chức hành chính, ph ng kỹ thuật hoặc bộ phận sử dụng TSCĐ có trách nhiệm theo dõi, quản lý TSCĐ về mặt hiện vật, số lượng, tình trạng kỹ thuật, khả năng hoạt động của TSCĐ và xây dựng, ban hành các tiêu chuẩn, định mức trong quản lý, sử dụng TSCĐ. Giữa ph ng kế toán và các bộ phận này có mối quan hệ chặt chẽ trong việc đầu tư, thanh lý, nhượng bán, sửa chữa, điều chuyển TSCĐ.

- Việc quyết định thời gian sử dụng dự kiến để tính khấu hao TSCĐ thuộc về hội đồng thành viên và thẩm quyền quyết định số kỳ phân bổ chi phí sửa chữa lớn TSCĐ tính vào chi phí SXKD thuộc về kế toán trưởng và Giám đốc Công ty.

-

- Trách nhiệm quản lý TSCĐ tại các đơn vị được giao cho trưởng đơn vị trên cơ sở quyết định điều chuyển TSCĐ của giám đốc và biên bản giao nhận giữa công ty và đơn vị thành viên. Trên cơ sở kế hoạch SXKD của công ty và nhu cầu sử dụng TSCĐ của các đơn vị trực thuộc, ph ng tổ chức hành chính phối hợp cùng ph ng kỹ thuật đề nghị giám đốc phê duyệt việc điều chuyển.

- Trường hợp thanh lý, nhượng bán TSCĐ thì công ty phải tiến hành thành lập hội đồng thanh lý, nhượng bán TSCĐ. Giá thanh lý, nhượng bán do giám đốc công ty phê duyệt trên cơ sở đề nghị của hội đồng thanh lý, nhượng bán.

- Đối với sửa chữa TSCĐ, đầu mỗi năm các đơn vị, bộ phận sử dụng TSCĐ trong đơn vị có trách nhiệm kiểm tra tình trạng kỹ thuật và chất lượng của TSCĐ, lập kế hoạch sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn TSCĐ. Ph ng tổ chức hành chính phối hợp cùng Ph ng kỹ thuật tổng hợp kế hoạch sửa chữa TSCĐ toàn đơn vị, trình giám đốc phê duyệt làm căn cứ quản lý công tác sửa chữa TSCĐ trong năm. Khi tiến hành sửa chữa trên cơ sở đề nghị của bộ phận sử dụng TSCĐ và kết quả kiểm tra của ph ng kỹ thuật, giám đốc phê duyệt quyết định sửa chữa. Căn cứ vào quyết toán chi phí sửa chữa, kế toán ghi nhận toàn bộ hoặc phân bổ dần đều vào chi phí SXKD hoặc ghi tăng nguyên giá TSCĐ tùy thuộc vào từng loại sửa chữa

2.2.2. Thực trạng kế toán tài sản cố định tại công ty Cổ phần môi trường đô thị Hà Đông

Khi phát sinh các nghiệp vụ tăng tài sản, kế toán sẽ căn cứ vào các tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ quy định trọng VAS 03 và VAS 04 để xác định ghi nhận tài sản đó là TSCĐHH, TSCĐVH hay là CCDC hoặc chỉ là 1 khoản mục chi phí:

- Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai
- Nguyên giá của tài sản được xác định một cách đáng tin cậy: TSCĐHH được mua sắm, xây dựng đều có bộ chứng từ thanh toán

và hóa đơn rõ ràng, do đó việc xác định nguyên giá tài sản rất đáng tin cậy. - Có thời gian sử dụng 1 năm trở lên.

Có giá trị theo quy định hiện hành.Theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC, giá trị tối thiểu của TSCĐ phải từ 30.000.000 VND trở lên. Tại Công ty Cổ phần môi trường và đô thị Hà Đông việc đánh giá lại TSCĐ theo giá thực tế hiện nay vẫn chưa được tiến hành mà chủ yếu công ty đánh giá TSCĐ theo giá trị ghi sổ do kế toán cung cấp qua các chỉ tiêu nguyên giá và giá trị hao m n lũy kế của TSCĐ.

Khi mua sắm TSCĐ, kế toán căn cứ vào hóa đơn của các khoản chi phí thực tế đã bỏ ra để có được TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng để xác định nguyên giá. Do công ty tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ nên nguyên giá TSCĐ bao gồm giá ghi trên hóa đơn (không bao gồm thuế GTGT) và chi phí vận chuyển, lắp đặt, chạy thử.

Công tác đầu tư xây dựng cơ bản ở Công ty được thực hiện thông qua thuê ngoài là chủ yếu và cũng có ít trường hợp được giao lại cho các đơn vị thực thuộc. Trong trường hợp này, công ty tiến hành thanh toán theo tiến độ hoàn thành công việc cho các nhà cung cấp dịch vụ. Sau khi công trình đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành, kế toán sẽ ghi nhận theo giá quyết toán của công trình.

- Việc đánh giá theo giá trị c n lại:

Giá trị c n lại của TSCĐ hữu hình = Nguyên giá TSCĐ hữu hình - Giá trị hao m n TSCĐ hữu hình lũy kế.

Trong đó giá trị hao m n lũy kế TSCĐ hữu hình là tổng giá trị hao m n TSCĐ hữu hình đã trích lập vào chi phí SXKD của Công ty tính từ khi tài sản bắt đầu được sử dụng đến thời điểm đánh giá.

2.2.2.1. Thực trạng kế toán tăng giảm tài sản cố định

Cách lập và luân chuyển chứng từ tại Công ty áp dụng theo hướng dẫn của chế độ kế toán do Bộ tài chính quy định. Ngoài ra, việc xác định số lượng, loại chứng từ cần thiết cho mỗi trường hợp biến động TSCĐ không chỉ phụ

-
thuộc vào nội dung kinh tế mà c n phụ thuộc vào kỹ thuật, khả năng thu thập và xử lý thông tin kế toán.

 Hồ sơ, chứng từ sử dụng

Về hồ sơ, chứng từ TSCĐ tại Công ty và các đơn vị trực thuộc được diễn tả qua một số nghiệp vụ điển hình tại Bảng số 2.4:

Bảng số 2.4: Thủ tục hồ sơ chứng từ kế toán tăng giảm tài sản cố định tại Công ty

TT	Nội dung	Hồ sơ , chứng từ	Ghi chú
1	Hồ sơ tài sản cố định trong doanh nghiệp	Hóa đơn, chứng từ hình thành Quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành. BBNT đưa tài sản vào sử dụng. Bảng trích khấu hao TSCĐ Biên bản giao nhận tài sản cho bộ phận sử dụng, quản lý Thẻ tài sản cố định Dán nhãn thông tin và số thẻ tài sản	Tài sản cố định có giá trị từ 30 triệu đồng, thời gian sử dụng trên 1 năm. Đối các khoản đầu tư không ở dạng hình thể vật chất như phần mềm, thương hiệu, quyền sử dụng đất thì hạch toán tài sản cố định vô hình.

2	Tài sản cố định mua mới	Hợp đồng mua tài sản. Hoá đơn giá trị gia tăng/hoá đơn thông thường mua tài sản Quyết định phê duyệt quyết toán Hoá đơn nguyên nhiên vật liệu, cấu kiện đi kèm Chứng từ chuyển giao, thuê chuyên gia, vận	Tập hợp toàn bộ chi phí mua, nhân công lắp đặt, chi phí chuyển giao, thuế gián thu vào nguyên giá tài sản cố định. Nếu việc mua tài sản có nhiều chứng từ trong nhiều thời gian thì tập hợp vào 241 trước khi chuyển sang 211. Khi mua TSCĐ nếu được

TT	Nội dung	Hồ sơ , chứng từ	Ghi chú
		chuyển lắp đặt nếu có Biên bản giao nhận tài sản của người bán cho DN Chứng từ/biên lại nộp thuế (Lệ phí trước bạ, thuế trực thu)	nhận kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì phải xác định và ghi nhận riêng sản phẩm, phụ tùng thiết bị thay thế theo giá trị hợp lý Nguyên giá mua TSCĐ mua được xác định bằng tổng giá trị của tài sản được mua trừ đi giá trị sản phẩm, thiết bị, phụ tùng thay thế
3	Tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	Biên bản họp hội đồng quản trị đồng ý thanh lý tài sản Quyết định của Giám đốc về việc thanh lý tài sản cố định Hợp đồng thanh lý nhượng bán tài sản cố định Hoá đơn giá trị gia tăng ghi theo giá bán đàm phán được	Kết thúc theo dõi thẻ tài sản và hồ sơ tài sản Loại trừ tài sản khỏi danh sách tính khấu hao Giá bán ghi nhận vào thu nhập khác vì mục đích mua tài sản để sử dụng, nay bán thanh lý thì không được hạch toán doanh thu. Các chi phí liên quan đến thanh lý nhượng bán tài sản ghi nhận chi phí khác, không tính vào chi phí hoạt động.

(Nguồn: Ph ng Kế toán, Công ty Cổ phần môi trường đô thị Hà Đông)

 Quy trình luân chuyển chứng từ

Quy trình, thủ tục tăng, giảm TSCĐ được thực hiện tương đối bài bản và chặt chẽ. Các trường hợp mua sắm TSCĐ phần lớn đều thực hiện theo phương thức đấu thầu rộng rãi, công khai, một số TSCĐ có giá trị nhỏ thì thực hiện chào hàng cạnh tranh trên cơ sở hệ thống báo giá. Các trường hợp giảm TSCĐ do thanh lý thì được thực hiện theo hình thức đầu giá công khai nhằm lựa chọn được khách hàng mua với giá cao nhất.

Đối với TSCĐ tăng căn cứ vào kế hoạch vốn được duyệt, Tổng giám đốc công ty đưa ra quyết định tăng (quyết định đầu tư). Ph ng kế hoạch tiến hành tổ chức đầu thầu để lựa chọn nhà thầu, sau đó trình duyệt kết quả đầu thầu và thực hiện ký kết hợp đồng mua hoặc đầu tư xây dựng TSCĐ. Hội đồng giao nhận TSCĐ tiến hành giao nhận TSCĐ và lập các chứng từ liên quan: Biên bản giao nhận TSCĐ; Biên bản nghiệm thu bản giao đưa vào sử dụng. Hóa đơn GTGT, Tờ đề nghị thanh toán của bên B và ph ng thực hiện đầu tư... Kế toán sau khi nhận được các chứng từ trên tiến hành kiểm tra, sau đó lập thẻ TSCĐ, tiến hành ghi sổ chi tiết tổng hợp nghiệp vụ tăng TSCĐ và chuyển chứng từ vào lưu trữ.

Đối với TSCĐ giảm, căn cứ vào nhu cầu của bộ phận sử dụng, Tổng giám đốc Công ty đưa ra quyết định giảm TSCĐ. Ph ng kế hoạch tiến hành thành lập hội đồng thanh lý để lựa chọn công ty thực hiện đấu giá hoặc tự thực hiện việc đấu giá để lựa chọn khách hàng và thực hiện ký kết hợp đồng bán TSCĐ. Hội đồng thanh lý TSCĐ tiền hành bàn giao TSCĐ và lập các chứng từ liên quan: Biên bản giao nhận TSCĐ; biên bản thanh lý hợp đồng, Hóa đơn GTGT, Tờ đề nghị thanh toán của bên A... Kế toán sau khi nhận được các chứng từ trên tiến hành kiểm tra. Sau đó hủy thẻ TSCĐ, tiến hành ghi số chỉ tiết tổng hợp nghiệp vụ giảm TSCĐ và chuyển chứng từ vào lưu trữ.

Hội đồng thanh lý, nhượng bán TSCĐ tại Công ty bao gồm: Tổng giám đốc, kế toán trưởng, kế toán TSCĐ, đại diện bộ phận có TSCĐ được thanh lý, nhượng bán.

 Thực trạng phương pháp kế toán biến động tài sản cố định

** Kế toán trường hợp tăng TSCĐ do mua sắm*

TSCĐ trong công ty tăng chủ yếu là do mua mới, tùy vào yêu cầu hoạt động của các ph ng của công ty thì các ph ng sẽ gửi một tờ trình về việc mua tài sản lên cho ph ng kế hoạch. Ph ng kế hoạch tổng hợp và gửi đề xuất cho Tổng giám đốc phê duyệt. Sau khi được Tổng giám đốc phê duyệt sẽ ra quyết định mua tài sản. Nhìn chung quy trình mua sắm tài sản cố định của Công ty sẽ do ph ng kế hoạch phụ trách khảo sát thực tế, kiểm tra và làm thủ tục mua sắm. Sau khi hoàn thành việc mua sắm mới chuyển cho bộ phận quản lý và sử dụng TSCĐ, ph ng kế toán tài chính chịu trách nhiệm thanh toán cho nhà cung cấp.

Tất cả những chứng từ có liên quan đến nghiệp vụ tăng TSCĐ sẽ được tập hợp từ bộ phận mua TSCĐ và các bộ phận có liên quan gửi lên bộ phận kế toán, kế toán dựa trên những chứng từ đó để làm căn cứ hạch toán nghiệp vụ tăng TSCĐ ghi nợ TK 211, 213 và ghi có các TK đối ứng vào phần mềm kế toán. Sau khi nhập xong số liệu sẽ được chuyển vào thẻ TSCĐ, số chi tiết TSCĐ, chứng từ ghi số, sổ cái TSCĐ, bảng tổng hợp TSCĐ.

Phụ lục 01: Ngày 05/10/2019, Công ty phát sinh nghiệp vụ mua xe nâng Kalmar DRF 450 với giá mua là 1.424.500.000 đông (đã bao gồm thuế VAT 10%) để phục vụ hoạt động chăm sóc duy trì cảnh quan. Tài sản này được thanh toán ngay bằng tiền gửi ngân hàng. Sau khi hoàn thành việc mua sắm công ty có các chứng từ sau: mua sắm của Tổng Giám đốc; Báo giá; Hợp đồng kinh tế; thanh lý hợp đồng; Hóa đơn GTGT; Biên bản giao nhận TSCĐ .

Sau khi nhận hàng và đưa TSCĐ vào sử dụng trong đơn vị kế toán sẽ tiến hành ghi nhận nghiệp vụ tăng TSCĐ hữu hình, khai báo dự liệu vào phần

mềm kế toán: Ghi tăng nguyên giá TSCĐ hữu hình 1.295.000.000 đồng, ghi tăng thuế GTGT đầu vào được khấu trừ 129.500.000 đồng và ghi giảm tiền gửi ngân hàng là 1.424.500.000 đồng. Phần mềm kế toán sẽ chuyển dự liệu vào thẻ TSCĐ hữu hình, số chi tiết TSCĐ hữu hình; Nhật ký chung; sổ cái tài khoản 211, Bảng tổng hợp TSCĐ hữu hình và sổ tiền gửi ngân hàng.

** Kế toán trường hợp tăng TSCĐ vô hình:*

Phụ lục 02: Ngày 11/10/2019 Công ty mua phần mềm máy tính diệt virus Bkav Endpoint của công ty cổ phần BKAV với giá chưa có thuế GTGT là 60.000.000 đồng, thuế GTGT là 6.000.000 đồng. Căn cứ vào chứng từ có liên quan gồm quyết định mua, hoá đơn GTGT, kế toán ghi vào phần mềm: Ghi Nợ TK 2135 số tiền 60.000.000 đồng, ghi Nợ TK 1332 số tiền 6.000.000 đồng và ghi Có TK 112 số tiền 76.000.000 đồng. Phần mềm kế toán sẽ chiết xuất số liệu vào thẻ TSCĐ, sổ chi tiết TK 213, Nhật ký chung và sổ cái TK 213.

+ Kế toán chi phí nâng cấp phần mềm ERP

TSCĐ vô hình trong Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Hà Đông là phần mềm ERP. Tháng 08/2019 công ty nâng cấp phần mềm kế toán ERP cho giai đoạn sau triển khai giá trị nâng cấp là 65.000.000 VND, thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng. Căn cứ vào hóa đơn GTGT đầu vào số 000232 **(Phụ lục số 03)** của Công ty TNHH Miền Đất công nghệ số, quyết định phê duyệt của Giám Đốc về việc nâng cấp phần mềm kế toán, hợp đồng nâng cấp phần mềm, biên bản thanh lý hợp đồng. Kế toán Công ty ghi tăng chi phí trả trước 59.090.909 VND, ghi tăng thuế GTGT được khấu trừ 5.909.091 VND và ghi giảm tiền gửi ngân hàng 65.000.000 VND.

Đồng thời kết chuyển ghi tăng chi phí quản lý doanh nghiệp và ghi giảm chi phí trả trước 59.090.909 VND.

*** Kế toán trường hợp giảm TSCĐ do thanh lý, nhượng bán**

Tùy vào thời gian hoạt động và yêu cầu công việc của các Ph ng ban khi TSCĐ không c n nhu cầu sử dụng hoặc xuống cấp, hư hỏng, lạc hậu không

phù hợp với điều kiện kinh doanh thì sẽ tiến hành thanh lý tài sản. Tại Công ty thì đa phần là những TSCĐ không c n sử dụng được nữa do hư hỏng thì được thanh lý. Khi thanh lý TSCĐ bộ phận quản lý tài sản sẽ trình lên lãnh đạo lý do tài sản cần thanh lý, nhượng bán. Khi lãnh đạo đưa đưa ra quyết định thanh lý thì mới tiến hành thanh lý, nhượng bán. Kế toán TSCĐ sẽ ghi giảm nguyên giá và hao m n luỹ kế của TSCĐ, các khoản thu, chi cho nhượng bán. thanh lý ghi nhận vào thu nhập khác và chi phí khác trong kỳ.

Phụ lục 04: Ngày 22/10/2019 Công ty thanh lý xe cuốc Nobas có nguyên giá 1.350.000.000 đồng, thời gian sử dụng 9 năm. Khấu hao lũy kế đến thời điểm bán là 945.000.000 đồng, giá trị c n lại của tài sản là 405.000.000 đồng. Giá thanh lý của tài sản được chấp nhận là 415.000.000 đồng (chưa bao gồm thuế GTGT 10%). Tổng chí phí thanh lý là 3.400.000 đồng. Công ty đã xuất hóa đơn bán hàng và nhận được tiền thanh toán của khách hàng qua chuyển khoản ngân hàng.

Các chứng từ kế toán sử dụng: Quyết định thanh lý TSCĐ xe cuốc Nobas UB3; Biên bản thanh lý TSCĐ xe cuốc Nobas UB30; Biên bản bàn giao TSCĐ; Hóa đơn GTGT; Giấy báo có của Ngân hàng. Căn cứ vào các chứng từ trên. Kế toán đã thực hiện ba bút toán vào phần mềm kế toán: Bút toán thứ nhất để xoá số TSCĐ, ghi giảm nguyên giá TSCĐ hữu hình 1.350.000.000 đồng, hao m n luỹ kế 945.000.000 đồng, giá trị c n lại ghi tăng vào chi phí khác 405.000.000 đồng. Bút toán thứ hai để phản ánh số tiền thu được từ thanh lý, ghi tăng thu nhập khác số tiền là 415.000.000 đồng, ghi tăng thuế GTGT số tiền 41.500.000 đồng và tương ứng ghi tăng tiền gửi ngân hàng số tiền là 456.500.000 đồng. Bút toán thứ ba để phản ánh chi phí phát sinh trong quá trình thanh lý TSCĐ, ghi tăng chi phí khác số tiền 3.400.000 đồng và tương ghi giảm tiền mặt số tiền 3.400.000 đồng.phần mềm kế toán sẽ chiết xuất số liệu vào số chi tiết TK 211, Sổ nhật ký chung, sổ cái TK 214, 211 và các sổ cái các tài khoản khác liên quan.

2.2.2.2. Thực trạng kế toán khấu hao tài sản cố định

 Thực trạng thủ tục, chứng từ kế toán

Bảng 2.5: Thủ tục, chứng từ kế toán khấu hao tài sản cố định tại Công ty

Nội dung	Hồ sơ chứng từ	Ghi chú
Trích KHTSCĐ	Căn cứ vào hồ sơ tài sản, kế toán lập bảng tổng hợp và khấu hao tài sản cố định Căn cứ kết quả tính khấu hao TSCD, lập phiếu kế toán ghi nhận chi phí tương ứng của từng khoản mục/bộ phận theo quyết định đưa vào sử dụng và bàn giao cho bộ phận.	Tài sản sử dụng cho bộ phận nào, mục đích gì thì tính chi phí tương ứng vào bộ phận/khoản mục đó.

(Nguồn: Ph ng Kế toán, Công ty Cổ phần môi trường đô thị Hà Đông)

 Thực trạng kế toán khấu hao tài sản cố định

Công ty thực hiện trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng đối với cả TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình. Đối với những TSCĐ của Công ty có giá trị lớn như: Các loại xe, các loại thiết bị... thì đưa vào ngày nào được tính khấu hao luôn ngày đó, c n đối với một số TSCĐ có giá trị nhỏ thì được tính theo nguyên tắc tr n tháng (TSCĐ tăng hoặc giảm tháng này thì tháng sau mới tính và trích hoặc thôi trích khấu hao). Khấu hao TSCĐ dùng cho hoạt động sản xuất thì được tính vào chi phí sản xuất chung TK 627, dùng cho hoạt động cung cấp dịch vụ được tính vào chi phí bán hàng TK 641, c n dùng cho hoạt động quản lý được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp TK 642. Công ty đã thực hiện đăng ký khấu hao với cơ quan thuế. Đối với những TSCĐ đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn được sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh thì không tính khấu hao nữa, Công ty thực hiện quản lý những tài sản này về mặt số lượng và hiện vật tương tự như đối với những TSCĐ đang sử dụng và đang được tính khấu hao.

Căn cứ vào nguyên giá TSCĐ, mức trích khấu hao tháng trước, tình hình và hồ sơ, chứng từ biến động tang, giảm TSCĐ trong tháng, tỷ lệ khấu hao từng loại tài sản, nơi sử dụng kế toán tiến hành lập bảng tính và phân bổ khấu hao theo tháng - **Phụ lục 05**

Ví dụ: Ngày 05/10/2019 Công ty phát sinh nghiệp vụ mua xe nâng Kalmar DRF 450 đề phục vụ sản xuất kinh doanh.

Mức khấu hao TSCĐ tăng trong tháng = (1.295.000.000 *26 ngày) / (10 năm * 12 tháng * 30 ngày) * = 9.051.075 đồng.

Hao m n TSCĐ phúc lợi:

Các TSCĐ phúc lợi hình thành từ lợi nhuận sau thuế của công ty. Việc sử dụng các TSCĐ phúc lợi trong các kỳ kế toán thực chất là việc tiêu dùng lợi nhuận sau thuế của Doanh nghiệp. Doanh nghiệp không được phép trích khấu hao TSCĐ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Theo quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 200/2014/TTBTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, các tài sản phúc lợi hình thành từ quỹ phúc lợi Doanh nghiệp. Và các tài sản phúc lợi không được trích khấu hao mà chỉ được ghi nhận giá trị hao m n vào nguồn quỹ phúc lợi. Kế toán căn cứ vào Bảng tính khấu hao TSCĐ phúc lợi ghi nhận tăng hao m n TSCĐ phúc lợi đồng thời ghi giảm quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ.

2.2.2.3. Thực trạng kế toán sửa chữa tài sản cố định hữu hình

TSCĐ là tư liệu lao động có giá trị lớn, thời gian sử dụng lâu dài. Vì vậy, để TSCĐ có đầy đủ khả năng hoạt động bình thường, đảm bảo đúng các thông số kỹ thuật, đảm bảo năng suất hoặc tăng năng suất trong quá trình sử dụng TSCĐ, ngoài việc bảo quản, duy trì tốt, công ty c n tiến hành sửa chữa thường xuyên và sửa chữa lớn TSCĐ. Tại Công ty và các đơn vị thành viên, sửa chữa TSCĐ được thực hiện theo hai phương thức: sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn TSCĐ. Qua khảo sát thực tế tại Công ty, sửa chữa TSCĐ có những đặc điểm sau:

- Kế toán sửa chữa thường xuyên TSCĐ là việc bảo dưỡng, thay thế các bộ phận của TSCĐ. Khi phát sinh các hỏng hóc cần sửa chữa thì căn cứ vào tình trạng hỏng để quyết định phương thức sửa chữa. Đối với những hư hỏng có thể khắc phục ngay thì trên cơ sở báo cáo tình trạng TSCĐ, tờ trình xin sửa chữa TSCĐ, quản lý phê duyệt quy mô và hình thức sửa chữa. TSCĐ hỏng ở bộ phận nào thì tiến hành sửa chữa và tập hợp chi phí vào bộ phận đó cụ thể. Nếu TSCĐ của bộ phận quản lý thì chi phí sửa chữa được hạch toán vào TK 642, nếu TSCĐ sử dụng cho quản lý phân xưởng, thì chi phí sửa chữa được ghi nhận vào TK chi phí sản xuất chung TK 627.

- Đối với sửa chữa lớn TSCĐ là việc thay thế sửa chữa đại bộ phận hoặc bộ phận lớn TSCĐ. Công ty không tiến hành trích trước chi phí sửa chữa lớn. Toàn bộ chi phí sửa chữa lớn phát sinh trong kỳ được tập hợp vào TK 241 (2413) chi tiết cho từng công tác sửa chữa. Khi TSCĐ bị hư hỏng phải sửa chữa lớn, bộ phận sử dụng TSCĐ trình quản lý phê duyệt, việc sửa chữa chủ yếu được thực hiện theo phương thức thuê ngoài, trên cơ sở hợp đồng kinh tế và hóa đơn GTGT kế toán ghi nhận toàn bộ hoặc phân bổ dần vào chi phí SXKD. Khi hoàn thành sửa chữa lớn, kế toán căn cứ vào biên bản giao nhận TSCĐ sửa chữa lớn hoàn thành bàn giao để ghi sổ.

2.2.2.4. Trình bày thông tin về tài sản cố định trên Báo cáo tài chính

Tại công ty cổ phần môi trường và đô thị hà Đông sử dụng 2 loại báo cáo tài chính để mực hiện công tác kế toán tài sản cố định tại công ty là bảng cân đối kế toán và thuyết minh báo cáo tài chính, Việc tổ chức lập, trình bày các chỉ tiêu trong báo cáo tài chính của Công ty được lập theo đúng các chuẩn mực 03,04 và thông tư 200/2014/TT-BTC.

Phụ lục 06 - Trên Bảng cân đối kế toán (sử dụng mẫu Mẫu số B01 - DN tại thông tư Thông tư 200/2014/TT -BTC), là báo cáo tài chính tổng hợp, phản ánh tổng quát toàn bộ giá trị hiện có và nguồn hình thành tài sản của công ty tại một thời điểm nhất định. Thông tin về TSCĐ được trình bày ở phần Tài sản đài hạn tại các tài khoản 211, tài khoản 213 và tài khoả 214 theo 2 chỉ

tiêu: Nguyên giá và giá trị hao m n lũy kế. Qua việc trình bày sẽ đưa ra các thông tin về tình hình tăng, giảm giá trị trích lập khấu hao, giá trị khấu hao c n lại của các tài sản của toàn Công ty trong kỳ báo cáo.

Trên thuyết minh báo cáo tài chính, công ty trình bày nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ (hữu hình, vô hình). Trong thuyết minh, công ty trình bày chi tiết tăng, giảm TSCĐ hữu hình, báo cáo tăng giảm TSCĐ vô hình theo các chỉ tiêu: Nguyên giá TSCĐ, số dư đầu kỳ, tăng trong kỳ (do mua, do đầu tư XDCB hoàn thành, điều chỉnh do phân loại lại), giảm trong kỳ, số dư cuối kỳ, giá trị hao m n lũy kế (số dư đầu kỳ, tăng trong kỳ, số dư cuối kỳ), giá trị c n lại TSCĐ (tại ngày đầu kỳ và cuối kỳ). Phần thông tin kế toán được trình bày trong thuyết minh báo cáo tài chính của Công ty khá rõ ràng, đầy đủ, được trình bày ngắn gọn, đạt hiệu quả cung cấp thông tin kế toán.

2.3. Đánh giá thực trạng kế toán tài sản cố định Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Hà Đông

2.3.1. Ưu điểm

TSCĐ được quản lý khoa học, chặt chẽ, điều đó biểu hiện cụ thể qua việc quản lý tốt hồ sơ TSCĐ, mỗi TSCĐ đều có một bộ hồ sơ riêng; việc quản lý được trách nhiệm cho từng bộ phận sử dụng. Khi phát sinh các nghiệp vụ TSCĐ như mua sắm, điều chuyển, thanh lý... nhất là với TSCĐ có giá trị lớn, trình tự được thực hiện đúng thủ tục và chặt chẽ. Hàng năm vào ngày cuối cùng của năm tài chính, kế toán của công ty phải lập báo cáo kiểm kê TSCĐ trên cơ sở kiểm kê thực tế TSCĐ hiện có ở đơn vị.

Mặc dù các nghiệp vụ liên quan đến TSCĐ phát sinh nhiều nhưng luôn được kế toán viên phản ánh một cách kịp thời, đầy đủ, chính xác và đúng với chế độ qui định. Đồng thời, việc phản ánh các nghiệp vụ về TSCĐ luôn được gắn với các nghiệp vụ liên quan đến nguồn hình thành TSCĐ đã giúp cho việc quản lý tốt TSCĐ theo nguồn hình thành. Điều này cũng được thể hiện ngay

trong cách phân công công việc trong ph ng kế toán như kế toán phần hành TSCĐ được kiêm luôn kế toán đầu tư xây dựng cơ bản và nguồn vốn.

Về công tác kế toán chi tiết TSCĐ: Kế toán chi tiết TSCĐ được thực hiện trên máy vi tính, các chỉ tiêu về TSCĐ như tên tài sản, năm sản xuất, nước sản xuất đến các đặc trưng của TSCĐ như nguyên giá, giá trị hao m n, giá trị c n lại đều được nhập chi tiết vào máy và được máy lưu giữ lại. Mỗi TSCĐ đều được mở một thẻ TSCĐ để tổng hợp toàn bộ TSCĐ của công ty.

Về công tác kế toán tổng hợp tăng, giảm TSCĐ: Mọi nghiệp vụ tăng, giảm đều được thực hiện theo một trình tự nhất định có quy định thống nhất, đảm bảo các chứng từ hợp lệ về mua sắm, chi phí lắp đặt, chạy thử.

Về công tác khấu hao: Phương pháp khấu hao đường thẳng tuy thời gian thu hồi vốn chậm nhưng phù hợp với kế hoạch kinh doanh và kế toán tiến hành lập bảng tính khấu hao theo tháng đúng theo mẫu quy định của Bộ Tài Chính.

Về công tác sửa chữa TSCĐ: Khi phát hiện có TSCĐ bị hỏng hóc công ty tiến hành sửa chữa TSCĐ với chi phí lớn đảm bảo hoạt động kinh doanh diễn ra liên tục.

Về việc quản lý, sử dụng tài sản cố định: Qua việc phân tích tình hình quản lý, sử dụng TSCĐ ở Công ty cho thấy công ty đã có nhiều cố gắng trong việc sử dụng và quản lý tài sản để đạt hiệu quả cao nhất

2.3.2. Những hạn chế và nguyên nhân

Hạn chế trong quản lý TSCĐ

Về phân loại TSCĐ: TSCĐ của công ty nhiều và đa dạng nhưng ph ng kế toàn công ty chưa chú trọng tới việc phân loại TSCĐ theo những tiêu thức khác nhau để đáp ứng yêu cầu quản lý, kiểm soát. Bởi mỗi cách phân loại có những đặc trưng riêng và có tác dụng lớn đối với yêu cầu quản lý TSCĐ trong công ty nói chung và công tác kể toán nói riêng. Ví dụ như cách phân loại theo tình trạng sử dụng giúp cho công ty dễ dàng trong việc đánh giá tình hình sử dụng TSCĐ vào hoạt động kinh doanh

Công tác kiểm kê TSCĐ: Thực tế công ty chưa thực sự quan tâm đến vấn đề này, không thực hiện thường xuyên việc kiểm kê TSCĐ. Dẫn đến nhiều hệ quả, như kiểm soát tính hữu ích của TSCĐ bị hạn chế, không xem xét, đánh giá lại năng lực sử dụng TSCĐ.

Hạn chế về thời điểm ghi nhận TSCĐ:

Đối với công trình hình thành từ xây dựng cơ bản, qua khảo sát thực tế cho biết lúng túng nhất định trong việc xác định thời điểm ghi nhận TSCĐ bởi có trường hợp công ty có những công trình như hệ thống nhà kho vừa xây dựng, vừa đưa vào sử dụng những bộ phận đã hoàn thành kế toán chưa rõ thời điểm ghi nhận TSCĐ vào lúc nào là phù hợp, vậy nên toàn bộ chi phí kế toán theo dõi trên tài khoản 241, những bộ phận tài sản đã đưa vào sử dụng thì không khấu hao, khi hoàn thành toàn bộ và quyết toán thì kế toán mới ghi tăng TSCĐ toàn bộ hệ thống nhà kho.

Hạn chế về công tác luân chuyển chứng từ:

Một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh không đảm bảo đầy đủ các chứng từ chứng minh, làm ảnh hưởng đến tiến trình tổng hợp số liệu vào máy tính lập báo cáo. Trường hợp mua TSCĐ hữu hình có giá trị nhỏ như máy tính, máy in thì thường không có biên bản bàn giao TSCĐ, Bộ chứng từ liên quan đến hình thành TSCĐ hữu hình do đầu tư xây dựng hoàn thành thường hoàn chỉnh chậm, gây khó khăn cho việc tính nguyên giá.

Do quá trình mua TSCĐ và nhận TSCĐ có sự tách biệt giữa các bộ phận, bộ phận hành chính mua TSCĐ cho toàn bộ Công ty nhưng không quản lý và sử dụng nên chỉ tập hợp bộ chứng từ kế toán yêu cầu thanh toán, c n bộ phận nhận bàn giao tài sản thì phần lớn không thu thập chứng từ. Ph ng kế toán chỉ dựa hóa đơn, chứng từ hợp lệ do Bộ phận hành chính cung cấp và thanh toán với nhà cung cấp khi đến hạn nên đã phát sinh trường hợp mặc dù tài sản đã tới bộ phận sử dụng nhưng kế toán chưa ghi tăng TSCĐ cho bộ phận sử dụng.

Hạn chế về khấu hao TSCĐ

Về phương pháp khấu hao TSCĐ: Hiện tại Công ty chỉ áp dụng duy nhất Phương pháp khấu hao theo đường thẳng. Phương pháp này có ưu điểm tính toán đơn giản, nhưng hiện nay theo khảo sát thực tế tại công ty cho thấy có một số đối tượng lớn TSCĐ hiện chưa khấu hao hết giá trị nhưng đã không c n sử dụng. Do hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ vệ sinh môi trường, TSCĐ thường bị hao m n nhiều do công suất làm việc lớn, chịu ảnh hưởng nhiều bởi tiến bộ khoa học kĩ thuật nên phương pháp khấu hao theo đường thẳng áp dụng cho tất cả các loại TSCĐ của công ty là chưa phù hợp.

Đối tượng khấu hao TSCĐ: Qua khảo sát cho thấy có tài sản không phục vụ cho mục đích SXKD mà có tính chất phúc lợi của Công ty như làm đường nhưng vẫn tính khấu hao và ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

Về xử lý chi phí sửa chữa lớn TSCĐ:

Việc sửa chữa lớn TSCĐ luôn được Công ty chú trọng, bộ phận sản xuất, kỹ thuật thường phải lập kế hoạch từ trước, nhưng bộ phận kế toán lại chỉ được thông báo khi công việc sửa chữa bắt đầu. Và do điều kiện khách quan bắt buộc phải sửa chữa lớn mà không có trong kế hoạch. Vì vậy có khi kế toán TSCĐ thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ không kịp thời. Nguyên nhân, bộ phận sản xuất, kỹ thuật và ph ng kế toán chưa thật sự làm việc hợp tác với nhau, do điều kiện bất khả kháng.

Tiểu kết chương 2

Chương 2 luận văn đã trình bày khái quát về Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Hà Đông, về lịch sử quá trình hình thành và phát triển, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của công ty, về bộ máy quản lý, đặc điểm chế độ kế toán áp dụng tại công ty. Trên cơ sở đó luận văn đã trình bày thực trạng kế toán tài sản cố định tại công ty, quy trình luân chuyển chứng từ sổ sách kế toán TSCĐ tại Công ty. Từ đó luận văn đã chỉ ra ưu điểm và hạn chế về kế toán tài sản cố định của Công ty và làm cơ sở để đề ra các giải pháp hoàn thiện kế toán TSCĐ tại Công ty Cổ phần môi trường đô thị Hà Đông ở Chương 3.

Chương 3 HOÀN THIỆN KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ ĐÔNG

3.1. Định hướng phát triển Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Hà Đông

Ø Mục tiêu về thị trường

Giữ vững thị trường đang hoạt động ổn định trên địa bàn thành phố Hà Nội nói chung và quận Hà Đông nói riêng, đồng thời nghiên cứu chuyển hướng phát triển thị trường sang các tỉnh lân cận cũng như trên toàn quốc về các mảng cung cấp dịch vụ vệ sinh môi trường với giá cả mang tính cạnh tranh, trong đó các mảng chú trọng là chất thải nguy hại, tái chế chất thải, tư vấn thiết kế các công trình liên quan đến môi trường.

Ø Mục tiêu về lợi nhuận

- Thực hiện cải tiến hệ thống tổ chức, quản lý, đối mới đầu tư công nghệ, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động điều hành; góp phần phát huy năng suất của người lao động, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và lợi nhuận, đảm bảo doanh thu và lợi nhuận tăng đều hàng năm.

- Doanh thu trong những năm đầu tiên sau cổ phần hóa phấn đấu đạt mức tăng trưởng đều bình quân hằng năm là từ 15% - 20%. Trong đó doanh thu dịch vụ tăng 20% - 25%, phấn đấu doanh thu loại hình này trong những năm về sau chiếm tỷ trọng từ 35 - 40% tổng doanh thu toàn Công ty.

-Phấn đấu mức chỉ trả cổ tức đạt tối thiểu 8% /năm.

 Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Tiếp tục phát triển mạng lưới dịch vụ công cộng ra các khu vực thị trấn, thị tứ thuộc huyện Hoà Vang dựa theo tiêu chí nông thôn mới để khai thác.

-Trong các hoạt động của Công ty, phải xem lĩnh vực nhận đặt hàng phục vụ vệ sinh đô thị với thành phố là lĩnh vực then chốt, lầu dài, có tính chất quyết định đến yếu tố thành công, phát triển hoặc thất bại của Công ty.

- Xem xét đầu tư có trọng điểm để nâng cao khả năng cạnh tranh của mảng dịch vụ vệ sinh có nguồn thu không từ ngân sách nhà nước; tiến đến doanh thu dịch vụ là nguồn thu quan trọng góp phần đáng kể vào lợi nhuận Công ty và nâng cao đời sống người lao động.

- Lợi nhuận trong giai đoạn này phấn đấu tăng trưởng đều bình quân hằng năm từ 15% đến 20% đảm bảo ổn định đời sống, thu nhập cho CBCNV.

3.2. Yêu cầu hoàn thiện kế toán tài sản cố định tại Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Hà Đông

3.2.1. Hoàn thiện kế toán tài sản cố định trong công ty phải phù hợp với các thông lệ, chuẩn mực quốc tế về tài sản cố định

Trong quá trình phát triển kinh tế, hội nhập kinh tế nước ta với khu vực kinh tế thế giới, việc hài h a các chính sách công cụ quản lý kinh tế nói chung, chính sách tài chính, kế toán nói riêng của Việt Nam với thông lệ quốc tế, học tập kinh nghiệm quản lý của các nước có nền kinh tế phát triển là một yêu cầu tất yếu. Sự cần thiết phải phù hợp với thông lệ và chuẩn mực kế toán quốc tế trong việc hoàn thiện hạch toán TSCĐ trong các DN, xuất phát từ những lý do sau:

- Quá trình hội nhập kinh tế Việt Nam đối với các nước trong khu vực và trên thế giới đ i hỏi cơ chế quản lý của Việt Nam phải có những thay đổi cơ bản, phù hợp với các quan điểm phát triển theo xu hướng quốc tế. Hội nhập quốc tế làm cho các nhà đầu tư từ nước ngoài vào Việt Nam cũng như đầu tư trong nước ra nước ngoài có xu hướng tăng mạnh. Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc đầu tư của các DN Việt Nam cũng như việc tiếp nhận vốn đầu tư của DN nước ngoài, một yêu cầu đặt ra là Nhà nước phải ban hành và hoàn thiện hệ thống chính sách pháp luật, quản lý kinh tế trong đó có chính sách tài chính và kế toán.

- Bất kể DN hoạt động trong lĩnh vực hoạt động, ngành nghề hay một quốc gia nào thì cũng phải đầu tư một số TSCĐ nhất định. Trước yêu cầu hài h a hệ thống kế toán giữa các quốc gia, các vùng lãnh thổ trong quá trình

toàn cầu hóa kinh tế khu vực và thế giới thì việc hạch toán TSCĐ trong các DNSX cũng phải phù hợp với các thông lệ và chuẩn mực kế toán quốc tế về TSCĐ. Có như vậy mới có thể lượng hóa được những nội dung về kế toán TSCĐ đã, đang và sẽ phát sinh trong các DN, đưa kế toán Việt nam phát triển theo xu hướng quốc tế hóa, hội nhập cùng sự phát triển của hệ thống kế toán các nước trên thế giới.

3.2.2. Hoàn thiện kế toán tài sản cố định trong Công ty phải phù hợp với các quy định tài chính, kế toán của Nhà nước về tài sản cố định

Nhà nước ban hành các chính sách, chế độ, thể lệ tài chính, kế toán và hướng dẫn áp dụng trong các doanh nghiệp. Trong quản lý và hạch toán TSCĐ, Nhà nước ban hành quy định về tiêu chuẩn và điều kiện ghi nhận TSCĐ, chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ và chế độ hạch toán TSCĐ. Chính vì vậy, việc hoàn thiện hạch toán TSCĐ trong các doanh nghiệp phải phù hợp với các quy định về tài chính, kế toán của Nhà nước về TSCĐ. Khi hạch toán và quản lý TSCĐ trong các doanh nghiệp phải phù hợp với quy định của Nhà nước thì thông tin do hạch toán kế toán cung cấp sẽ đáp ứng được yêu cầu kiểm tra, kiểm soát các hoạt động kinh tế của các cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước. Tuy nhiên, sự phù hợp với các quy định tài chính, kế toán của Nhà nước về TSCĐ không có nghĩa là việc hạch toán TSCĐ trong các doanh nghiệp phải thực hiện một cách máy móc, dập khuôn. Sự vận dụng các quy định, chế độ của Nhà nước trong các doanh nghiệp phải đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc chung và các quy định mang tính bắt buộc nhưng phải phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc điểm tổ chức quản lý, nhu cầu thông tin và điều kiện cụ thể của các doanh nghiệp.

3.2.3. Hoàn thiện kế toán tài sản cố định trong Công ty phải đảm bảo tính tiết kiệm và hiệu quả

Các giải pháp hoàn thiện kế toán TSCĐ phải quán triệt nguyên tắc tiết kiệm và hiệu quả. Công ty bỏ vốn ra tiến hành tổ chức hoạt động kinh doanh luôn với mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận . Muốn vậy, công ty vừa phải tìm cách

tăng doanh thu vừa phải tiết kiệm chi phí để có hiệu quả cao. Việc hoàn thiện kế toán TSCĐ cũng không nằm ngoài mục tiêu đó. Một mặt, hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ giúp kế toán giảm nhẹ công việc xử lý, ghi chép, lưu trữ, bảo quản chứng từ, sổ sách kế toán mà vẫn đảm bảo độ chính xác cao của thông tin kế toán, cung cấp kịp thời phục vụ nhu cầu của nhà quản trị. Mặt khác nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý sử dụng vốn kinh doanh, tăng v ng quay vốn kinh doanh góp phần xây dựng bộ máy kế toán gọn nhẹ, hiệu quả. Cũng chính xuất phát từ yêu cầu này mà các biện pháp đưa ra hoàn thiện phải có khả năng thực hiện, tức là chi phí bỏ ra để thực hiện hoàn thiện phải tương xứng với lợi ích mà việc hoàn thiện đem lại cho Công ty chứ không phải là hoàn thiện với bất cứ chi phí nào.

3.3. Giải pháp hoàn thiện kế toán tài sản cố định tại Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Hà Đông

3.3.1. Hoàn thiện trong công tác quản lý tài sản cố định

- Về phân loại TSCĐ: Với nhu cầu đầu tư, nâng cấp, sửa chữa TSCĐ nhiều và cần nguồn vốn đầu tư lớn, để đáp ứng yêu cầu quản lý, kiểm soát TSCĐ, kế toán công ty cần chú trọng tới việc phân loại TSCĐ theo tiêu thức khác như:

Phân loại TSCĐ theo tình hình sự dụng (TSCĐ đang dùng, TSCĐ cần nâng cấp, sửa chữa và TSCĐ không dùng chờ xử lý), Với cách nhận loại này, công ty sẽ nắm được số TSCĐ hiện đang sử dụng là bao nhiêu, TSCĐ cần nâng cấp, sửa chữa là bao nhiêu, TSCĐ không dùng là bao nhiêu để từ đó có các biện pháp và những ứng xử cần thiết với từng loại TSCĐ sao cho phù hợp.

Phân loại TSCD theo nguồn hình thành (TSCĐ được hình thành từ nguồn vốn chủ sở hữu, TSCĐ hình thành từ vốn vay) để có kế hoạch phù hợp trả nợ từ nguồn khấu hao và từ các nguồn khác.

- Công tác kiểm kê TSCĐ: Để tăng cường hiệu quả quản lý và nâng cao chất lượng sử dụng của TSCĐ, công ty cần tuân thủ quy định về kiểm kê tài sản. Công ty phải lập kế hoạch kiểm kê về thời gian. địa điểm, các mẫu biểu

được sử dụng cần rõ ràng, có sự thống nhất, nhất trí giữa bộ phận sử dụng, bộ phận vật tư và bộ phận kế toán, tạo điều kiện dễ dàng so sánh, đối chiếu thông tin giữa hai bộ phận. Trong hội đồng kiểm kê, ngoài đại diện của bộ phận sử dụng tài sản, bộ phận vật tư, thiết bị cần có thêm đại diện ph ng kế toán. Điều này giúp kế toán nắm rõ thực trạng TSCĐ về mặt hiện vật (khi hiện nay kề toán hầu như chỉ quản lý được TSCĐ về mặt giá trị) từ đó khi phản ánh lên số sách cũng chính xác hơn.

3.3.2. Hoàn thiện thời điểm ghi nhận tài sản cố định

Đối với công trình hình thành từ xây dựng cơ bản, mà quá trình xây dựng kéo dài trong nhiều năm, có những bộ phận đã hoàn thành đưa vào sử dụng và có bộ phận vẫn tiếp tục xây dựng, thì thời điểm ghi nhận tăng TSCĐ là thời điểm mà từng bộ phận tài sản được đưa vào sử dụng và ghi theo giá tạm tính của bộ phận đã hoàn thành, giá tạm tính này được xác định trên cơ sở chi phí ước tính phân bổ cho bộ phận đó, việc khấu hao cũng được thực hiện trên cơ sở giá tạm tính này. Khi công trình hoàn thành toàn bộ, quyết toán và đưa vào sử dụng toàn bộ thì căn cứ vào giá trị quyết toán, kế toán điều chỉnh tăng phần chênh lệch cho giá trị TSCĐ đó.

3.3.3. Hoàn thiện về chứng từ kế toán

Khi mua những TSCĐ có giá trị nhỏ cần phải có biên bản bàn giao TSCĐ. Để thực hiện tốt các công việc trên đây, Công ty cổ phần Môi trường đô thị Hà Đông cần ban hành các tài liệu hướng dẫn cụ thể. Căn cứ vào danh mục chứng từ do chế độ kế toán hướng dẫn và đặc thù quản lý của Công ty để quy định về số lượng chứng từ kế toán TSCĐHH cần phải lập trong từng loại nghiệp vụ và nên áp dụng cho mọi trường hợp không phụ thuộc vào quy mô nghiệp vụ.

Đối với chứng từ kế toán nói chung phải đảm bảo tính chặt chẽ về thời gian, mẫu biểu chữ ký theo quy định. Nội dung kinh tế phát sinh trên chứng từ cần đảm bảo tính hợp pháp, hợp lệ và đúng với thực tế của đơn vị (Phiếu thu, phiếu chi...). Đối với trường hợp đầu tư xây dựng TSCĐ hoàn thành thì kế

toán nên chủ động xắp xếp thời gian để sớm hoàn thành quyết toán công trình, hoàn thành bộ chứng từ có như vậy sẽ giúp kế toán phản ánh nguyên giá và trích khấu hao vào chi phí được chính xác. Với các tài sản đã đưa vào sử dụng trước thời điểm Ph ng kế toán thanh toán, bộ phận cần lập ngay mẫu biểu Biên bản giao nhận tài sản để cung cấp thông tin về tải sản mới về bộ phận. Biên bản này gồm các thông tin như ngày giao, địa điểm giao hàng, mã bộ phận nhận hàng, tên bộ phận nhận hàng. Về tài sản bàn giao, có thông tin về mã tài sản, tên tài sản, nhà cung cấp, số lượng tài sản nhận về, đơn vị tính, giá tiền. Biển bản này có thể đính kèm với các chứng từ khác khác như hợp đồng mua sắm, đơn đặt hàng.

Xây dựng khâu lưu trữ chứng từ khoa học, hợp lý để thuận tiện việc tra cứu thông tin khi cần thiết. Trước khi lưu trữ chứng từ phải kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ, tính tuân thủ chứng từ, lập tiêu đề cho từng bộ hồ sơ.

3.3.4. Hoàn thiện về khấu hao tài sản cố định

- Về phương pháp khấu hao của TSCĐ: Công ty nên nghiên cứu và tính khấu hao TSCĐ phù hợp với loại TSCĐ của mình, Do đặc thù hoạt động nên nhóm TSCĐ là phương tiện vận tải chiếm đa số, Đây là nhóm, TSCĐ có hao m n hữu hình nhanh do đó công ty nên áp dụng phương pháp khấu hao nhanh, giải pháp này cho phép sớm thu hồi vốn để tái đầu tư đổi mới TSCĐ để nâng cao chất lượng dịch vụ, giảm hao m n vô hình.

Theo phương pháp khấu hao số dự giảm dẫn có điều chỉnh thì mức khấu hao hàng năm của tài sản có định được xác định theo công thức sau: Mức KH TSCĐ mỗi năm = Giá trị TSCĐ phải khấu hao x Tỷ lệ KH nhanh Tỷ lệ khấu hao nhanh được xác định theo công thức:

Tỷ lệ khấu hao nhanh = Tỷ lệ KH theo PP đường thẳng x Hệ số điều chỉnh

Hệ số điều chỉnh xác định theo thời gian sử dụng của TSCĐ quy định tại bảng 3.1.

Bảng 3.1: Bảng hệ số điều chỉnh thời gian sử dụng của tài sản cố định

Thời gian sử dụng của TSCĐ	Hệ số điều chỉnh

Đến 4 năm (<=4 năm)	1,5
Trên 4 năm đến 6 năm (4 năm < t <= 6 năm)	2,0
Trên 6 năm (>=6 năm)	2,5

Nguồn: Đề xuất cuả tác giả

Những năm cuối, khi mức khấu hao năm xác định theo phương pháp giảm dần nói trên bằng (hoặc thấp hơn) mức khấu hao tính bình quân gia giữa giá trị c n lại và số năm sử dụng c n lại của TSCĐ, thì kể từ năm đó mức khấu hao được tính bằng giá trị c n lại của TSCĐ chia cho số năm sử dụng c n lại của TSCĐ.

- Đối tượng khấu hao TSCĐ: Để tuân thủ quy định hiện hành về quản lý và sử dụng TSCĐ, đối với TSCĐ dùng cho hoạt động phúc lợi là đường đi thì không được khấu hao tính vào chi phí sản xuất kinh doanh, mà chỉ ghi tăng hao m n và ghi giảm quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ (Nhập dữ liệu vào phần mềm ghi: Nợ TK 353 và có TK 214)

3.3.5. Hoàn thiện hạch toán sửa chữa, nâng cấp tài sản cố định

Qua khảo sát hiện nay công ty không tiến hành trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ. Đối với chi phí sửa chữa, bảo dưỡng, duy trì cho TSCĐ hoạt động bình thường được hạch toán trực tiếp vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ. Đối với các TSCĐ theo yêu cầu kỹ thuật phải sửa chữa, bảo trì, duy tu định kỳ, kế toán được trích lập dự ph ng phải trả và tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh để có nguồn trang trải khi việc sửa chữa, bảo trì phát sinh, tránh sự biến động chi phí giữa các kỳ (nhằm ổn định chi phí), tránh gây ảnh hưởng đến kết quả của kỳ có TSCĐ sửa chữa lớn phát sinh. Việc trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ được thực hiện như sau:

- Lập kế hoạch sửa chữa lớn cho năm tới. Tuy nhiên công ty phải cân nhắc giữa chi phí bỏ ra để sửa chữa với việc thanh lý, nhượng bán TSCĐ để đổi mới TSCĐ. - Khi lựa chọn sửa chữa lớn, công ty sẽ tính và trích trước chi phí sửa chữa lớn trong tháng bằng cách lấy tổng chi phí sửa chữa lớn TSCĐ cả năm theo kế hoạch chia cho 12 tháng và tiến hành ghi sổ theo định khoản:

Nợ các TK 627, 641, 642

Có TK 352: Dự ph ng phải trả (nếu trích trước định kỳ)

- Khi công trình sửa chữa lớn hoàn thành: + Trường hợp không đủ điều kiện ghi tăng nguyên giá TSCĐ:

Nợ các TK 623, 627, 641, 642

Nợ TK 242 - Chi phí trả trước (nếu phát sinh lớn được phân bổ dần)

Nợ TK 352 - Dự ph ng phải trả (nếu trích trước chi phí sửa chữa định kỳ)

Có TK 241 - XDCB dở dang (2413)

+ Trường hợp sửa chữa cải tạo, nâng cấp thỏa mãn điều kiện ghi tăng nguyên giá TSCĐ, ghi:

Nợ TK 211 - TSCĐ hữu hình

Có TK 241 - XDCB dở dang (2413)

3.4. Điều kiện thực hiện giải pháp

3.4.1. Về phía cơ quan quản lý Nhà nước

- Tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức trong việc áp dụng chuẩn mực BCTC đến các DN.
- Giám sát việc tuân thủ chuẩn mực đối với các DN trong việc trình bày và công bố thông tin.
- Hoàn thiện hành lang pháp lý về các luật, nghị định và thông tư hướng dẫn góp phần lành mạnh hóa môi trường pháp lý đối với hoạt động kế toán nói riêng và lĩnh vực kinh tế nói chung.
- Đảm bảo tính độc lập về lợi ích khi ban hành các CMKT cũng như các quy định về thuế.
- Nghiên cứu ban hành chuẩn mực và thông tư hướng dẫn chuẩn mực phù hợp, thống nhất trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0.
- Nâng cao vai tr của Hội đồng Kế toán quốc gia. Hội đồng cần đảm trách vai tr như một tổ chức tư vấn độc lập đối với việc xây dựng hệ thống chuẩn mực VAS cả trong quy định lẫn trong thực tiễn áp dụng.

- Cần có chính sách khuyến khích và tạo điều kiện hơn nữa để các công ty nước ngoài đầu tư vào dịch vụ kế toán, kiểm toán nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ.

3.4.2. Về phía Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Hà Đông

Để áp dụng đầy đủ các chính sách, quy định của Nhà nước về TSCĐ và phù hợp mô hình và điều kiện tổ chức SXKD, tại Công ty cổ phần môi trường đô thị Hà Đông đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn về công tác Kế toán TSCĐ, hạch toán kế toán, quản lý TSCĐ,…Tuy nhiên các văn bản mang tính rời rạc, sự vụ hoặc theo chương trình trong một giai đoạn nhất định. Hiện tại mô hình tổ chức sản xuất thay đổi sau tái cấu trúc, đội ngũ cán bộ làm công tác TSCĐ tại Văn ph ng và các đơn vị trực thuộc Công ty cổ phần môi trường đô thị Hà Đông thay đổi. Để có thể giúp người công tác TSCĐ dễ nắm bắt, tránh hiểu không đầy đủ dễ sai sót, Công ty cổ phần môi trường đô thị Hà Đông cần phải xây dựng hệ thống văn bản mang tính quy định, quy trình áp dụng thống nhất về công tác TSCĐ, kế toán TSCĐ và quản lý TSCĐ phù hợp với điều kiện SXKD hiện tại. Hoàn thiện công tác kế toán chi tiết TSCĐ, kế toán tổng hợp TSCĐ theo các quy định chung của Nhà nước và đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp.

Công ty cổ phần môi trường đô thị Hà Đông cần giao quyền chủ động hơn nữa cho các đơn vị trong việc thanh lý và nhượng bán tài sản, nên ủy quyền cho các đơn vị thực hiện nhằm giảm bớt các thủ tục, hồ sơ chứng từ luân chuyển nội bộ. Việc phân cấp sẽ tạo sự chủ động cho các đơn vị, đồng thời tăng cường trách nhiệm của các đơn vị trực thuộc cũng như nâng cao vai tr kiểm soát của Công ty cổ phần môi trường đô thị Hà Đông.

Bên cạnh đó, Ph ng Kế toán của Công ty cổ phần môi trường đô thị Hà Đông chủ động trình xuất phương pháp khấu hao phù hợp với nhóm TSCĐ nhanh bị lạc hậu do thay đổi công nghệ kỹ thuật. Nhằm giám sát chặt chẽ tình hình TSCĐ hiện và đánh giá hiệu quả sử dụng TSCĐ Công ty cổ phần môi

trường đô thị Hà Đông phải xây dựng chế độ trách nhiệm vật chất đối với bộ phận, cá nhân được giao bảo quản lý, khai thác và sử dụng TSCĐ.

Định kỳ, Kế toán TSCĐ tại Văn ph ng Công ty cổ phần môi trường đô thị Hà Đông phải tiến hành kiểm tra, đối chiếu số liệu với kế toán các đơn vị cơ sở, đặc biệt chú trọng các khoản giao dịch công nợ nội bộ giữa Văn ph ng với các đơn vị cơ sở có liên quan đến TSCĐ, khấu hao TSCĐ… nhằm điều chỉnh kịp thời những sai sót, nhầm lẫn do ghi trùng hoặc bỏ sót trong quá trình hạch toán kế toán TSCĐ.

Công ty cổ phần môi trường đô thị Hà Đông cần chú trọng việc đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của bộ phận Kế toán TSCĐ của doanh nghiệp. Định kỳ tổ chức các buổi hội thảo, tập huấn, cập nhật kiến thức, chế độ chính sách kế toán mới ban hành. Từ đó đưa ra các giải pháp hoàn thiện công tác kế toán tài chính phát sinh ngay tại DN; áp dụng một cách linh hoạt các chế độ chính sách ban hành về kế toán tài chính phù hợp với tình hình đặc điểm SXKD đáp ứng yêu cầu thực tiễn của DN.

Chú trọng công tác phân tích đánh giá hiệu suất sử dụng TSCĐ, để đưa ra biện pháp hữu hiệu nhằm khai thác tối đa nguồn lực sẵn có trong doanh nghiệp.

Tiểu kết chương 3

Trước thực trạng kế toán tài sản cố định của Công ty Cổ phần môi trường và đô thị Hà Đông được trình bày ở Chương 2, trong chương này, luận văn đã đưa ra định hướng phát triển của Công ty, yêu cầu hoàn thiện kế toán tài sản cố định và một số giải pháp hoàn thiện kế toán tài sản cố định của công ty và điều kiện để thực hiện các giải pháp đó. Luận văn đưa ra điều kiện thực hiện các giải pháp ở tầm vi mô (tại công ty) và tầm vi mô (phía Nhà nước).

KẾT LUẬN

Nghiên cứu về Kế toán TSCĐ nói chung và Kế toán TSCĐ tại các doanh nghiệp nói riêng là đề tài không có gì mới mẻ đối với các nhà kinh tế. Các vấn đề lý luận về công tác Kế toán TSCĐ đã được đề cập ở rất nhiều tài liệu khoa học, chuyên đề, tạp chí, luận án... Tuy nhiên, để có thể tiếp cận và áp dụng các chính sách, chế độ phù hợp với tình hình thực tiễn của doanh nghiệp thì trong nội tại mỗi doanh nghiệp (đặc biệt là đơn vị có nhiều cấp quản lý) cần phải xây dựng được hệ thống văn bản quy trình, quy định, cơ chế quản lý và hệ thống báo cáo phù hợp giúp doanh nghiệp quản lý tốt và sử dụng hiệu quả tài sản.

Nghiên cứu về Kế toán TSCĐ tại Công ty cổ phần môi trường đô thị Hà Đông, thông qua việc phân tích thực trạng Kế toán TSCĐ tại Công ty cổ phần môi trường đô thị Hà Đông và dựa trên các vấn đề lý luận đã được đề cập đến trong Luận văn, tác giả lấy đó làm cơ sở để đưa ra giải pháp hoàn thiện Kế toán TSCĐ tại Công ty cổ phần môi trường đô thị Hà Đông. Với mục tiêu của luận văn là góp phần hoàn thiện hơn nữa công tác Kế toán TSCĐ tại Công ty cổ phần môi trường đô thị Hà Đông, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của TSCĐ và khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường.

Luận văn được phát triển và hoàn thành trong điều kiện Công ty cổ phần môi trường đô thị Hà Đông đang đứng trước nhiều thách thức mới, sự cạnh tranh khốc liệt của thị trường. Vì vậy, tác giả mong muốn Luận văn sẽ đóng góp một phần bé nhỏ vào quá trình duy trì bức tranh tài chính lành mạnh, góp phần gìn giữ thương hiệu Công ty cổ phần môi trường đô thị Hà Đông luôn bền vững và phát triển không ngừng.

Mặc dù đã rất cố gắng nhưng do hạn chế về khả năng và thời gian nên Luận văn vẫn c n khiếm khuyết. Tác giả rất mong nhận được sự đóng góp của các Thầy/Cô giáo, bạn bè và bạn đồng nghiệp để Luận văn được hoàn thiện hơn.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Võ Thị Kim Anh (2013) "Kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Đà Nẵng", *Luận văn Thạc sĩ*, Trường Đại học Đà Nẵng.
2. Đoàn Thị Vân Anh (2016) "Kế toán tài sản cố định tại công ty TNHH Một thành viên dịch vụ nhà ở và khu đô thị", *Luận văn thạc sỹ,* Trường Đại học Thương Mại, Hà Nội.
3. Bộ tài chính (2015), *Chế độ kế toán doanh nghiệp - Quyển 1, quyển 2*, NXB Tài chính, Hà Nội.
4. Bộ Tài chính (2006), *Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam,* NXB Tài chính, Hà Nội.
5. Bộ tài chính (2014), *Thông tư 200/2014/TT-BTT ngày 22/12/2014 về ban hành Chế độ kế toán Doanh nghiệp.*
6. Bộ tài chính (2017), *Thông tư 28/2017/TT-BTC về ban hành Chế độ quảnlý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.*
7. Bộ tài chính (2013), *Thông tư số 45/2013/TT- BTC về khấu hao TSCĐ ngày 25/4/2013*
8. Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Hà Đông (2017, 2018, 2019), *Báo cáo tài chính năm*, Hà Nội.
9. Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Hà Đông (2017, 2018, 2019), *Các chứng từ, sổ chi tiết theo dõi biến động tài sản cố địn*h, Hà Nội.
10. Đinh Thị Mai (2010), *Giáo trình kế toán tài chính doanh nghiệp,* Nhà xuất bản tài chính, Hà Nội.
11. Nguyễn Thị Phương Dung (2014), "Kế toán tài sản cố định tại các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu tại thành phố Hải Ph ng"*, Luận văn thạc sỹ*, Đại học Hải Ph ng.
12. Phạm Thị Mỹ Phương (2007), "Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tại Công ty Dịch vụ Môi trường Biên H a" *Luận văn Thạc sĩ*, Trường Đại học Lạc Hồng, Đồng Nai.
13. Quốc Hội (2015), *Luật Kế Toán*.

14. Vũ Thị Hải Yến (2017), "Kế toán tài sản cố định tại Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam thịnh vượng", *Luận văn thạc sỹ kinh tế*, Trường Đại học Công đoàn, Hà Nội.

Phụ lục 01:

CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG ĐÔ

HÀ ĐÔNG

Số: 45/QĐ - MTĐTHĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM THỊ

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 03 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ ĐÔNG

(V/v: Phê duyệt mua xe nâng chụp container phục vụ sản xuất kinh doanh)

- Căn cứ quy chế quản trị của Công ty Cổ phần môi trường đô thị Hà Đông - Căn cứ tờ trình ngày 01 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Phê duyệt mua xe nâng chụp container phục vụ công việc:

- Xe nâng Kalmar DRF: 450 đơn giá 1.295.000.000 vnđ

Tổng giá trị: 1.295.000.000 vnd (Một tỷ, hai trăm chín mươi lăm triệu đồng chẵn)

Điều 2: Trưởng ph ng kế hoạch phối hợp ph ng tài chính kế toán của công ty có nhiệm vụ tổ chức mua tài sản theo đúng đơn giá đã được Tổng giám đốc công ty duyệt.

Điều 3: Trưởng ph ng kế hoạch, Ph ng Tài chính kế toán công ty chịu trách nhiệm thi hành quyết định. Quyết định này có hiệu lực kê từ ngày ký.

Nơi nhận:
Như điều 3
Lưu VP

TỔNG GIÁM ĐỐC
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Mẫu số: 01GTKT3/

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 2: Giao khách hàng

Ký hiệu: AA/18P

Số: 2510629

Ngày 05 tháng 10 năm 2019
Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần Samco Vina

Mã số thuế: 0104131381

Địa chỉ: Số 45 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại:.....Số tài khoản.....

Họ tên người mua hàng: Nguyễn Tùng Lâm

Tên đơn vị.: Công ty Cổ phần môi trường đô thị Hà Đông

Mã số thuế: 0500332500

Địa chỉ: Số 31 đường Quyết Thắng, Cụm công nghiệp Yên Nghĩa, phường Yên Nghĩa, Hà Đông, T.P Hà Nội

Hình thức thanh toán: CK Số tài khoản: 168909896

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)x(5)
1	Xe nâng Kalmar DRF 450	Chiếc	01	1.295.0000.000	1.295.000.000
Cộng tiền hàng:					1.295.000.000
Thuế suất GTGT: 10 % , Tiền thuế GTGT:					129.500.000

Tổng cộng tiền thanh toán :
1.424.500.000
Số tiền viết bằng chữ: Một tỷ bốn trăm hai mươi tư triệu năm trăm ngàn đồng./.

Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)	Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)	Người bán hàng (Ký, đóng dấu ghi rõ họ, tên)

00

CÔNG TY CỔ PHẦN SAMCO VINA
Số: 15/BBBG - SCVN

Mẫu số 01- TSCĐ
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BIÊN BẢN BÀN GIAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Ngày 05 tháng 10 năm 2019

Hôm nay, ngày 05 tháng 10 năm 2019 tại Công ty Cổ phần môi trường đô thị Hà Đông

Ban giao nhận TSCĐ gồm:

- Ông: Đinh Anh Tuấn chức vụ: Trưởng ph ng kinh doanh - Đại diện bên giao
- Ông: Nguyễn Tùng Lâm chức vụ: Ph ng Kế hoạch - Đại diện bên nhận
- Ông: Lê Huy Hoàng chức vụ: Phó Giám đốc - Đại diện bên nhận Địa điểm giao nhận TSCĐ: Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Hà Đông Xác nhận việc giao nhận TSCĐ như sau:

TT	Tên hàng	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Xe nâng Kalmar DRF 450	01	1.295.000.000	1.295.000.000
Tổng				1.295.000.000

P. Giám đốc bên nhận	**Kế toán trưởng bên nhận**	**Người nhận**	**Người giao**
(Ký, họ tên, đóng dấu)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*

CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ ĐÔNG
Số 10/2019/QĐ - TSCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUYẾT ĐỊNH

(V/v: Đưa tài sản cố định vào sử dụng)

- *Căn cứ thông tư số 45/2013/TT – BTC của Bộ tài chính*
- *Căn cứ biên bản bàn giao số 15/BBBG – SCVN ngày 5/10/2019*
- *Kèm theo hóa đơn GTGT ngày 05 tháng 10 năm 2019 củ Công ty cổ phần Samco Vina*

GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ ĐÔNG QUYẾT ĐỊNH.

Điều 1: Giám đốc công ty quyết định ghi tăng tài sản cố định hữu hình với nội dung sau:

1/. Phần thông số kỹ thuật

Tên TSCĐ	Số hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Cấu hình chi tiết	Nguyên giá (vnd)	Tài liệu kỹ thuật kèm theo
Xe nâng Kalmar DRF 450	Kalmar DRF 450	Việt Nam	2017	Số máy DRF500003489612 Số khung DRF358907128945	1.295.000.000	Hướng dẫn sử dụng

2/. Thời giam sử dụng: 12 năm (144 tháng)

Tính từ ngày: 06/10/2019

Điều 2: Giao cho Ông/Bà: Lê Khải Anh Bộ phận: Xí nghiệp vận tải và cơ giới, quản lý và sử dụng tài sản trên

Điều 3: Sử dụng khấu hao tài sản cố định hàng tháng được tính vào chi phí sản xuất.

Điều 4: Ông/bà: Lê Khải Anh và các bộ phận liên quan có trách nhiệm thi hành quyết định này

Nơi nhận: **GIÁM ĐỐC**

- *Như Điều 4* (Ký, họ tên, đóng dấu)

- *Lưu công ty*

Phụ lục 02

Mẫu số: 01GTKT3/001

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 2: Giao khách hàng Ký hiệu: NK/17G

Số: 0543897

Ngày 11 tháng 10 năm 2019
Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần BKAV

Mã số thuế: 0101360697

Địa chỉ: Tầng 2 - T a nhà HH1 - Khu đô thị Yên H a - Phường Yên H a - Cầu Giấy - Hà Nội

Điện thoại:.....Số tài khoản.....

Họ tên người mua hàng: Nguyễn Tùng Lâm

Tên đơn vị.: Công ty Cổ phần môi trường đô thị Hà Đông

Mã số thuế: 0500332500

Địa chỉ: Số 31 đường Quyết Thắng, Cụm công nghiệp Yên Nghĩa, phường Yên Nghĩa, Hà Đông, T.P Hà Nội

Hình thức thanh toán: CK Số tài khoản: 168909896

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)x(5)
1	Phần mềm BKAV Endpoint	Gói	01	60.000.000	60.000.000
Cộng tiền hàng:					60.00.000
Thuế suất GTGT: 10 % , Tiền thuế GTGT:					6.000.000
Tổng cộng tiền thanh toán :					66.000.000

Số tiền viết bằng chữ: Sáu mươi sáu triệu đồng./.

Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)	Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)	Người bán hàng (Ký, đóng dấu ghi rõ họ, tên)

CÔNG TY CỔ PHẦN BKAV
Số: 198/BBBG - BKAV **Mẫu số 01-TSCĐ**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BIÊN BẢN BÀN GIAO PHẦN MỀM

Ngày 11 tháng 10 năm 2019

Hôm nay, ngày 11 tháng 10 năm 2019 tại Công ty Cổ phần môi trường đô thị Hà Đông

Ban giao nhận TSCĐ gồm:

- Ông: Nguyễn Đình Quân chức vụ: Kỹ thuật viên IT - Đại diện bên giao
- Ông: Nguyễn Tùng Lâm chức vụ: Ph ng Kế hoạch - Đại diện bên nhận

- Ông: Lê Huy Hoàng chức vụ: Phó Giám đốc - Đại diện bên nhận

Địa điểm giao nhận và cài đặt phần mềm: Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Hà Đông

Xác nhận việc giao nhận phần mềm diệt virus BKAV Endpoint như sau:

TT	Tên hàng	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Phần mềm BKAV Endpoint	01	60.000.000	60.000.000
Tổng				60.000.000

Ông Nguyễn Đình Quân đã cài đặt triển khai phần mềm diệt virus BKAV Endpoint cho tất cả 30 máy tính thuộc các ph ng ban của Công ty

P. Giám đốc bên nhận	**Kế toán trưởng bên nhận**	**Người nhận**	**Người giao**
(Ký, họ tên, đóng dấu)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*

CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ ĐÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 12/2019/QĐ - TSCĐ

QUYẾT ĐỊNH

(V/v: Đưa tài sản cố định vào sử dụng)

- *Căn cứ thông tư số 45/2013/TT – BTC của Bộ tài chính*
- *Căn cứ biên bản bàn giao số 15/BBBG – SCVN ngày 5/10/2019*
- *Kèm theo hóa đơn GTGT ngày 11 tháng 10 năm 2019 của Công ty cổ phần Samco Vina*

GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ ĐÔNG

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Giám đốc công ty quyết định ghi tăng tài sản cố định vô hình với nội dung sau:

1/. Phần thông số kỹ thuật

Tên TSCĐ	Số hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Cấu hình chi tiết	Nguyên giá (vnd)	Tài liệu kỹ thuật kèm theo

Phần mềm BKAV Endpoint	PMVR BKAV	Việt Nam	2019	Phần mềm diệt virus BKAV Endpoint	60.000.000	Hướng dẫn sử dụng

2/. Thời giam sử dụng: 6 năm (72tháng) Tính từ ngày: 12/10/2019 **Điều 2**: Giao cho Ông/Bà: Nguyễn Hải Yến Bộ phận: Ph ng Hành chính tổ chức

Điều 3: Sử dụng khấu hao tài sản cố định hàng tháng được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp

Điều 4: Ông/bà: Nguyễn Hải Yến và các bộ phận liên quan có trách nhiệm thi hành quyết định này

Nơi nhận: **GIÁM ĐỐC**

- *Như Điều 4* (Ký, họ tên, đóng dấu) -

Lưu công ty

Phụ lục 03

CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ ĐÔNG

Số: 13/2019/QĐ - TSCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Đôc lâp – Tư do – Hanh phúc

QUYẾT ĐỊNH

(V/v: Nâng cấp phần mềm ERP)

- *Căn cứ thông tư số 45/2013/TT – BTC của Bộ tài chính*
- *Kèm theo hóa đơn GTGT ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Công ty TNHH Miền Đất công nghệ số*

GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ ĐÔNG

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Giám đốc công ty quyết định nâng cấp phần mềm ERP để phục vụ cho công tác quản lý

Điều 2: Giao cho Ông/Bà: Nguyễn Ngọc Hương Bộ phận: Ph ng kế toán

Điều 3: Ông/bà: Nguyễn Ngọc Hương và các bộ phận liên quan có trách nhiệm thi hành quyết định này

GIÁM ĐỐC

- *Như Điều 4* (Ký, họ tên, đóng dấu) -

Lưu công ty

Mẫu số: 01GTKT3/

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 2: Giao khách hàng Ký hiệu: HK/18N

Số: 0000232

Ngày 15 tháng 10 năm 2019

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Miền Đất công nghệ số
Mã số thuế: 0102676894

Địa chỉ: Số 50, ngách 186, ngõ 82, phố Kim Mã, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Điện thoại:.....Số tài khoản.....

Họ tên người mua hàng: Nguyễn Ngọc Hương

Tên đơn vị.: Công ty Cổ phần môi trường đô thị Hà Đông

Mã số thuế: 0500332500

Địa chỉ: Số 31 đường Quyết Thắng, Cụm công nghiệp Yên Nghĩa, phường Yên Nghĩa, Hà Đông, T.P Hà Nội

Hình thức thanh toán: CK Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)x(5)
1	Nâng cấp phần mềm ERP	Gói	01	59.090.909	59.090.909
Cộng tiền hàng:					59.090.909

Thuế suất GTGT: 10 % , Tiền thuế GTGT:		5.909.901
Tổng cộng tiền thanh toán : Số tiền viết bằng chữ: Sáu mươi lăm triệu đồng./.		65.000.000
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)	Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)	Người bán hàng (Ký, đóng dấu ghi rõ họ, tên)

00

Phụ lục 04

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Đôc lập – Tư do – Hanh phúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

(V/v: Phê duyệt thanh lý xe cuốc UB30)

- Căn cứ qui chế quản trị Công tỷ Cổ phần môi trường đô thị Hà Đông

- Căn cứ tờ trình ngày 11/10/2019 của Ph ng Tài chính kế toán

GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ ĐÔNG QUYẾT ĐỊNH.

Điều 1: Giám đốc công ty quyết định thanh lý tài sản cố định hữu hình:
1/. Phần thông số kỹ thuật

Tên TSCĐ	Số hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Nguyên giá (vnd)	Hao m n lũy kế (vnd)
Xe cuốc Nobas UB30	Xe UB30	Hàn Quốc	2006	1.350.000.000	945.000.000

Điều 2: Giám đốc xí nghiệp vận tải và cơ giới có nhiệm vụ tổ chức thanh lý tài sản theo đúng tài sản đã được Tổng giám đốc công ty duyệt.

Điều 3: Sử dụng khấu hao tài sản cố định hàng tháng được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp

Điều 4: Các ông/bà trưởng ph ng Tài chính kế toán công ty chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký

Nơi nhận:
- *Như Điều 4*
- *Lưu công ty*

GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên, đóng dấu) -

CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ ĐÔNG

Mẫu số 02-TSCĐ
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BIÊN BẢN THANH LÝ TSCĐ

Số 09

Căn cứ Quyết định số 12/2019/QĐ - MTĐTHĐ ngày 22 tháng 10 năm 2019 của Giám đốc Công ty Cổ phần môi trường và đô thị Hà Đông về việc thanh lý tài sản cố định.

I. Ban thanh lý TSCĐ gồm:

Ông: Lê Huy Hoàng Chức vụ: Phó Giám đốc Trưởng ban

Ông: Hoàng Văn Ba Chức vụ: HV ph ng TCKT Ủy viên

Ông: Lê Khải Anh Chức vụ: XN vận tải và cơ giới Ủy viên **II.**

Tiến hành thanh lý TSCĐ:

- Tên, ký mã hiệu, qui cách (cấp hạng) TSCĐ: Xe cuốc Nobas UB30
- Số hiệu TSCĐ: Xe UB30
- Nước sản xuất (xây dựng): Hàn Quốc
- Năm sản xuất: 2006
- Năm đưa vào sử dụng 2010 Số thẻ TSCĐ: số 27
- Nguyên giá TSCĐ: 1.350.000.000
- Giá trị hao m n đã trích đến thời điểm thanh lý: 950.000.000 - Giá trị c n lại của TSCĐ: 450.000.000

III. Kết luận của Ban thanh lý TSCĐ:

Xe đã cũ, lạc hậu và hỏng hóc nhiều cần thanh lý để tái đầu tư sản xuất.

IV. Kết quả thanh lý

Chi phí thanh lý: 3.400.000 đồng (Viết bằng chữ: Ba triệu bốn trăm ngàn đồng)

Giá trị thu hồi: 415.000.000 đồng (Viết bằng chữ: bốn trăm mười lăm triệu đồng)

Ngày 22 tháng 10 năm 2019

Giám đốc	**Kế toán trưởng**	T**rưởng Ban thanh lý**
(Ký, họ tên, đóng dấu)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*

CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ ĐÔNG

Mẫu số 02-TT
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

PHIẾU CHI Quyển số: 5

Ngày 22 tháng 10 năm 2019 Số: 101

Nợ: 811

Có: 111

Họ và tên người nhận tiền: Lê Khải Anh

Địa chỉ: Xí nghiệp vận tải và cơ giới

Lý do chi: Thanh lý xe cuốc Nobas UB30

Số tiền: 3.400.000 đồng (Viết bằng chữ:Ba triệu bốn trăm ngàn đồng)

Kèm theo ..... Chứng từ gốc:

Ngày 22 tháng 10 năm 2019

Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Thủ quỹ**	**Người lập phiếu**	**Người nhận tiền**
(Ký, họ tên, đóng dấu)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	Đã nhận đủ số tiền

(viết bằng chữ): Ba triệu bốn trăm ngàn đồng./.

Mẫu số: 01GTKT3/001

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 1: Lưu Ký hiệu: AB/17T

Ngày 22 tháng 10 năm 2019 Số: 1546348

Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần môi trường đô thị Hà Đông

Mã số thuế: 0500332500

Địa chỉ:: Số 31 đường Quyết Thắng, Cụm công nghiệp Yên Nghĩa, phường Yên Nghĩa, Hà Đông, T.P Hà Nội

Điện thoại:.....Số tài khoản: 168909896

Họ tên người mua hàng: Hoàng Thị Hoa

Tên đơn vị: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Hoa Quân

Mã số thuế: 0104131890

Địa chỉ: 140 Nguyễn Văn Cừ, Long Biên, Hà Nội

Hình thức thanh toán: CK Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)x(5)
1	Xe cuốc Nobas UB30	Chiếc	01	415.000.000	415.000.000

Cộng tiền hàng: 415.000.000

Thuế suất GTGT: 10 % , Tiền thuế GTGT: 41.500.000

Tổng cộng tiền thanh toán : 456.500.000

Số tiền viết bằng chữ: Bốn trăm năm mươi sáu triệu năm trăm ngàn đồng./.

Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)	Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)	Người bán hàng (Ký, đóng dấu ghi rõ họ, tên)

CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ ĐÔNG

GIẤY BÁO CÓ

Người nộp tiền: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Hoa Quân Địa chỉ: 140 Nguyễn Văn Cừ, Long Biên, Hà Nội Lý do: Thu tiền thanh lý xe cuốc Nobas UB30	Số: NTTK097 Ngày: 22/10/2019 TK: 1121
Số tài khoản đơn vị thụ hưởng: 168909896 Tại ngân hàng: Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng Số tiền: 456.500.000 VND (bằng chữ: Bốn trăn lăm mươi sáu triệu năm trăm ngàn đồng)	

Diễn giải	Số tiền (VND)	Ghi nợ	Ghi Có
Thu tiền thanh lý xe cuốc Nobas UB30 của Công ty TNHH Hoa Quân	456.500.000	1121	131

Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập phiếu	Người nhận tiền
(Ký, họ tên, đóng dấu)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*

Đơn vị: Công ty CP Môi trường đô thị Hà Đông Địa chỉ: Số 31 đường Quyết Thắng, Cụm công nghiệp Yên Nghĩa, phường Yên Nghĩa, Hà Đông, T.P Hà Nội

Mẫu số S23-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

THẺ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Số: 40

Ngày 01 tháng 10 năm 2019

Căn cứ vào biên bản giao nhận TSCĐ số 001/TS.ngày 05 tháng 10 năm 2019
Tên, mã ký hiệu, quy cách (cấp hạng) TSCĐ: Xe nâng DFR50
Nước sản xuất (xây dựng) Việt Nam Năm sản xuất 2017
Bộ phận quản lý, sử dụng: Quản Lý Năm đưa vào sử dụng 2019
Công suất (diện tích thiết kế)
Đình chỉ sử dụng TSCĐ ngày…tháng… năm …
Lý do đình chỉ

Số CT	Nguyên giá tài sản cố định			Giá trị hao m n tài sản cố định		
	Ngày, tháng, giá	Diễn hao m n	Nguyên Năm	Giá trị	Cộng dồn	năm giải
A	B	C	1	2	3	4
BBGN 001	05/10/2019	Mua xe nâng DRF50	1.295.000.000			

Ghi giảm TSCĐ chứng từ số: ……ngày ……tháng …….năm ……

Lý do giảm……

Ngày 31 tháng 10 năm 2019

Người ghi sổ	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Đơn vị: Công ty CP Môi trường đô thị Hà Đông Địa chỉ: Số 31 đường Quyết Thắng, Cụm công nghiệp Yên Nghĩa, phường Yên Nghĩa, Hà Đông, T.P Hà Nội

Mẫu số S23-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

THẺ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Số: 41

Ngày 01 tháng 10 năm 2019

Căn cứ vào biên bản giao nhận TSCĐ số 001/TS.ngày 11 tháng 10 năm 2019

Tên, mã ký hiệu, quy cách (cấp hạng) TSCĐ: Phần mềm BKAV Endpoint

Nước sản xuất (xây dựng) Việt Nam Năm sản xuất 2019

Bộ phận quản lý, sử dụng: Quản Lý Năm đưa vào sử dụng 2019

Công suất (diện tích thiết kế)

Đình chỉ sử dụng TSCĐ ngày…tháng… năm …

Lý do đình chỉ

Số CT	**Nguyên giá tài sản cố định**			**Giá trị hao m n tài sản cố định**		
	Ngày, tháng, giá	**Diễn hao m n**	**Nguyên Năm**	**Giá trị**	**Cộng dồn năm giải**	
A	B	C	1	2	3	4
BBGN 001	11/10/2019	Mua phần mềm BKAV - Endpoint	60.000.000			

Ghi giảm TSCĐ chứng từ số: ……ngày ……tháng …….năm ……

Lý do giảm……

Ngày 31 tháng 10 năm 2019

Người ghi sổ	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Phụ lục 05:

Đơn vị: Công ty CP môi trường đô thị Hà Nội **Mẫu số 06-TSCĐ**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG TÍNH VÀ PHÂN BỔ KHẤU HAO TSCĐ

Tháng 10 năm 2019

Stt	Chỉ tiêu	SL	TG SD	Nơi sử dụng / Toàn DN		TK 627 – Chi phí sản xuất chung	TK 641 – Chi phí bán hàng	TK 642 - Chi phí QLDN
				NG	Mức KH TSCĐ			
I	**Số khấu hao trích tháng trước**			**146.642.745.199**	**1.356.432.054**	**755.725.036**	**85.692.297**	***515.014.721***
II	**Số KH TSCĐ tăng trong tháng**			**1.355.000.000**	**9.588.709**	**9.051.075**		
1	Xe nâng DFR50	1	***12***	1.295.000.000	9.051.075	9.051.075		
2	Phần mềm BKAV Endpoint	1	***6***	60.000.000	537.634			537.634
III	**Số KH TSCĐ giảm trong tháng**			**1.350.000.000**	**3.629.032**	**3.629.032**		
1	Xe cuốc Nobas UB30	1	***10***	1.350.000.000	3.629.032	3.629.032		
IV	**Số KH trích tháng này (I+II-III)**			**146.647.745.199**	**1.362.391.731**	**7.562.672.079**	**85.692.297**	**515.552.355**

Người lập bảng *Ngày 31 tháng 10 năm 2019*

(Ký, họ tên) **Kế toán trưởng**

Đơn vị: Công ty CP môi trường đô thị Hà Nội

Địa chỉ: Số 31 đường Quyết Thắng, Cụm công nghiệp Yên Nghĩa, phường

Yên Nghĩa, Hà Đông, T.P Hà Nội

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản		Số tiền
	Số hiệu	Ngày, tháng		Nợ	Có	
……	……..	……..	……..	…….	……	…….
05/10/2019	AA/18P 2510629	05/10/2019	Mua xe nâng DFR 450	211	112	1.295.000.000
05/10/2019	AA/18P 2510629	05/10/2019	Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ	133	112	129.500.000
……	……..	……..	……..	…….	……	…….
11/10/2019	NK/17G 0543897	11/10/2019	Mua phần mềm diệt Vius BKAV Enadpoint	213	112	60.000.000
11/10/2019	NK/17G 0543897	11/10/2019	Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ	133	112	6.000.000
……	……..	……..	……..	…….	……	…….
22/10/2019	BBTL009	22/10/2019	Hao m n lũy kế xe cuốc Nobas UB30	2141	211	945.000.000
22/10/2019	BBTL009	22/10/2019	Giá trị c n lại của xe cuốc Nobas UB30	811	211	405.000.000

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

(trích)

Tháng 10/2019

Ngày 31 tháng 10 năm 2019

Người ghi sổ	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	

22/10/2019	PC101	22/10/2019	Chi thanh lý xe cuốc Nobas UB30	811	111	3.400.000
22/10/2019	AB/17T 1546348	22/10/2019	Thu từ thanh lý xe cuốc Nobas UB30	112	711	415.000.000
22/10/2019	AB/17T 1546348	22/10/2019	Thuế giá trị gia tăng đầu ra	112	3331	41.500.000
……	……..	……..	……..	…….	……	…….
31/01/2020	BPBKH	31/01/2020	Phân bổ KH TSCĐ hữu hình tại BP sản xuất	627	2141	5.442.043
31/01/2020	BPBKH	31/01/2020	Phân bổ KH TSCĐ vô hình tại BP QLDN	642	2141	537.634
……	……..	……..	……..	…….	……	…….
			Cộng			**3,498,513,536**

Đơn vị: Công ty CP môi trường đô thị Hà Nội **Mẫu số S03b-DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Địa chỉ: Số 31 đường Quyết Thắng, Cụm công Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính) **nghiệp Yên Nghĩa, phường Yên Nghĩa, Hà Đông,**
T.P Hà Nội

SỔ CÁI (trích)

(Dùng cho hình thức Nhật ký chung)

Năm 2019

Tên tài khoản: Tài sản cố định hữu hình
Số hiệu: 211

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang sổ	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu năm - Số phát sinh trong tháng				xxx	
…..	…..	……	…….	……	……	…….	…..	…..
05/10/2019	AA/18P – 2510629	05/10/2019	Mua mới xe nâng Kalmar DRF 450			331	1.295.000.000	
22/10/2019	BBTL009	22/10/2019	Thanh lý xe cuốc Nobas UB30 …..			214 811		950.000.000 450.000.000
….	….	……		……	….	….		
			- Cộng số phát sinh tháng - Số dư cuối tháng - Cộng luỹ kế từ đầu quý				xxxxx xxxxx	xxxxx xxxxx

- Sổ này có …. trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ….
- Ngày mở sổ:…

Ngày 31 tháng 10 năm 2019

Ng-êi ghi sæ
(Ký, hä t^a^n)

KÕ to¸n tr-ëng
(Ký, hä t^a^n)

Gi¸m ®èc *(Ký, hä tªn, ®ãng dÊu)*

Đơn vị: Công ty CP môi trường đô thị Hà Nội Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Địa chỉ: Số 31 đường Quyết Thắng, Cụm công nghiệp Yên Nghĩa, phường Yên Nghĩa, Hà Đông, T.P Hà Nội

SỔ CÁI (trích)

(Dùng cho hình thức Nhật ký chung)

Năm 2019

Tên tài khoản: Tài sản cố định vô hình

Số hiệu: 213

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang sổ	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu năm - Số phát sinh trong tháng				xxx	
…..	…..	……	…….	……	……	…….	…..	…..
11/10/2019	NK/17G – 0543897	11/10/2019	Mua mới phần mềm BKAV Endpoint …..			331	60.000.000	
….	….	……		……	….	….		
			- Cộng số phát sinh tháng - Số dư cuối tháng - Cộng luỹ kế từ đầu quý				xxxxx xxxxx	xxxxx xxxxx

- Sổ này có …. trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ….
- Ngày mở sổ:…

Ngày 31 tháng 10 năm 2019

Ng-êi ghi sæ
(Ký, hä tªn)

KÕ to¸n tr-ëng *(Ký, hä tªn)*

Gi¸m ®èc *(Ký, hä tªn, ®ãng dÊu)*

Đơn vị: Công ty CP môi trường đô thị Hà Nội **Mẫu số S03b-DN Địa chỉ: Số 31 đường Quyết Thắng, Cụm công** (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC **nghiệp Yên Nghĩa, phường Yên Nghĩa, Hà Đông, T.P Hà Nội**

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI (trích)

(Dùng cho hình thức Nhật ký chung)

Năm 2019

Tên tài khoản: Hao m n TSCĐ
Số hiệu: 214

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang sổ	STT d ng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu năm - Số phát sinh trong tháng				xxx	
…..	…..	……	…….	……	……	…….	…..	…..
22/10/2019	BBTL 009	22/10/2019	Thanh lý xe cuốc Nobas UB30 …..			211	950.000.000	
….	….	……						
31/10/2019	BPBKH	31/10/2019	Phân bổ KH TSCĐ hữu hình tại BP SX			627		5.442.043
31/10/2019	BPBKH	31/10/2019	Phân bổ KH TSCĐ vô hình tại BP quản lý			642		537.634
……..	……	…….	…….			…..		….
			- Cộng số phát sinh tháng - Số dư cuối tháng - Cộng luỹ kế từ đầu quý				xxxxx xxxxx	xxxxx xxxxx

- Sổ này có …. trang, đánh số từ trang số 01 đến trang …. -
Ngày mở sổ:…

Ngày 31 tháng 10 năm 2019

Ng-êi ghi sæ *(Ký, hä tªn)*

KÕ to¸n tr-ëng *(Ký, hä tªn)*

Gi¸m ®èc *(Ký, hä tªn, ®ãng dÊu)*

Phụ lục 06:

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ ĐÔNG
Số 121, đường Tô Hiệu, phường Nguyễn Trãi, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Mã Thuyết số minh	31/12/2019	01/01/2019
NGUỒN VỐN			
		12.564.708.894	**16.787.649.189**
16.787.649.189		**12.564.708.894**	**16.787.649.189**
2.780.051.539		4.445.907.807	
5.394.960.509		5.000.000	
3.270.361.272		2.539.660.125	
1.816.536.600		1.973.742.099	
2.132.559.941		1.393.163.535	
1.393.179.328		2.207.235.328	
-		-	
114.718.123.981		**113.378.343.028**	
114.718.123.981		**113.378.343.028**	
47.879.100.000		47.879.100.000	
47.879.100.000		*47.879.100.000*	
53.506.514.900		53.506.514.900	
13.332.509.081		11.992.728.128	
9.119.982.128		*10.000.864.795*	
4.212.526.953		*1.991.863.333*	
131.505.773.170		**125.943.051.922**	

c. **NỢ PHẢI TRẢ** **300**

I. Nợ ngắn hạn **310**

1. Phải trả người bán ngắn hạn 311 11 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn 312 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước 313 12.a

4. Phải trả người lao động 314 9. Phải trả ngắn hạn khác 319 13 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi 322

II. Nợ dài hạn **330**

D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**	
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**14**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*	
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	*- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước* *421a*
- LNST chưa phân phoi năm nay	*421b*	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**	



Phạm Trung Thành Giam đốc Lê Thị Bích Hồng Lưu Thị Hồng Tưởng *Hà Đông, ngày 26 thảng 03 năm 2020* **Kế toán trưởng Người lập**

Các thuyết minh đỉnh kèm là một bộ phận họp thành của Bảo cáo tài chính này

CÔNG TY C PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ Ổ HÀ ĐÔNG

Số 121 đường Tô Hiệu, phường Nguyễn Trãi, quận Hà Đông,

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính

Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO C

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần

1. **ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH**

1.2 **LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ NGÀNH N**

- Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, l
- Pha dỡ;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh c nước, công viên cây xanh, chiếu sá
- Hoạt động vui chơi giải trí khác ch công viên;
- Hoạt động làm thuê công việc gia đ thuê lại lao động);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân d hoa, công viên cây xanh;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Vệ sinh chung nhà cửa;
- Vệ sinh nhà cửa và các công trình

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty t

Thu gom rác thải, thoát nước và xử lý r dựng công trình công ích (Quản lý, duy t chăm sóc và duy trì cảnh quan (Quản xanh, chiếu sáng công cộng, trang trí đ công trình khác.

1.3 **CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔ**

Công ty có chu kỳ sản xuất kinh doanh th

1.4 **TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG so SÁNH TH**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toá cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trong B 31/12/2018 và hoàn toàn có thể so sánh đ

2. **KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ sử DỤN**

2.1 **KỲ KẾ TOÁN**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ n năm Dương lịch. Báo cáo tài chính n 31/12/2019.

2.2 **ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình b giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế t Nam và các quy định pháp lý có liên qua

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO T

ic thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọ

3. CHUẨN Mực VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP D

3.1 CHẾ Độ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo C theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC npày 22/ 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 và Thông tu đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/ Chế độ kế toán doanh nghiệp và các Quy định bày Báo cáo tài chính.

3.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CH TOÁN

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán V mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài ch dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 2 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 và Thông tu đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/ liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài c

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọn cáo tài chính này:

4.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các C Giám đốc phải có những ước tính và giả định ả công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản cô cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có

4.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯ

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm t cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng chuyên đổi thành các khoản tiền n biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.3 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu kh các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ng nợ phải thu khó đ i được Công ty trích lập thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản ca nghiệp đã đ i nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồ chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm tục giải thể, mất tích, bỏ trốn. Mức trích lập dụ thực hiện theo Thông tư số 48/2019/TT- BTC r hoặc giảm khoản dự ph ng phải thu khó đ i đ nghiệp trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO

**Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần đ
neo)**

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.4 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá tl
thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao
kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm:
chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong q
chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mu
Giá xuất hàng tồn kho được xác định theo phư
Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường
Dự ph nệ giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của
chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuầ
hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện đ
chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bá
giảm khoản dự ph ng giảm giá hàng tồn kho
năm.

4.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được trình bày th
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồ
khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản và
Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụ
được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cô định
thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá tương ứng, k
mà chỉ điều chỉnh mức khấu hao tương ứng
định.
Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hìn
ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong
chắn làm cho tài sản cố định hữu hình tạo ra l
hoạt động được đánh giá ban đầu thì được gh
Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo
hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể

Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị Pl
bị, dụng cụ quản lý	03-06

Công ty áp dụng tính và trích khấu hao tài sản
45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ng
trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147
bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/
ngày 12/04/2017 sửa đổi một số điều của Thôn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Bảo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.6 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Các khoản chi phí trả ừước dài hạn bao gồm giá trị c n lại của những công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tươmg lai với thời gian sử dụng trên một năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian không quá 2 năm. Các chi phí đã chi trước cho hoạt động kinh doanh nhưng liên quan đến việc tạo ra doanh thu của nhiều năm tại chính Công ty ghi nhận là các khoản chi phí trả trước và tiến hành phân bổ tương ứng với số năm khai thác được doanh thu.

4.7 NỢ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm:

Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hoá, dịch vụ;

Phải trả khác bao gồm các khoản phải trả không mang tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán hàng hoá, dịch vụ.

4.8 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế GTGT đầu vào được hạch toán theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất thuế GTGT đầu ra là 10% đối với các dịch vụ: Dịch vụ tang lễ, dịch vụ môi trường, dịch vụ thoát nước, dịch vụ cho thuê xe, công trình xây dựng.

Dịch vụ cây xanh, dịch vụ điện chiếu sáng công cộng là đối tượng không chịu thuế GTGT.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực được áp dụng là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tuỳ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.9 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; Công ty có thể thu được lợi ích kinh tế đồng thời có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.